

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 174

NĂM THỨ XXVI



THÁNG 7 - 2023

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
**HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT ANH
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 7 - 2023

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Miệt mài học tập theo gương Bác
Nguyễn Văn Doanh 3

* Người về từ đoàn tàu Không số
Lê Khanh 6

KỶ NIỆM 76 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH, LIỆT SỸ (27/7/1947 - 27/7/2023)

* Sóng bầm đá, chết hóa đá kết hoa bất tử
Lê Kham 8

* Trở lại miền đất hứa
Nguyễn Thành Hương 12

Trang thơ Kỷ niệm Ngày Thương binh, Liệt sỹ 14-15

* Ghi nhớ công ơn các anh hùng, liệt sỹ
Đương Đức Nghiêm 16

* Nhà thơ Lê Anh Xuân và bài thơ "Dáng đứng
Việt Nam"

Nguyễn Đình Tùng 20

TUYÊN TRUYỀN 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM

* Giữ gìn bản sắc văn hóa trong Kiến trúc hiện đại
ở Bắc Ninh

Huy Phách 23

Trang thơ Người Kinh Bắc 26-27

KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG VĂN NGHỆ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (25/7/1948 - 25/7/2023)

* Vai trò của văn nghệ sỹ Bắc Ninh trong việc xây
dựng và phát triển văn hóa con người mới

Nguyễn Thái Sơn 28

* Tạp chí người kinh bắc góp phần xây dựng văn
hóa, con người mới

Lê Thanh Huyền 31

Tản văn: Thỏa nỗi nhớ quê

Lưu Lan Phương 34

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Bia đá chùa Đông Lâm - Giá trị lịch sử văn hóa
Nguyễn Văn An 37

* Đọc - Hiểu các trích đoạn Truyện Kiều trong nhà
trường nhìn từ những quan niệm mang tính văn hóa
thời Trung đại

Nguyễn Thị Hồng Nhung 40



NGƯỜI Kinh Bắc

- * Đền thờ An Sinh Vương - Trần Liễu ở Thuận Thành
Nguyễn Nho Thuận 45
- * Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư
Phan Thị An Ngọc 48
- Truyện ngắn:** Duyên nợ cõi người
Hoàng Giá 51
- Trang thơ Người Kinh Bắc** 58-59
- TÁC GIẢ - TÁC PHẨM**
- * Nhà thơ "Rau tập tàng"
Nguyễn Công Hào 60
- * Đến với bài thơ "*Uống rượu lúc ban mai*" của nhà thơ
Nguyễn Đình Chế
Vũ Tuấn Anh 64
- Tản văn:** Đi qua một con đường
Luu Thị Phụng 66
- VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC**
- * Về nơi đón dòng sông Đuống vào đất Bắc Ninh
Quang Thuận 69
- Tản văn:** Tường vi cánh mỏng môi mềm
Nguyễn Thị Đương 74
- Trang thơ cộng tác viên** 76-77
- Tản văn:** Con đường bằng lăng
Vũ Việt Tâm 78
- ĐẾN VỚI BÀI THƠ HAY**
- * "Hạt gạo làng ta" của Trần Đăng Khoa
Nguyễn Khắc Đàm 80
- Ghi chép:** Kỷ niệm khó quên
Truyện ngắn: Chuyện tình bên bến sông
Vũ Thế Thước 85
- Ghi chép:** Yêu sao nét vẽ Đông Hồ
Phạm Thuận Thành 93
- Tản văn:** Đêm quê êm đềm
Nguyễn Văn Chiến 95
- ÂM NHẠC**
- * Những người lính năm xưa
Nhạc và lời: Xuân Doãn 97
- * Biết ơn mẹ Việt Nam anh hùng
Nhạc và lời: Dương Đức Tuấn 98
- MỸ THUẬT**
- * Bìa 1: Nguyễn Nghĩa Cương - Thuyền về bến
* Bìa 4: Nguyễn Việt Vịnh, Nguyễn Bá Sơn, Hà Thị Khánh,
Trương Thị Hồng My, Vũ Đăng Sức
- NHIẾP ẢNH**
- * Bìa 2: Quang Bình, Trần Phan, Thu Thảo, Lê Kham
* Bìa 3: Trọng Hiếu, Nguyễn Văn Điệp, Nguyễn Văn Thủy,
Nguyễn Hải Đăng, Lý Việt Dũng

MIỆT MÀI HỌC TẬP

theo gương Bác

NGUYỄN VĂN DOANH

Nhanh nhẹn, cần cù, đầy bản lĩnh, luôn luôn khiêm tốn học hỏi, hy sinh cái riêng cho cái chung, được mọi người kính nể. Ông hơn tôi hai tuổi; biết ông từ năm 1951- khi ông mới 14 tuổi, làm liên lạc cho Việt Minh. Rồi thời gian, cuộc đời tạo cho ông được tham gia cả hai cuộc chiến tranh (chống Pháp, chống Mỹ) đầy máu lửa. Cuộc đời ông với phương châm là “Học nữa - học mãi”. Chỉ tự học, từ không biết chữ, đến biết chữ, trở thành nhà văn. Một cựu chiến binh đầy khí phách, kiên cường, sâu sắc. Người như thế không nhiều. Đó là nhà văn Hoàng Tiến. Một người lính Cụ Hồ. Năm nay 87 tuổi, quê thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vẫn miệt mài phấn đấu. Năm 2022 được Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng giải ba cuộc thi “Truyền thống Cựu chiến binh...” và “Đại hội Cựu chiến binh Việt Nam”. Hội Cựu chiến binh tỉnh Bắc Ninh cũng khen ông về thành tích này. Đây không phải lần đầu tiên ông được giải thưởng. Trong

suốt chặng đường dài hơn 70 năm phấn đấu. Nhà nước, Quân đội đã khen tặng ông: Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương giải phóng hạng Nhì, Bằng dũng sĩ diệt Ngụy, Huy chương Cựu chiến binh, Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật... và nhiều Bằng khen, Giấy khen khác...

Từ khi về hưu, vào Hội Cựu chiến binh, vào Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Ninh, ông cũng nhiều lần được giải thưởng, đáng chú ý là giải Ba của Ban chỉ đạo Cuộc vận động sáng tác quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật về “Học và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2020.

Viết về Bác, về noi gương Bác không hề dễ. Hình bóng Bác, thân thể và sự nghiệp của Bác lồng lộng như trời như biển, tư tưởng của Bác trong sáng như pha lê, đạo đức của Bác đầy ắp các cung bậc Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín, phong cách lại giản dị tới không cùng... Noi gương Bác phải là chân thật, phong

phú, có sức lan tỏa. Người viết phải công phu, dày vốn sống và tư liệu. Và hơn cả là tâm thế phải trong veo, rất sâu sát và dũng cảm. Với đề tài nghiêm chỉnh này, hình như Bắc Ninh chưa ai vượt ông - dấu cuộc vận động đã trải qua 3 đợt.

Hoàng Tiến là người suốt đời phấn đấu, làm theo lời Bác. Từ khi cuộc kháng chiến đang cam go, quyết liệt, quê hương Thuận Thành nói chung và Đình Tổ nói riêng, lâm vào cảnh “mất đất”. Kẻ địch o ép, khủng bố, chà xát... bằng lực lượng của 4 lô cốt Pháp và hơn 70 lô cốt Bảo an... chúng quyết tiêu diệt sức đề kháng của Việt Minh. Nhiều cán bộ, Đảng viên, du kích, bộ đội địa phương, cả cơ quan đầu não của huyện phải tạm lánh sang Tiên Du, Quế Dương... chỉ đêm đêm vượt sông, vượt đê đông giá rét, nước siết, sóng to về gây cơ sở, diệt tề, trừ gian, tiến tới đura, đón bộ đội chủ lực về giải phóng.

Trong nguy hiểm khôn lường, bọn Bảo an phản động sẵn sàng vây phục, bắt Việt Minh nộp cho “quan thầy”. Còn bọn Pháp thì vô cùng hung bạo... cái chết luôn kề cận, dân tình nao núng... Nhưng được các chú, các anh tuyên truyền, vận động, Hoàng Tiến đã tự nguyện đi theo. Tuổi ấy cả huyện chỉ có độ dăm người, sẵn sàng làm mọi việc như liên lạc, văn phòng, du kích... Trong trận đánh càn nổi tiếng ở Tư Thế - Trà Lâm, tháng 4/1954, Hoàng Tiến làm Văn phòng kiêm liên lạc cho Ủy ban kháng chiến hành chính xã Trí Quả (do huyện điều sang). Hoàng Tiến tham gia chiến đấu đến phút cuối cùng, khi quân ta cạn kiệt vũ khí, kẻ địch tràn vào làng Hoàng Tiến và một số anh em bị bắt - bị tra

khảo dã man, nhưng nhất quyết không khai báo. Trước sau ông chỉ: “Đi học ở Hà Nội, về chơi, gặp càn, rồi bị bắt...”. Sau một tuần, kẻ địch phải thả. Mang cái đầu trọc lóc, trắng hếu và những vết bầm tím trên người, ra về, giữa những mừng vui của anh em, bà con... Hoàng Tiến lại bắt tay ngay vào sẵn sàng chiến đấu tiếp. Trận đánh ấy góp phần quan trọng để Trí Quả được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đến chóng Mỹ, khi đã 31 tuổi, lại thuộc hàng đông con nhỏ (4 con) Hoàng Tiến vẫn xung phong vào bộ đội, đi Nam, chiến đấu trong binh chủng bộ binh suốt tám năm ròng và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Từ người lính lên Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, rồi chuyển sang Chính trị viên (vượt cả 3 cấp Phó) khi có Hiệp định Paris, ông làm Trưởng Tiểu ban Binh vận Trung đoàn 4 (thuộc Quân Khu Trị - Thiên - Huế). Điều ấy nói lên ý chí, đạo đức và năng lực của một cán bộ trưởng thành trong chiến đấu.

Khi đất nước một rừng cờ, một rừng hoa, ông chuyển ngành về cơ quan cũ. Sự thấm nhuần đạo đức của Bác Hồ, đã cứu rỗi ông vượt qua những ngang trái của cuộc đời. Trước khi nhập ngũ, ông là kế toán trưởng phòng Lương thực huyện. Trong chiến trường, làm đến chức Trưởng Tiểu ban, cấp Trung đoàn (tương đương Chính trị viên Tiểu đoàn). Tiến tại chức như vậy là đáng nể trọng (gần hai trăm cán bộ, nhân viên Ty Lương thực Hà Bắc nhập ngũ, đến giải phóng miền Nam - không ai lên được chức Tiểu đoàn).



Song, ông về lại chỉ làm nhân viên, bị rút 2 bậc lương “cho phù hợp”. Không phải ông không nghĩ suy trước sự cư xử của người khi tiễn chân đi: “Yên tâm, nay mai về, cánh mình lo”. Ông buồn vì tình của người “ở nhà” với người ra đi vì nghĩa lớn, nhưng ông kìm nén được: “Anh em còn bỏ cả thân xác. Mình về được là may!”. Không ít người khuyên ông phải đòi hỏi, phải kiện... “ít ra là trả lại cương vị cũ”. Ông khiêm nhường bảo: “Chức tước chỉ là cái phù du”. Vẫn miệt mài lao động, cống hiến, phong cách vẫn vui vẻ, trẻ trung. Luôn thể hiện nét đẹp và trong sáng. Mỗi năm 49 tuổi cấp trên mới giao chức Cửa hàng trưởng. Ông làm đúng 1 năm rồi xin về hưu. Sớm hơn thời hạn 10 năm. Không tiếc. Dẫu là Cửa hàng trưởng ngành Lương thực, được cho là rất hot. Và dẫu ông vẫn được Đảng viên, cán bộ tín nhiệm (nhiều năm tham gia cấp ủy Chi bộ Công ty).

Không ít người lấy làm lạ, họ hỏi: “Sao về? Còn khỏe, lại đầy năng lực. Nhiều người đến tuổi còn không muốn”. Khi đọc văn ông, bạn đọc mới thấy le lói nổi người qua những trang văn.

Văn là người. Hoàng Tiến là người miệt mài phấn đấu, rèn luyện, vượt khó, vượt hạn chế về học lực và tuổi tác. Ông viết đều, viết khỏe. “*Ngoại bát tuần còn đi còn viết/ Viết làm sao đền đáp công ơn...*”. Trong khoảng 20 năm ông trình làng 7 tập sách (4 tập Truyện ngắn, 1 Bút ký, 1 Hồi ký, 1 Thơ) và còn các bài khác trên báo chí. Tác phẩm của ông được các nhà xuất bản danh giá, các báo lớn đăng tải, (như Hội Nhà văn, Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân, Báo Văn nghệ, Tạp chí

Người Kinh Bắc, báo tỉnh...). Nhiều giải thưởng của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Trung ương Hội Cựu chiến binh và Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh... động viên sự phấn đấu của ông. Văn ông trong sáng, mộc mạc, dễ đọc, nhưng khá sâu sắc, rất trúng dòng “hiện thực phê phán”. Nhà thơ Nguyễn Anh Thuấn - Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam viết: “Truyện ngắn Hoàng Tiến mang bản sắc riêng của Văn đàn Bắc Ninh”. Nhà báo Vũ Việt Tâm (Hoài Thu): “Tập truyện **Mura đuổi** ẩn ý nhiều bài học làm người”. Nhà thơ Trần Công Sản: “Hoàng Tiến là người viết trung thành và dũng cảm”... Dẫu đã có hàng ngàn người - đủ các cương vị - viết về Bác Hồ nhưng Hoàng Tiến vẫn tìm tòi: “Hồ Chí Minh những điều lạ ở nơi Người”, hoặc những bài viết có độ suy ngẫm rất sâu: “Hàm bí mật”, “Đất Thuận vươn lên”.

Cái cốt lõi ở Hoàng Tiến là tinh thần dẫn thân: Trong chiến đấu thì giai đoạn nào cũng hùng hực lửa chiến. Ở ngành kinh tế thì luôn liêm khiết, không có bất cứ vết sạn nào, dẫu vợ con nghèo túng bởi “vết thương” tám năm chỉ mình vợ lo toan. Làm văn chương thì luôn cháy lên ngọn lửa đam mê, cống hiến, dẫu cả đời chẳng được học qua trường lớp nào (cả dân chính và quân đội) học lực chỉ quãng lớp 5, lớp 6 (học tại gia). Bạn bè hỏi: “Duyên có gì khiến ông thành công?”. Ông cười khiêm nhường: “Học bạn. Học ở cuộc đời và điều căn cốt là học Bác. Bác dạy: “*Không có việc gì khó/ Chỉ sợ lòng không bền...*”.

Người sống trung thực, tận tâm như Hoàng Tiến, gần 60 năm tuổi Đảng vẫn vui, khỏe, có ích, thật xứng đáng con cháu Cụ Hồ./.

NGƯỜI VỀ TỪ

Đoàn tàu không số

LÊ KHANH

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày trận chiến Gạc Ma, tôi đến thăm Cựu Chiến binh Nguyễn Văn Chung ở Khu phố 3, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ. Thời chống Mỹ, ông Chung là bộ đội hải quân, đơn vị D2, Đoàn 125 - Đoàn tàu không số. Đó là những con tàu vỏ gỗ, vỏ sắt thô sơ nhỏ bé không mang số. Vậy mà nó đã vượt qua biển cả mênh mông, sóng gió và bão tố; vượt qua sự truy tìm, ngăn chặn gắt gao của kẻ thù để đưa vũ khí vào chiến trường Nam Bộ, làm nên trang huyền thoại thời chống Mỹ. Rồi tan giặc, súng đạn gửi kho, ông Chung về cầm bút. Học xong thì định vị về huyện công tác đến nghỉ hưu. Nhưng nay trong phòng khách gia đình ông chỉ treo duy nhất bức ảnh Con Tàu Không Số trên đường vận chuyển vũ khí vào chiến trường miền Nam. Đó là tấm hình hải quân Mỹ chụp trong chiến tranh, khi họ truy lùng tàu ta trên biển. Tấm hình ấy nhắc ông về một thời hoa lửa. Nhìn phong độ ông bây giờ, ít ai nghĩ ông đã quá tuổi 70. Nghỉ hưu hơn chục năm thì bằng ấy năm làm Trưởng ban Mặt trận và Bí thư Chi bộ khu phố. Ông bảo làm mấy khóa rồi, cổ lai hy rồi, nghỉ cho lớp trẻ lên. Mấy lần ông xin nghỉ, mà chi bộ chưa cho. Chi bộ cần người sát sao và tận tâm công việc. Chi bộ hơn 40 đảng viên, thì phần lớn là hưu trí. Ông Chung cho rằng,



hưu trí không phải là "hết đất". Ở họ có lợi thế là hiểu biết, uy tín và kinh nghiệm. Đó là tài nguyên, vốn quý. Tài nguyên ấy đã được phát huy trong cuộc vận động học tập và làm theo Bác. Nhiều đảng viên dù tuổi cao vẫn nhiệt tình công tác. Tài nguyên ấy đã được phát huy trong các cuộc thi do tỉnh và huyện phát động. Chi bộ có đảng viên đoạt giải Ba cuộc thi tìm hiểu "Thân thể sự nghiệp cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Quang Đạo" do Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức; đoạt giải Nhì cấp tỉnh cuộc thi về "Tìm hiểu truyền thống Cựu Chiến binh Việt Nam" do



Hội Cựu Chiến binh Việt Nam tổ chức. Gần như mọi việc của khu đều có đảng viên đóng góp, tham gia. Đặc biệt trong phòng chống dịch Covid-19, đảng viên tham gia tuyên truyền phòng chống dịch, đưa người bệnh đi cách ly, làm vệ sinh khu phố. Thời gian dịch bệnh bùng phát lớn trong các khu công nghiệp, ông chỉ đạo cán bộ khu phải tập trung chống dịch theo đúng chỉ đạo của trên. Do quyết liệt và làm tốt công tác phòng chống, nên khi dịch bùng phát, trên địa bàn khu đã nhanh chóng khoanh vùng không chế dịch ngay. Ông Nguyễn Thái Phú, Trưởng khu phố cho biết, ông Chung là một cán bộ rất sâu sát, tỉ mỉ và chu đáo. Ông thường dành thời gian đi xuống các tiểu khu, nắm bắt và lắng nghe phản ánh của dân. Ông quan tâm đến cả những điều tưởng chừng nhỏ bé. Ông dặn anh em, việc dù có to đến mấy thì cũng bắt đầu từ nhỏ bé. Ví dụ như việc vận động không nuôi súc vật trong nhà. Việc nhỏ nhưng ý nghĩa to. Mấy năm trước khu phố có hộ nuôi lợn sau nhà, gây ô nhiễm. Vụ việc kéo dài. Hàng xóm kêu ca. Chủ nhà có lời lẽ và hành động gây bức xúc. Ông cùng cán bộ xuống gặp chủ nhà kiên trì vận động. Việc giải quyết êm thấm, tránh được mâu thuẫn trong dân. Việc tuy nhỏ, nhưng quan trọng, cũng giống như cái via hè. Ông bảo, cái via hè tưởng bé, nhưng không bé. Huyện Quế Võ sắp trở thành thị xã, thị trấn lên phường. Đô thị văn minh cái via hè phải đẹp và thông thoáng. Quản lý đô thị là từ những việc đó chứ đâu. Nhưng quản lý đô thị đâu phải một mình trưởng khu làm được, hệ thống chính trị cũng phải xắn tay vào. Đảng viên được phân công phụ trách các hộ gia đình. Vì vậy, trong nhiều năm khu 3 không còn tệ nạn. Các đoàn thể được giao việc cụ thể. Dải đất trước Nhà Văn hóa khu cỏ mọc um tùm, muỗi trú, Chi hội phụ nữ nhận trồng hoa. Hàng tuần chị em đều tổ chức dọn vệ sinh đoạn đường tự quản. Chi hội Cựu Chiến

binh xây dựng kế hoạch tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông. Nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của hội viên, tự giác chấp hành Luật Giao thông, tuyệt đối không uống rượu, bia khi tham gia giao thông. Đồng thời vận động gia đình, người thân, cộng đồng nơi cư trú không vi phạm trật tự an toàn giao thông. Trên địa bàn khu phố có 2 trường Tiểu học và Trung học cơ sở, vào giờ tan học cổng trường thường ách tắc. Chi hội Cựu Chiến binh cử hội viên tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông khu vực trường học. Hoạt động này đã góp phần giảm thiểu ách tắc giao thông. Ngoài ra, chi hội còn nhận chăm sóc hàng cây trước cổng trường gọi là đường cây Cựu Chiến binh. Chi hội Người cao tuổi phối hợp với Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu Chiến binh tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ rất sôi nổi. Đội văn nghệ đã đi giao lưu biểu diễn trong và ngoài thị trấn.

Đồng chí Nguyễn Khắc Bốn, Huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy thị trấn Phố Mới nhận xét: "Đồng chí Nguyễn Văn Chung, Bí thư chi bộ Khu phố 3 là người tận tâm và trách nhiệm. Là cựu chiến binh, đồng chí luôn biết hướng cả hệ thống chính trị vào cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhiều năm liền Khu phố 3 được công nhận là Khu phố văn hóa. Chi bộ nhiều năm liền được công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2017, Chi bộ được Tỉnh ủy tặng Bằng khen do có thành tích là chi bộ nhiều năm đạt trong sạch vững mạnh. Trong thành tích chung đó có sự đóng góp của Bí thư Chi bộ Nguyễn Văn Chung. Năm 2018, đồng chí được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen có thành tích là người cao tuổi tích cực tham gia các đoàn thể chính trị; năm 2019, được Tỉnh ủy tặng Bằng khen. Thật đúng là một cựu chiến binh, một đảng viên tiêu biểu" /.

Sống bám đá, CHẾT HÓA ĐÁ KẾT HOA BẤT TỬ

LÊ KHAM

Tháng 2 năm 1985, Trung đoàn 2 (Hoài Ân) nhận nhiệm vụ điều động của Bộ Quốc phòng, tách khỏi đội hình Sư đoàn 3 (Sao Vàng) anh hùng, mang mặt danh “QT-85” hành quân sang tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Hà Giang). Trung đoàn được sáp nhập, tăng cường trong đội hình Sư đoàn 356, với phiên hiệu E981 “Quang Trung”, trực tiếp trấn giữ chiến đấu tại các điểm cao bảo vệ dải biên cương thuộc xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Sau hơn 38 năm, đây là lần đầu tiên tổ chức gặp mặt “Tri ân và giao lưu đồng đội 1979 - 1988”. Với hơn 600 cựu chiến binh, đến từ các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Hà, Nam Định, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Lạng Sơn và thành phố Hà Nội, trong đó đông nhất là tỉnh Bắc Ninh hơn 150 cựu chiến binh.

Đó là những chiến binh Trung đoàn 2 (An Lão) anh hùng, trực tiếp tham gia cuộc chiến may mắn hơn còn sống trở về,

và hôm nay mới có dịp hội tụ tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Mảnh đất mà đơn vị được chọn làm nơi đóng quân giai đoạn từ năm 1979 - 1988. Trước khi lên Hà Giang chiến đấu và sau khi hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chốt tiền tiêu trở về, để giờ đây cùng nhau ôn lại vui buồn của những năm tháng hy sinh, gian khổ, nhưng đầy ấp tình đồng đội, tình quân dân.

Đồng chí: Nguyễn Văn Sang, nguyên là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 2, trực tiếp chỉ huy chiến đấu giai đoạn này nhớ lại: Năm 1985, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 2 đã từng kề vai sát cánh cùng nhau đi qua cuộc chiến khốc liệt nhất với lời tuyên thệ của lính Vị Xuyên, “Sống bám đá, chết hoá đá, thành bất tử”. Nơi đó được gọi là “Lò vôi thế kỷ”, bởi mật độ đạn pháo ác liệt, khiến những dãy núi đá vôi sừng sững bị đạn pháo các loại hạng nặng thời bấy giờ cày tung. Sau mỗi trận pháo, cả vùng núi non phủ kín một lớp bụi đá vôi trắng xoá. Những địa danh gắn vào tâm trí của những



người lính mặt trận Vị Xuyên không thể nào quên như: Thác Âm phủ, Thung lũng Gọi hồn, đỉnh Cốc Nghè, hang Làng Lò, hang Mán, hang Dơi, ngã ba Cửa Tử, đồi Thịt Băm, thung lũng Chết”...

Để bảo vệ mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc, đến được các chốt tiền tiêu của ta, các chiến binh rất vất vả, nguy hiểm, trong đó phải kể đến chiến sĩ vận tải ngày đêm bị pháo đạn cày xới, vẫn gửi công com nắm, nước uống, đạn dược tiếp tế cho lính chốt. Không quản dốc đứng, đường trơn thậm chí nhiều chốt phải lên bằng đu dây, những tường leo lên công trời. Đối với lính thông tin một thời ra trận, lúc nào cũng súng đạn quang người, dây máy nặng vai sẵn sàng. Pháo địch bắn đứt dây, lao ngay đi nối lại, thế trận hiệp đồng không thể chậm một giây, qua bao gian nan vất vả.

Lính chốt

*Cơm đến chốt hương gạo còn đâu
Định lượng nước từng người san sẻ
Mấy tháng ròng không rửa mặt đánh răng
Để dành nó cho chiều hè nắng lửa*

*Đào hầm xong chân tay đầy đất
Lính chốt mà ném mặt nằm gai
Tay nhom nhem đâu phải lính lười
Mong mưa lớn tắm cho người thoải thích*

*Những cái tên
Mẫn, Đệ, Nghiêm, Đông, Toán...
Hè qua thu tới pháo vẫn rơi*

*Thu qua đông đón heo may về
Pháo sáng sáng loá thâu đêm
Đầu đội mưa lính chốt rét run
Bạn bên kia tôi vẫn ở bên này
Hai trận địa vẫn từng ngày thử lửa
Kề cận tử thần, lính chốt vẫn lạc quan.*

Ông Nguyễn Trung Thành, quê phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hiện ông là Trưởng ban liên lạc bạn chiến đấu Trung đoàn 2 cho biết:

Từ khu vực 4 hầm giáp điểm cao 685 sang điểm cao 468, 600, 900, 1.509, 1.100, điểm cao không tên... bộ đội ta chiếm lĩnh các cao điểm thay Trung đoàn 153 ở bình độ 1.100; trên hướng điểm cao 1.509 thay cho Trung đoàn 149 của Sư đoàn 356. Trong suốt năm 1985, Trung đoàn đã trực tiếp đánh trả nhiều trận xâm lấn biên giới của đối phương, đương đầu với hàng ngàn, hàng vạn lượt pháo kích của địch. Tính đến tháng 2 năm 1986 Trung đoàn đã đánh bại 8 trận bộ binh địch tấn công, từ cấp Trung đoàn đến cấp đại đội. Tập trung đẩy lùi 147 trận tập kích bằng hoả lực, phá huỷ 16 trận địa cối, bắn sập 25 hầm đạn, thu nhiều vũ khí trang bị của địch. Đến tháng 11 năm 1986 Trung đoàn gần 100 cán bộ, chiến sỹ anh dũng hy sinh, hơn 100 cán bộ, chiến sỹ để lại một phần xương máu của mình trên mặt trận Vị Xuyên, giữ vững trận địa, địa bàn được giao.

*Nơi đó đá đập trùng đá đá
Đá giăng thành lũy chôn biên cương*



*Chỉ có đá và đạn thù tàn phá
Chiến sỹ ta sống bám đá
Chết thân vùi trong đá hoá bất tử.*

Nơi đó hiện còn nhiều đồng đội của chúng ta vẫn nằm lại trên những đỉnh núi chơi voi giữa 4 bề là đá, hoặc nằm dưới hang sâu vực thẳm và giờ đây những hài cốt đã hoá thành đá vôi. Miền đất đó đã đánh đổi sự hy sinh, bằng máu, mồ hôi và nước mắt mỗi khi tiễn biệt đồng đội. Tuổi thanh xuân có những người lính hành quân chưa kịp đến đơn vị, còn chưa một lần về thăm quê mẹ khi lên đường nhập ngũ.

Đây là lần thứ 2 đơn vị tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc với bọn bành trướng. Trung đoàn 2 anh hùng đã hoàn thành xuất

sắc nhiệm vụ được giao. Đảng uỷ - Bộ Tư lệnh Sư đoàn 356 khen ngợi. Được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tặng thưởng 3 Huân chương Quân công, 28 tập thể, 40 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Quân công các loại. Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng cờ “Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại mặt trận “Vị Xuyên - Hà Tuyên”.

Những chiến binh của Trung đoàn 2 (An Lão) anh hùng có quyền tự hào vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giữ vững biên cương của Tổ quốc, ngẩng cao đầu khi đơn vị trở về huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, trước sự mến mộ, nhớ nhung, tiếc nuối và sự cảm phục của nhân dân tỉnh



Hà Giang bằng câu nói "Các chú bộ đội về Lạng Sơn chúng tôi nhớ lắm".

Lịch sử, truyền thống và những thành tích chiến công thì đơn vị nào cũng có, nhưng thành tích chiến công của Sư đoàn 3 (Sao Vàng) anh hùng nói chung, của Trung đoàn 2 (An Lão) anh hùng nói riêng, đã trải qua thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ biên giới Lạng Sơn, rồi biên giới Hà Giang... sử sách đã ghi, nhưng chưa thể ghi hết được và chúng ta còn có thời gian để tìm hiểu nhiều hơn về lịch sử truyền thống của một Trung đoàn.

Mặt trận Vị Xuyên - Hà Giang đã đi vào lịch sử hào hùng của quân đội ta, dân tộc ta. Nơi đó giờ đây đã được xây dựng quần thể Tượng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ mặt trận Vị Xuyên, ngay tại điểm cao 468, xưa kia là chiến trường ác liệt, hiện có những đồng đội tự nguyện ngày đêm hương khói, và cũng là nơi để những cựu chiến binh, nhân dân trên khắp mọi miền Tổ quốc đến tri ân, thể hiện sự tri ân công lao của các anh hùng liệt sỹ. Không những vậy, Đài tưởng niệm 468 còn thể hiện đó là cột mốc chủ quyền Quốc gia đã được cắm sâu xuống lòng đất và khẳng định đất này là lãnh thổ của Việt Nam bất khả xâm phạm.

Trong buổi gặp mặt này, Ban liên lạc tổ chức tặng những món quà tuy nhỏ, nhưng chứa đựng tình đồng chí, đồng đội cho 11 thân nhân liệt sỹ và 5 thương binh đang sinh sống tại các xã Điem He, An Sơn, thị trấn Tu Đoàn, huyện Văn Quan,

tỉnh Lạng Sơn, và các tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hưng Yên và thành phố Hà Nội.

Đêm giao lưu gặp mặt với tiếng hát Then xứ Lạng, hòa quện đan xen Dân ca Quan họ Bắc Ninh là phần thưởng cho các chiến sỹ một thời ở nơi đây. Phần thưởng nữa là những chiến binh của Trung đoàn 2 (An Lão), về với đời thường vẫn quan tâm về với Cựu chiến binh Trung đoàn, với mặt trận Vị Xuyên, đó là công lao kết nối các thế hệ truyền thống xưa và nay của Ban tổ chức. Các hội viên đã trở ngược xuôi, xa xôi vất vả để kết nối có cuộc giao lưu quý giá này.

Nói đến chiến tranh, không thể không nhắc đến hy sinh vất vả là vô cùng to lớn, mất mát đau thương cho mỗi gia đình không bút sách nào tả nổi. Nhưng cũng thật vinh dự và vẻ vang, xương máu của các anh tô thắm cho quê hương, cho Tổ quốc trường tồn. Với những người lính, từng trực tiếp chiến đấu, giáp mặt với sự sống và cái chết, tình đồng đội bao giờ cũng trân trọng cao cả. Hôm nay gặp mặt lại nhau đây, mọi người mong muốn tìm lại hình ảnh chính mình của 40 năm về trước. Nguyên sẽ là một tập thể đoàn kết, tiếp tục giúp đỡ nhau trong cuộc sống đời thường và trong công việc. Những người lính mặt trận Vị Xuyên trở về với cuộc sống đời thường, chăm lo xây dựng gia đình, quê hương. Tiếp tục cống hiến phần sức lực còn lại của mình, làm rạng rỡ thêm hình ảnh Bộ đội cụ Hồ./.



TRỞ LẠI MIỀN ĐẤT LỬA

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Trung tuần tháng Chạp năm 2022, đã tròn 50 năm chiến thắng với 81 ngày đêm máu lửa giữ vững Thành cổ Quảng Trị; chúng tôi - Đoàn nhà báo (Câu lạc bộ Nhà báo cao tuổi Bắc Ninh) được sự giúp đỡ tận tình của Hội Nhà báo, Báo Bắc Ninh và Đài PT - TH tỉnh đã hành hương vào “Miền đất lửa” dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và đồng bào đã ngã xuống vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Hơn 7 giờ tối đến thành phố Đông Hà, đồng nghiệp nhà báo, nhà văn Trương Đức Tú (Tổng biên tập, Chủ tịch Hội Nhà báo Quảng Trị) đã đợi đón đoàn ở Khách sạn Mê Công. Ngay sáng hôm sau các bạn báo Quảng Trị đưa đoàn viếng nghĩa trang quốc gia Đường Chín. Sau tiếng chuông đồng ngân âm, thấp hương tưởng niệm, khúc nhạc "Chiêu hồn tử sĩ" làm khước mắt ai cũng rơi lệ... Đã hàng trăm lần nghe, nay

thấy bản nhạc này mới xao động, bi hùng đến thế.

Chúng tôi vào Thành Cổ, mùa này Quảng Trị ít mưa nhưng cây cỏ non tơ xanh mát. Được thăm Bảo tàng, xem phim 81 ngày đêm, ... bước trên nền đất, hằn nơi đây còn nhiều, nhiều lắm cốt xương của người Việt Nam mình. Dù nhẹ bước chân vẫn sợ làm đau các anh các chị! Và, đây bên bờ sông Thạch Hãn, hàng ngày bao người vẫn đến thả hoa thả nến... Đoạn thơ của Cựu chiến binh, nhà báo, nhiếp ảnh Lê Bá Dương ngân lên trong tôi:

"Đò lên Thạch Hãn ơi chèo nhẹ/Đáy sông còn đó bạn tôi nằm/Có tuổi hai mươi thành sóng nước/Vỗ yên bờ, mãi mãi ngàn năm". (Lời người bên sông).

Chiều cùng ngày chúng tôi tới Huế, thăm Báo Thừa Thiên Huế, các đồng nghiệp đón chúng tôi như người nhà đi xa trở về. Còn khá sớm, Tổng Biên tập Nguyễn Thị

Hồng Hạnh cử phóng viên đưa đoàn đến Khu "địa ngục trần gian" chín hầm do Lãnh chúa miền Trung - Ngô Đình Cẩn "sáng tạo"! Thì ra chúa của loài ác quỷ là thế này đây!

Cả chuyến đi, nghệ sĩ nhiếp ảnh Lê Kham và Trương Hòa "thả sức" ghi hình trong máy ảnh. Và, tôi gần trưa ngày 14 dừng chân bờ Bắc sông Bến Hải, đi trên cầu Hiền Lương đã làm nhanh bài thơ sau 24 năm (từ 1998) đi trên cây cầu này với tên "**Đôi bờ là cả nước non**":

*"Sớm nay lại bước trên cầu
Hiền Lương, còn đó hai màu vàng,
xanh. Mấy mươi năm lửa chiến tranh.
Để cho tay nắm bên anh với nàng"*

(Khổ thơ đầu)

Trên đường về qua Hà Tĩnh, sáng ngày 15, chúng tôi vào Ngã Ba Đồng Lộc thấp hương viếng mộ 10 nữ liệt sĩ thanh niên xung phong hy sinh năm 1968. Núi đồi bom cày đạn xói thán năm xưa đã trải màu xanh ngút ngàn. Hồ bom xưa giờ nước trong veo, tím ngời thơm hoa súng. Chiến tranh đã lùi xa, vết thương đã lành nhưng vết nhức đau còn đó.

Làm báo thật may mắn được đi đó đi đây. Không ít gian lao nhưng đầy thi vị, song phải yêu và say nghề, phải có cái tâm. Chúng tôi đã nghỉ hưu về với đời thường, thi thoảng lại được đi xa, ngoài tham quan còn chiêm nghiệm bổ sung trong hành trang của mình để viết cho "đỡ nhớ" đồng thời góp chút ít cho cuộc sống, cho đời./.

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Truyền thống anh hùng

Trên ban thờ lặng lẽ tỏa khói hương
Xếp trang trọng ba tấm hình liệt sĩ
Ba thế hệ nối tiếp nhau một phần ba thế kỉ
Đã hi sinh cho độc lập nước nhà
Cha và con nằm lại chiến trường xa...
Chỉ báo tử mà đâu tìm thấy mộ
Cháu đích tôn trông giống y hệt bố
Một sĩ quan trẻ tuổi tài năng
Khi biên cương có lũ giặc xâm lăng
Lại anh dũng hi sinh giữa núi rừng bát ngát
Bà và mẹ bao lần lau nước mắt
Nước mắt lại trào... nỗi đau đớn khôn nguôi...
Tháng năm qua... thương tiếc cũng dần vơi
Nghĩa Đảng lòng dân đã phần nào đền đáp
Phảng phất giữa khói hương thơm ngát
Như thấy cha con ông cháu hiện về...
Vẹn tình nhà ấm áp tình quê
Tổ quốc mãi muôn đời ghi nhớ
Anh linh các liệt sĩ sáng ngời muôn thuở./.



NGUYỄN THẾ CHƯƠNG

Hố bom đồng đội tôi nằm

Ơi Hiếu, Ơi Mùi, Ơi Dĩnh, Ơi Tý...
Ơi các anh em!
Hơn bốn bảy năm rồi đây
Hôm nay chúng tôi lại về đây
Trận địa chúng mình giờ xanh rậm cỏ cây
Trời Khe Tang mùa này trải nắng
Chúng tôi nghẹn đắng
Nước mắt trào rơi
Dưới chân đồi
Thênh thang đường mới
Tấp nập người xe
Cuộc sống đang lên vời vọi!

Trên đồi cao
Những người hóa thân vào vớ cỏ cây
Xin một làn hương khói
Đồng đội ơi
Thấp nén thương này
Chúng tôi tạ tội./.



NGUYỄN VĂN HỒI

Vĩnh hằng sao sáng

núi tròn

Cách Bi chiều về thăm lại nghĩa trang
Nơi yên nghỉ của anh hùng liệt sỹ
Một trăm ba mươi sáu cuộc đời bình dị
Đã hóa thân thành vĩnh viễn mùa xuân.

Đến với các anh đâu dám tính lần
Lòng canh cánh như mình còn mắc lỗi
Trước những hy sinh liệt oanh sáng chói
Của bao người mang truyền thống
Nguyễn Cao.

Đồng xa xanh sóng lúa dạt dào
Tôi đứng lặng trong khói nhang tưởng niệm
Nước mắt nhạt nhòa và con tim xao xuyến
Gió núi Tròn thanh khiết tỏa hương.

Thở phách ví dù lưu lạc muôn phương
Niềm thương nhớ dâng đầy ngày tưởng niệm
Hồn thiêng ấm trong vòng tay âu yếm
Của mẹ cha, cô bác... quê mình.

Xin thấp thêm một nén hương trầm
Để tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ
Thêm kính trọng những cuộc đời bình dị
Đã hiến dâng mình vì nước, vì dân./.

ĐÀO QUANG THẮNG

Tiếng gậy

Chưa một lần nghe anh
Chuyện hành quân đèo dốc
Mà mỗi khi về làng
Nghe lộc cà lộc cọc
Lại điếng lòng Trường Sơn.

Gửi đâu hai tròng mắt
Thuở đạn bom xé trời
Người con trai làng Lim
Tuổi xanh đời hai mươi.

Góc rừng nào anh ơi
Giọt lệ hồng ngấm đất
Tôi tin điều có thật
Nơi ấy giờ xanh cây.

Cứ cọc cọc... cọc cọc...
Quên tuổi mình nhanh trôi
Gậy Trường Sơn mòn vẹt
Vẫn gỗ xanh đường đời...



BẠCH LIÊN

Gửi bạn

Năm tháng tâm thơ chẳng kể giờ
Miệt mài trăm sách, đọc nghìn thơ
Rung rung đầu bạc vẫn thơ máu
Trách kẻ vô tâm, đứ hững hờ.

"Ký ức Trường Sơn" chẳng thể mờ
Sáng cùng trang sử máu và thơ
Thiên hùng ca ấy vọng sông núi
Đánh giặc làm thơ bạt kẻ thù.

Chiến sĩ năm xưa tóc bạc phơ
Bồi hồi ký ức chiến trường xưa
Mồ hôi quyện máu nên thơ ấy
Bất tử tráng ca chớ hững hờ.

Chẳng ngờ lắm bạn chiến trường xưa
Bom đạn ngút trời máu thấm thơ
Cảm phục vô chừng người chiến sĩ
Đã thành tri kỷ, gió thơm đưa...





GHI NHỚ CÔNG ƠN CÁC ANH HÙNG, LIỆT SỸ

DƯƠNG ĐỨC NGHIÊM

Chiến tranh đã qua đi, đất nước được hòa bình nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh để lại thì không gì có thể bù đắp được, sẽ ghi dấu mãi trong tâm trí mỗi thế hệ người dân Việt Nam chúng ta.

Ngày 27/7 hàng năm đã đi vào lịch sử như một dấu ấn nhắc nhở mỗi chúng ta về truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây" của dân tộc Việt

Nam, đó là ngày mà nhân dân cả nước đã dành riêng để tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống hy sinh vì đất nước, vì độc lập tự do của dân tộc.

Đây không chỉ là ngày chúng ta ghi nhớ công ơn của các anh hùng liệt sĩ, những người thương binh, mà đây còn là dịp để chúng ta giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống uống nước nhớ nguồn và cần phải làm cho thế hệ trẻ hiểu được công lao to lớn



Đ/c Tạ Đăng Đoàn, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Bí thư thành ủy TP Bắc Ninh thăm và tặng quà cụ Trần Thị Nhị nhân dịp cụ tròn 100 tuổi năm 2022

của những anh hùng liệt sĩ, những người thương binh đã không tiếc máu xương của mình để giành lại tự do cho dân tộc.

Các anh ra đi vì những mục tiêu cao đẹp và ngã xuống hào hùng, bàn tay của giặc đã tàn phá, giày xéo đất nước nhưng không bao giờ làm thay đổi được bản chất con người Việt Nam.

Nhân dịp này, chúng tôi có đến thăm gia đình liệt sĩ Nguyễn Gia Ngộ tại khu Trần, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh. Trong căn nhà ấm cúng, chúng tôi được gặp gỡ và trò chuyện với cụ Trần Thị

Nhị, năm nay đã 101 tuổi (là vợ của liệt sĩ Nguyễn Gia Ngộ) nhưng nom cụ vẫn còn khỏe mạnh và minh mẫn. Cụ kể rằng: “Ông nhà đi bộ đội và tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp từ những năm 1948. Trong một lần mang tài liệu bí mật đi công tác, ông bị địch phục kích và nã súng liên tiếp khiến ông hy sinh vào tháng 6 năm 1954, khi đó ông mới 28 tuổi. Kể từ đó, tôi một mình ở vậy nuôi 2 người con khôn lớn, trưởng thành”.

Giờ đây, người con gái cả của cụ năm nay cũng đã ở tuổi 75 và lên chức cụ vai

năm nay rồi. Đôi bàn tay nhăn nheo ở cái tuổi xưa nay hiếm, đôi mắt đượm buồn, cuộn từng bức ảnh của gia đình các con, các cháu rồi khoe với mọi người. Chúng tôi thăm cảm phục người cụ, người bà, người mẹ hiền hậu với đức hy sinh cao cả để cho chúng ta có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc ngày hôm nay.

Cũng trong cái nắng của chiều hè oi ả, chúng tôi tiếp tục đến thăm gia đình liệt sĩ Nguyễn Công Học, cũng ở tại khu Trần, phường Hạp Lĩnh. Tại đây, chúng tôi được gặp gỡ và trò chuyện cùng với bà Quản Thị Trinh, là vợ của liệt sĩ Nguyễn Công Học. Ở tuổi 84, với dáng người cao gầy nhưng bà vẫn nhanh nhẹn và khỏe mạnh. Bà kể rằng, hàng ngày bà vẫn thường trồng rau, nuôi gà, đỡ đần việc nhà giúp con cháu.

Nói về những năm tháng hào hùng của cả dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bao ký ức ùa về như mới ngày nào, mắt bà rung rung, giọng nghèn nghẹn, bà kể, từ năm 1960 ông nhà công tác tại Công ty vật liệu Kiến thiết Bắc Ninh. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, năm 1965 ông lên đường đi bộ đội, thuộc Quân đoàn 3, tham gia tại chiến trường B3 ở Tây Nguyên.

Nhắc tới chiến trường B3, anh Nguyễn Công Hiếu (là con trai cả của ông bà) tiếp lời: Thời điểm đấy, Mỹ và chính quyền tay sai Ngụy đang ráo riết thực hiện chiến lược Chiến tranh đặc biệt. Địch thường xuyên tổ chức các trận càn quét bằng các Sư đoàn không vận số 1, Sư đoàn không vận số 4, Sư đoàn 25 “tia chớp nhiệt đới”... Giai

đoạn cao điểm, máy bay địch liên tục ngày đêm rải chất độc hóa học nhằm phát hiện và ngăn chặn các cánh quân ém dưới rừng già. Mặc dù đói ăn, thiếu ngủ nhưng dưới những tán rừng các đơn vị chiến lược của mặt trận B3 - Tây Nguyên vẫn đứng vững.

Mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 quân và dân Kon Tum đã phối hợp với lực lượng chủ lực của Mặt trận Tây Nguyên bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Sa Thầy mùa khô 1966, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch.

Tiếp đó là chiến thắng Đăk Tô mùa đông 1967, một chiến công vang dội, đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất vì đã: "Ghi thêm vào trang sử quyết thắng của dân tộc ta những nét vàng son chói lọi... là một trong những chiến thắng lớn nhất mở đầu Đông - Xuân quyết thắng 1967-1968 của miền Nam anh hùng”.

Trong cuộc tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968, đêm 29 rạng sáng ngày 30/1/1968 (mùng 1 Tết) cùng toàn miền, quân và dân tỉnh Kon Tum đã nổ súng, đồng loạt tấn công các mục tiêu quan trọng của địch tại 2 vùng trọng điểm là thị xã Kon Tum và Đăk Tô - Tân Cảnh. Sau 3 đợt tổng công kích, ta tiêu diệt hàng ngàn tên địch, phá hỏng hàng trăm xe quân sự, hàng chục máy bay và nhiều phương tiện chiến tranh khác...

Mặt trận Tây Nguyên là một trong những chiến trường ác liệt, Quân đoàn 3 của ông đã sát cánh cùng quân và dân Tây



Nguyên làm nên nhiều chiến thắng vang dội. Để có được những chiến thắng vang dội đó thì quân và dân ta đã phải đánh đổi cả máu xương, tính mạng của mình, hàng nghìn liệt sĩ đã phải nằm xuống vì nền độc lập của dân tộc, liệt sĩ Nguyễn Công Học là một trong số đó, ông đã anh dũng hy sinh khi tuổi đời mới tròn 30.

Ngày nhận giấy báo tử của ông, bà đau buồn đến tận cùng nhưng đã cố nén đau thương để chăm sóc, nuôi dưỡng các con khôn lớn, con đầu lòng của bà là anh Nguyễn Công Hiếu lúc ấy mới tròn 7 tuổi.

Trong những năm tháng hòa bình sau đó, niềm mong mỏi lớn nhất của bà và gia đình là tìm được hài cốt của ông, đưa ông về với quê hương để tiện hương khói, cũng như người ngoài đi nỗi đau và yên lòng những người còn sống. Mấy chục năm trôi qua, niềm hy vọng tưởng chừng đã tắt thì đến cuối năm 2008, niềm vui vỡ òa khi gia đình bà nhận được tin hài cốt của ông đã được quy tập tại nghĩa trang Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Không chờ đợi thêm được nữa, anh Nguyễn Công Hiếu cùng vài thành viên trong gia đình đã lên đường vào tận nghĩa trang Đăk Tô để đón ông về với quê cha đất tổ. Sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết, hài cốt của ông đã được đưa về an táng tại nghĩa trang quê nhà trong niềm tiếc thương vô hạn và biết ơn của đồng đội, cũng như cán bộ và nhân dân địa phương.

Thế là tâm nguyện của bà và gia đình giờ đây đã được hoàn thành. Suốt những năm tháng còn lại của cuộc đời, bà sống một cuộc sống bình yên, vui vẻ bên con

cháu, là tấm gương sáng để con cháu học tập và noi theo.

Được nghe những câu chuyện từ thực tế, chúng tôi càng trân trọng, biết ơn những cống hiến, sự hy sinh to lớn của các thế hệ đi trước đã anh dũng chiến đấu vì nền hòa bình độc lập hôm nay.

Chiến tranh đã lùi xa, nhưng hình ảnh các anh vẫn sống mãi trong lòng đất mẹ, sống mãi trong các thế hệ chúng tôi, hôm nay và mai sau. Để bày tỏ lòng biết ơn và thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây", "Tri ân với những người đã khuất" - Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn quan tâm đến công tác chăm sóc các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân, gia đình liệt sĩ là những người có công với Tổ quốc với nhân dân, cho nên bổn phận của chúng ta là phải biết ơn, phải thương yêu giúp đỡ họ".

Là thế hệ đang sống hôm nay, chúng ta đời đời ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ, các thương binh, bệnh binh và gia đình có công với nước, những người đã hy sinh hoặc để lại một phần xương máu của mình, những người đã chịu nhiều gian khổ để cho chúng ta có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Một lần nữa, mong các anh hùng liệt sĩ hãy an nghỉ nơi chín suối, Tổ quốc sẽ mãi ghi nhớ công ơn của các anh./.



Nhà thơ Lê Anh Xuân và bài thơ

DÁNG ĐỨNG VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH TÙNG

Lê Anh Xuân có tên khai sinh là Ca Lê Hiến. Ông sinh năm 1940, tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trong một gia đình trí thức yêu nước. Ông có bút danh là Lê Anh Xuân vì lấy tên là Xuân Lan, em gái nhà văn Anh Đức, vợ chưa cưới của ông. Lê Anh Xuân là con trai thứ của Giáo sư Ca Văn Thỉnh một nhà giáo nổi tiếng, nhà nghiên cứu văn học. Năm 1954, nhà thơ theo gia đình tập kết ra Bắc.

Sau khi tốt nghiệp khoa Sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông được cử làm cán bộ giảng dạy tại trường một thời gian. Ông từ chối đi làm nghiên cứu sinh ở Liên Xô. Năm 1964, ông xung phong trở về chiến trường miền Nam, nguyện chiến

đấu trên quê hương mình. Ông được phân công làm công tác ở Tiểu ban giáo dục thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương cục miền Nam đến tháng 7 năm 1965 chuyển sang Ban Văn nghệ Hội Văn nghệ giải phóng. Trong bản tự thuật của mình ông viết: “Tôi rất mong làm công tác văn học nghệ thuật ở miền Nam, tôi có thể đi bất cứ nơi nào khi Đảng cần đến...”. Ông là người chiến sỹ vừa cầm súng vừa cầm bút.

Trong sáng tác của ông, ông đã dựng lại lịch sử cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước bằng những vần thơ hào hùng, nặng lòng yêu quê hương, đất nước. Ông sẵn sàng đánh đổi tuổi thanh xuân của mình cho quê hương yêu dấu. Ông tham gia chiến dịch Mậu Thân 1968



cùng đồng chí đồng đội, cùng trực tiếp cầm súng đánh bắt, diệt đồn và đã dũng cảm hy sinh ở vùng phụ cận Sài Gòn ngày 24 tháng 5 năm 1968. Ông mất khi còn rất trẻ, mới 28 tuổi. Nhà thơ Giang Nam kể lại: Khoảng cuối tháng 3 năm 1968, ông được cử đến gặp gỡ và nói chuyện thời sự với văn nghệ sỹ đang chiến đấu ở miền Nam. Ông kể về những chiến công của quân ta trong chiến dịch Mậu Thân và trận chiến đấu của quân ta trong nội thành Sài Gòn. Ở sân bay Tân Sơn Nhất, nhà thơ Giang Nam đã nhìn thấy “Một chiến sỹ giải phóng đứng lên, kê khẩu súng vào xác máy bay trực thăng, xả súng vào kẻ thù. Anh hy sinh trong tư thế đứng thẳng”. Lúc đó nhà thơ Lê Anh Xuân ngồi ở hàng ghế đầu đã khóc rưng rức. Hôm đó ông đã thức suốt đêm và bài thơ “**Dáng đứng Việt Nam**” đã ra đời. Bài thơ xuất hiện trước khi Lê Anh Xuân hi sinh 2 tháng, trong một đêm trào dâng sự xúc động và tự hào của nhà thơ. Bài thơ “**Dáng đứng Việt Nam**” là bức tượng đài bất tử của thi ca Việt Nam của bao thế hệ các nhà thơ Việt Nam giai đoạn chống Mỹ cứu nước với các nhà thơ tiêu biểu như Tố Hữu, Phạm Tiến Duật, Hữu Thỉnh, Giang Nam, Thanh Hải, Chính Hữu, Hoàng Nhuận Cầm... tạc vào nền thi ca của Việt Nam.

Với “**Dáng đứng Việt Nam**” và nhiều sáng tác khác của ông tập hợp trong Tuyển tập thơ Lê Anh Xuân (NXB Hội nhà văn - 1981). Năm 2001, Lê Anh Xuân đã vinh dự được trao giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật. Năm 2011, ông cũng được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực

lượng vũ trang nhân dân. Một chi tiết rất cảm động là khi ông được xét tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, bà Xuân Lan đã cho khắc thêm dòng chữ này trên bia mộ của nhà thơ trong nghĩa trang liệt sỹ.

Bài thơ “**Dáng đứng Việt Nam**” được ông sáng tác trước khi ông hy sinh có 3 tháng, trong một đêm không ngủ. Từ hình ảnh người chiến sỹ giải phóng, dẫu bị thương vẫn gượng đứng dậy kê súng bên xác trực thăng hiên ngang nhắm thẳng quân thù, qua lời kể của nhà thơ Giang Nam, Lê Anh Xuân đã chọn được những chi tiết tiêu biểu, phẩm chất cao đẹp của anh giải phóng quân - anh bộ đội Cụ Hồ. Nhà thơ đã khái quát những chi tiết bình dị nhất thành những nét đẹp của những tuổi trẻ Việt Nam, tập hợp từ mọi miền đất nước khi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Họ là những con người bình dị, nhưng tâm hồn sáng trong, dưới chân họ là đôi dép cao su, sẵn sàng lao vào cuộc chiến đấu với tấm lòng dũng cảm và lý tưởng độc lập tự do. Họ sẵn sàng hy sinh thân mình trong tư thế hiên ngang dẫu biết rằng khi họ nằm xuống trên chiến trường, mọi người chưa biết tên họ, chưa biết họ ra đi từ miền quê nào mà chỉ biết họ là anh giải phóng quân, đã tạo nên dáng đứng của dân tộc mà lịch sử muôn đời còn ghi dấu. Với cảm nhận thi ca sâu sắc, với tình yêu đất nước vô bờ, Lê Anh Xuân đã viết nên 20 câu thơ bất tử trong lòng người đọc. Từ một hình ảnh cụ thể về người chiến sỹ giải phóng hy sinh trên đường băng Tân Sơn Nhất, ông đã khái quát thành một tượng đài của dân tộc Việt Nam.

Nhân kỉ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ, xin hãy đọc lại bài thơ "**Dáng đứng Việt Nam**" của nhà thơ, Anh hùng liệt sỹ Lê Anh Xuân:

Anh ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất

Nhưng anh gương đứng lên tì súng trên xác trực thăng

Và anh chết trong khi đang đứng bắn

Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng.

Chợt thấy Anh giặc hốt hoảng xin hàng

Có thằng sụp xuống chân Anh tránh đạn

Bởi anh chết rồi nhưng lòng dũng cảm

Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công

Anh tên gì hỡi Anh yêu quý

Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng

Như đôi dép dưới chân Anh dẫm lên bao xác Mỹ

Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong

Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ

Anh chẳng để lại chi cho riêng anh

trước lúc lên đường

Chỉ để lại dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ

Anh là chiến sỹ Giải phóng quân

Tên Anh đã thành tên đất nước

Oi anh Giải phóng quân

Từ dáng đứng của Anh trên đường băng Tân Sơn Nhất

Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân./.





GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA TRONG KIẾN TRÚC HIỆN ĐẠI Ở BẮC NINH



HUY PHÁCH

Kiến trúc là một phần của văn hóa xã hội được chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác nên yếu tố bản sắc văn hóa, xã hội cộng đồng góp phần tạo ra giá trị lớn và tạo tiền đề cho một nền kiến trúc có bản sắc.

G iữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là giữ gìn những giá trị vật chất và tinh thần tinh túy nhất, bền vững nhất, mang sắc thái cội nguồn riêng của mỗi địa phương, là điểm khác biệt giữa cộng đồng người này và cộng đồng người khác, địa phương này với địa phương khác.

Bởi vậy, những công trình kiến trúc không chỉ làm nên nét đặc trưng của địa phương mà cũng là biểu tượng với ý nghĩa hết sức quý giá. Bởi kiến trúc là một ngành nghệ thuật về tổ chức sắp xếp không gian. Bên cạnh đó, kiến trúc cũng chứa đựng những yếu tố về tôn giáo, tâm linh, văn hóa và đời sống xã hội. Trong kiến trúc, bản sắc văn hóa dân tộc bao gồm các đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng của địa phương, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc vùng miền, nơi chốn.

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, đội ngũ Kiến trúc sư cả tỉnh đã lên tới gần 150 người. Sáng tạo của giới kiến trúc sư và đóng góp to lớn của ngành Xây dựng Bắc Ninh đã góp phần làm thay đổi diện mạo kiến trúc đô thị - nông thôn trong tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại và có bản sắc. Hàng chục công trình kiến trúc mới hiện đại, với nhiều loại hình khác nhau như nhà ở, chung cư cao tầng, khu đô thị mới, trung tâm thương mại, trụ sở làm việc, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, thể thao, nhà hát, công viên... được xây dựng trên khắp đô thị và nông thôn trong tỉnh Bắc Ninh.

Tuy nhiên, do phát triển nhanh về số lượng và trên diện rộng nhằm đáp ứng yêu cầu đô thị hóa và tăng trưởng nền kinh tế, kiến trúc Bắc Ninh đã bộc lộ nhiều điểm yếu trong thiết kế và quản lý xây dựng (đó đây vẫn còn sự lộn xộn và bất cập của quy hoạch kiến trúc đô thị, về các công trình có hình thức kiến trúc kệch cỡm, phô trương, lãng phí, phi bản sắc, ngoại lai, nhại cổ... Và làng quê Bắc Ninh cũng đang

bị đô thị hóa cưỡng bức, làm mất dần đi bản sắc văn hóa làng, kiến trúc làng truyền thống)...

Điều đó không ít trở trở cho bộ mặt kiến trúc Bắc Ninh, nhất là ở các đô thị, thiếu vắng những công trình mà nhìn vào đó, nhận ra Bắc Ninh. Một sự hiểu biết quá đơn giản và dễ dãi cho rằng kiến trúc Bắc Ninh cứ phải có hình nón lá, vành khăn hoặc mái đao đình làng... mới là kiến trúc của vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc (Sự mô phỏng phải hướng đến sự chất lọc và tinh tế. Nếu dễ dãi, công trình sẽ là một sự mô phỏng khiên cưỡng, không những không tạo ra ấn tượng, tính biểu tượng mà nó còn tác động ngược đến thẩm mỹ kiến trúc của công chúng).

Thực ra từ xưa, ông cha ta đã rất khôn khéo khi xử lý về nghệ thuật kiến trúc. Ví như hoa sen trở thành biểu tượng trong nghệ thuật Phật giáo của Phương Đông, hình tượng hoa sen được lồng vào cấu trúc nhà (thế kỷ thứ XI với Chùa Một Cột - Hà Nội; thế kỷ thứ XVII với tháp Cửu phẩm liên hoa, Chùa Bút Tháp...). Như vậy, nét đẹp giá trị nghệ thuật của kiến trúc Phật giáo nói chung, và kiến trúc hình tượng hoa sen nói riêng là ở kết cấu kiến trúc thực được tạo ra để thể hiện những ý niệm triết học trừu tượng của Phật giáo, chỉ bằng một hình tượng đơn giản, giản dị, đó là bông sen. Sen kiến trúc lại hoà với sen thật, cái hư cái thực cứ quyện vào nhau để cùng nói lên một tư duy về sự hòa hợp âm dương tạo sự phát triển và bền vững.

Kiến trúc không phải là chép nguyên si những di sản cũ rồi bảo nó là bản sắc, là dân tộc. Một sự hiểu nhầm tai hại mà đó đây các nhà quản lý, các kiến trúc sư còn ngộ nhận! Kenzo Tange (1913 - 2005), một kiến trúc sư nổi tiếng trên thế giới, cho rằng “tính dân tộc như một vòng đá cổ, muốn đem giá trị của nó vào kiến trúc nếu không phải là trung nó

như một vật bảo tàng thì chỉ có cách đập vỡ nó ra và khéo léo cho những mảnh vỡ của nó phẳng phát trong kiến trúc”. Nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo Gustav Mahler (1860 - 1911) cũng đã từng nói: “Truyền thống không phải tôn vinh đồng tro tàn, mà là duy trì ngọn lửa”.

Kinh Bắc - Bắc Ninh, vùng đất địa linh nhân kiệt, có nền văn hiến hội tụ và kết tinh nhiều giá trị của nền văn minh Đại Việt với những bản sắc riêng độc đáo. Nền văn hiến ấy thể hiện ở nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc mà ngày nay (cả văn hóa vật thể và phi vật thể) được kết tinh chủ yếu ở kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng, vừa tiêu biểu cho di sản văn hóa dân tộc, vừa mang bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc...

Cốt cách, phẩm hạnh của người Quan họ là một phần quan trọng làm nên bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc... Liệu kiến trúc Bắc Ninh có được cái sang trọng lịch lãm của lối chơi quan họ xưa? Liệu kiến trúc Bắc Ninh có được cái mềm mại, uyển chuyển trong nét giao duyên liền anh - liền chị, giữa các làng kết chạ? “Cái hồn” của nếp sống Quan họ là gì và được cảm nhận và đưa vào hình tượng nghệ thuật kiến trúc ra sao? Chúng ta tự hào và kiêu hãnh với quê hương Bắc Ninh của mình, càng trân trọng với bản sắc dân tộc trong kiến trúc Bắc Ninh đương đại!

Chính vì vậy, kế thừa các kinh nghiệm của cha ông trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên, phát huy các giá trị bản sắc của kiến trúc truyền thống trong quá trình sáng tạo kiến trúc là yếu tố quan trọng và xuyên suốt trong quá trình tạo nên các giá trị bản sắc văn hóa cho các công trình kiến trúc ở quê hương mình. Điềm qua một số công trình ở Bắc Ninh mà các kiến trúc sư đã có những tìm tòi sáng tạo và hy vọng cho tương lai một nền kiến trúc Bắc Ninh giàu bản sắc!



Đây là khu trụ sở của các cơ quan đầu não của tỉnh đã biết khai thác những nét tinh hoa của kiến trúc truyền thống; đây là Công trình Đài tưởng niệm Bắc Ninh với hình tượng Bút - Nghiên, là bông sen đang hé nở, một hình ảnh đẹp của tín ngưỡng phương đông, truyền thống văn hoá khoa bảng, truyền thống văn hoá quan họ, cái nôi của tín ngưỡng Phật giáo Việt Nam. Đây là Cung Kiến trúc - Quy hoạch Bắc Ninh với những nét cong mềm mại của môi giao duyên Quan họ. Công trình thể hiện tư duy đổi mới, hiện đại của ngành Xây dựng nhưng vẫn gìn giữ được những nét văn hoá truyền thống, tinh hoa văn hoá Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Từ Nhà hát Quan họ có quy mô không lớn đã gọi lên ý tưởng thiết kế sáng tạo, ấn tượng, sức biểu cảm sâu sắc, tạo hình lấy cảm hứng từ mái đình truyền thống, với lớp vỏ bao che hai lớp của tấm đại quanh nhà, màu sắc đơn giản nhưng tinh tế, tìm tòi từ các hoa văn truyền thống Việt Nam.

Đến công trình đang hoàn thiện là cây cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành “Lưỡng long triều nhật” (hai con rồng chầu mặt trời) - biểu tượng của văn hóa Việt (người Việt coi mình là con rồng cháu tiên với truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân). Cây cầu thiết kế đậm chất văn hóa vùng Kinh Bắc, nối giữa hai miền đất Phật, đất Tiên... soi gương xuống dòng sông thành năm vành nón quai thao của người Quan họ giao duyên...

Kiến trúc hôm nay đang đứng trước sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tạo lập bản sắc văn hóa cho kiến trúc Bắc Ninh đã và đang là vấn đề cấp thiết được đặt ra theo hướng bền vững là một giải pháp cơ bản và hiệu quả. Chính vì thế, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa trong kiến trúc được

đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. Chúng ta cũng đang lúng túng trước sự phát triển đến chóng mặt của các khu đô thị mới, nhưng thiếu nhiều thành tố của đô thị, như không gian công cộng, không gian xanh, trường học, cơ sở y tế... Chúng ta thiếu kịch bản phát triển kiến trúc bền vững để thích ứng kịp thời và lâu dài với biến đổi khí hậu và đại dịch. Một bộ phận kiến trúc sư đã và đang có hiện tượng xa rời nguyên tắc “nghệ thuật vị nhân sinh”, chạy theo thị trường...

Cùng với việc ra đời Luật Kiến trúc (2019), vai trò của kiến trúc và vị thế của kiến trúc sư càng được khẳng định trong sự nghiệp xây dựng đất nước ở thời kỳ phát triển mới. Như vậy, kiến trúc bền vững đã thực sự trở thành một xu thế phát triển của kiến trúc ở Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng.

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy mâu thuẫn, giữa văn hóa truyền thống và sự tiến bộ không ngừng của khoa học, công nghệ. Cái mới tiến bộ và hiện đại dường như muốn xóa nhòa ranh giới, muốn nuốt chửng văn hóa truyền thống của các địa phương, khu vực hay cái bản sắc vốn có của từng nơi chốn.

Để có được tư duy mang tầm chiến lược, kiến trúc sư không chỉ có năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng, mà cần phải có tầm nhìn và sự nhạy cảm; biết kết nối mọi lĩnh vực liên quan từ xã hội - con người đến kiến trúc; có nhiệt huyết và bản lĩnh vực với nghề thì mới hy vọng; có đột phá làm cho kiến trúc Bắc Ninh tiệm cận tầm khu vực và thế giới.

Bản sắc trong kiến trúc chỉ có thể tạo lập, khi chúng ta làm chủ được những tinh hoa của văn hóa đích thực dân tộc, khi chúng ta nắm vững và đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của xã hội và con người Bắc Ninh đương đại ./.

PHẠM VĂN NAM

Tản mạn trước đèn

Thời gian cứ chảy xuôi
 Bao vui buồn đọng lại
 Lòng ta như bờ bãi
 Nhận để rồi sinh sôi.

Hứng thêm giọt mưa đông
 Đông thêm chút nắng lửa
 Ta thành người mắc nợ
 Trước cuộc đời mênh mông.

Bao nhiêu suối thành sông
 Bao nhiêu sông thành biển
 Cứ lặng thềm dâng hiến
 Chẳng kể chỉ bến bờ.

Ta neo vào câu thơ
 Những chặng đường khó nhọc
 Gánh đôi vầng Nhật Nguyệt
 Cõi đi về mệnh mang.

Với không gian, thời gian
 Trăm năm như chốc lát
 Ta vay gì trước mặt?
 Ta trả gì sau lưng?

Ước được như bầy ong
 Giữa vườn đời làm mật
 Muốn được như mặt đất
 Để nâng niu mùa màng.

Rồi lặng lẽ trước đèn
 Ta khơi dòng tản mạn./.

MAI HOÀNG HANH

Lời ru quê nhà

Ru con, mẹ hát vài câu
 Lời ru ruộng trũng đồng sâu quê nhà
 Tiếng cây hay tiếng chim ca
 Vẳng trong điệp khúc ngân nga nụ chồi?
 Đông đưa cánh võng ru hời
 Tướt tơ bóng mẹ dòng đời bể dâu
 Cánh cò cõng nắng về đâu
 Có thương vai mẹ bấy lâu rã rời?
 Mai này hãy nhớ, con ơi
 Con ru mẹ... bằng những lời rạ rom
 Àu ơ... chín nhớ, mười thương
 Khúc ru ấm áp thảo thơm quê nhà...

PHƯƠNG HỮU THIÊN

Mưa rơi

Phập phồng bong bóng mưa rơi
 Nhớ em anh gửi những lời yêu thương
 Màn mưa mờ những cung đường
 Cánh cò chấp chới về phương trời nào.

Hàng cây gió động lao xao
 Nhớ thương ơi! Hãy đậu vào trang thơ
 Tiếng lòng khao khát mong chờ
 Con tìm thao thức ước mơ cuộc đời./.

NGỌC BÌNH

Đường yên

Thoảng tìm cái bóng ngày xưa
 Bao năm lặn lội vẫn chưa thấy mình
 Hạt sương rơi vỡ bình minh
 Hơi xuân mỏng sợi tơ mảnh buông nghiêng.

Trăng treo sóng vỗ mạn thuyền
 Ru chao lác giữ bình yên phận người
 Đường đời trải lấm đầy voi
 Hoang lòng thăm nhớ trò chơi trốn tìm.

Ngẩn ngơ tiếng vạc trong đêm
 Xém bờ môi chín nụ mềm ban mai
 Tiếng là đi ngược về xuôi
 Dấu chân cả nể mặc người bước qua.

Ngâu thánng bầy, rét thánng ba
 Hoa xoan tím lựng thối qua ngật đường
 Tìm về bên ấy xông hương
 Vàng khô lồi rụng dặm trường anh đi./.



PHAN TRỤ

Thị xã quê mình

Quê Võ vươn mình đón làn gió mới
 Phồng phao như cô gái dậy thì
 Mười một phường lung linh đèn cao áp
 Thảm trải đường nâng bước chân đi.

Hàng cây cũ mang dáng hình của phố
 Những nụ cười rạng rỡ nở trên môi
 Những số nhà dọc ngang chẵn lẻ
 Đường Quang Trung lấp lánh ánh sao trời.

Lên thị xã niềm mong mỏi bao đời
 Cờ đỏ sao vàng thắm sắc hồng tươi
 Già trẻ gái trai chung tay xây dựng
 Khắp quê hương tươi tắn những nụ cười.

Thị xã trẻ đang lên tầm cao mới
 Những công trình vươn tới tương lai
 Tri thức trẻ thổi bùng làn gió mới
 Quê Võ quê mình thành quận của ngày mai!



VAI TRÒ CỦA VĂN NGHỆ SĨ BẮC NINH

TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CON NGƯỜI MỚI

NGUYỄN THÁI SƠN

Văn hóa là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử, qua đó người ta nhận ra sự khác biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác. Văn hóa là một lĩnh vực rất rộng vô cùng phong phú và phức tạp. Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chiếc áo dài cổ cao hai tà, nhà Rông của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, tiếng nói, chữ viết của người Kinh, người Tày, người Ê Đê, Ba Na... đây là văn hóa.

Nền văn hóa của một dân tộc nào đó có thể bị mất đi, bị bào mòn, bị xâm lược nếu không được gìn giữ, phát huy. Trong lịch sử thế giới chúng ta đã từng chứng kiến nhiều nền văn minh chỉ còn là di tích khảo cổ.

Việt Nam với lịch sử trải dài, nền văn hóa đã được hình thành với bản sắc rất riêng, bởi các thế hệ ông cha đều ý thức rằng “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc”. “Văn hóa còn, dân tộc còn, văn hóa mất, dân tộc mất”. Trước ba quân tướng sĩ, Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ





đã từng tuyên thệ: “Đánh cho đứt dãi tóc. Đánh cho đứt đũa răng. Đánh cho nó chích luân bất phản. Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn. Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”. Đây không chỉ là lời hiệu triệu trước khi xuất trận, mà còn là một tuyên ngôn về Văn hóa. Đánh giặc ngoại xâm để được giữ mái tóc dài, để được nhuộm răng đen, đánh giặc ngoại xâm để giữ bản sắc của dân tộc không bị đồng hóa.

Văn hóa là nền tảng để xây dựng con người, muốn xây dựng con người trước tiên phải kiến tạo một nền văn hóa. Để kiến tạo một nền văn hóa những người làm công tác văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách để lãnh đạo, triển khai sự nghiệp phát triển văn hóa, đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước. Trong đội ngũ ấy có các văn nghệ sĩ, chính là người tạo ra những giá trị cụ thể, góp phần xây dựng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc.

Bắc Ninh là một vùng đất văn hiến là trung tâm Nho giáo đầu tiên của nước ta ngoài yếu tố địa lý đặc biệt “Phên dậu phía Bắc của Thăng Long - Đông Đô” đã từng diễn ra các cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc suốt các triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn nơi đây còn tích tụ rất nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh như: chùa Bút Tháp, chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Hàm Long, chùa Bách Môn... cùng với những lễ hội dân

gian mang đậm sắc màu, vừa linh thiêng, vừa hấp dẫn. Hầu như làng xã nào cũng có lễ hội như: hội Dâu, hội Đền Đô, hội xem hoa mẫu đơn chùa Phật Tích, hội rước pháo Đòng Ky, hội Chen Nga Hoàng, hội đèn Vua Bà - Thủy tổ Quan họ và đặc biệt là hội Lim. Một lễ hội mang đậm đặc bản sắc riêng của Người Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Khó mà thống kê hết những giá trị văn hóa cảm nhận được của vùng đất và con người Bắc Ninh, Kinh Bắc. Những giá trị ấy tồn tại đến hôm nay là nhờ có sự đóng góp của rất nhiều tầng lớp nhân dân trong đó không thể phủ nhận: có vai trò hết sức quan trọng của các Văn nghệ sỹ Bắc Ninh. Những năm gần đây đã có hàng trăm tác phẩm của các chuyên ngành sáng tác, sưu tầm, dịch thuật góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc Bắc Ninh, Kinh Bắc. Cụ thể:

Về Văn nghệ Dân gian: Đã có hàng trăm bài viết về các di tích lịch sử, về tranh Đông Hồ, về dân ca Quan Họ. Nhiều văn nghệ sỹ đã cho ra cả tập nghiên cứu gồm nhiều bài viết có hệ thống về văn hóa Bắc Ninh. Hội VHNT đã xuất bản 4 tập “**Văn Nghệ dân gian Bắc Ninh**” đây là những tập sách không chỉ mang tính tổng hợp khái quát cao mà còn là tập sách thống kê khá đầy đủ khoa học về các loại hình Văn nghệ dân gian Bắc Ninh như Múa rối, Ca trù, Trống quân, hát Ví giao duyên đến tín ngưỡng thờ tự tại đình làng, thờ Mẫu, hát hầu Thánh... Có tác giả Như Nguyễn Khắc Bảo còn dày công nghiên cứu, sưu tầm, dịch từ hàng chục bản **Truyện Kiều** để tìm

cho ra một **“Truyện Kiều văn bản phục nguyên”**. Như Cao Văn Hà viết cả một tập tản văn nói về làng với chỉ một ước muốn cho con cháu không được quên văn hóa của làng. Phân Hội VHNT Quế Võ đã xuất bản cả tập sách in các tác phẩm được giải cuộc thi viết về chí sỹ Nguyễn Cao.

Về Văn học không thể thống kê hết các nhà văn, nhà thơ đã có bao nhiêu tác phẩm viết về quê hương, về sự đổi mới trên quê hương. Những tác phẩm văn xuôi đã khắc họa hình ảnh nhân vật con người mới, với mục đích chuyển tải ý tưởng của nhà văn hướng tới **“Chân - Thiện - Mỹ”**. Qua các cuộc thi viết về *“Bắc Ninh trong hành trình xây dựng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”*; *“Nông thôn mới”* các cây bút đã thể hiện được sự đồng hành cùng quê hương. Không ít nhân vật như anh thương binh, ông Bí thư Chi bộ, anh Trưởng thôn đã gây được ấn tượng khó quên trong tâm người đọc, họ thực sự là một tấm gương.

Về nhiếp ảnh. Đã có hàng trăm tác phẩm phản ánh trung thực cuộc sống, con người, cảnh đẹp của quê hương chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, có trách nhiệm. Mỗi bức ảnh phải là một thông điệp có giá trị **“Chân - Thiện - Mỹ”** gửi đến người xem để góp phần xây dựng văn hóa, con người.

Về âm nhạc, sân khấu, kiến trúc, hội họa, điêu khắc: Hội đã có hàng chục bản nhạc, ca khúc, bản thảo kịch nói, dân ca, chèo, và các tác phẩm kiến trúc hội họa viết về Bắc Ninh của Văn nghệ sỹ trong tỉnh, nhiều vở kịch đã được dàn dựng,

nhiều bức họa đã đạt giải, nhiều thiết kế xây dựng được đánh giá cao. Có nghệ sỹ khi nghỉ hưu đã tự tổ chức Câu lạc bộ truyền dạy hát dân ca, đặc biệt là Dân ca Quan họ miễn phí, chỉ với mục đích giữ gìn và lan tỏa các làn điệu dân ca của quê hương mình.

Đi đôi với sáng tác đội ngũ văn nghệ sỹ còn tích cực tham gia phản biện các công trình khoa học, góp ý kiến vào việc xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, chính quyền, các cấp đối với sự phát triển của tỉnh và các địa phương.

Văn nghệ sỹ Bắc Ninh trong thời gian qua đã phát huy được vai trò của mình, bằng tác phẩm, bằng sự gương mẫu trong đời sống cá nhân đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Song để đánh giá thật công tâm những tác phẩm của Văn nghệ sỹ Bắc Ninh mới dừng lại ở quảng bá chưa có tác phẩm chuyên sâu xúng tằm về Văn hóa con người Bắc Ninh - Kinh Bắc và chúng tôi cũng nhận thấy đội ngũ Văn nghệ sỹ Bắc Ninh vẫn cần phải cố gắng, nỗ lực nhiều hơn nữa để có những tác phẩm VHNT có chất lượng góp phần nhanh chóng đưa Nghị quyết số 71 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về *“Xây dựng văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2023, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”* đi vào cuộc sống./.

TẠP CHÍ NGƯỜI KINH BẮC GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI MỚI

LÊ THANH HUYỀN

Báo chí cách mạng Việt Nam là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn của nhân dân. Trước yêu cầu của thời đại, việc xây dựng văn hóa báo chí có vai trò rất quan trọng, đóng góp vào công cuộc phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Với vai trò xung kích trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, báo chí đã góp phần rất lớn trong việc định hình và lan tỏa chuẩn mực văn hóa ứng xử trong xã hội, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người mới theo nội dung cơ bản trong Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) năm 1998 của Đảng về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa X) 2008 về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết số 33 NQ/TW của Ban Chấp hành TW khóa XI năm 2014 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt

Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”...

Cùng với hai cơ quan báo chí của tỉnh là Báo Bắc Ninh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Tạp chí Người Kinh Bắc (thuộc Hội VHNT tỉnh) những năm qua tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò vị trí của mình trong sự phát triển chung của báo chí cả nước và của tỉnh, là diễn đàn tin cậy của đội ngũ Văn nghệ sĩ, trí thức, góp món ăn tinh thần cho bạn đọc nhiều lứa tuổi.

Nhận thức sâu sắc vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình, những năm qua, Tạp chí Người Kinh Bắc đã chú trọng xây dựng văn hóa báo chí tại cơ quan, đơn vị với những tiêu chí: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ những người làm báo có lập trường chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp, dũng cảm đấu tranh với tiêu cực, tâm huyết với nghề, công tâm, khách quan trong hoạt động nghiệp vụ báo chí, bám sát mọi vấn đề của đời sống, lắng nghe phản ánh kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của Văn nghệ sĩ và quần chúng nhân dân, chú trọng gìn giữ, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố và tăng cường

khôi đại đoàn kết toàn dân tộc... Giá trị của một bài báo nằm ở giá trị xã hội của nó. Chính từ những sản phẩm báo chí đề cao tính nhân văn, phụng sự lợi ích của dân tộc, của nhân dân đã giúp các giá trị văn hóa được lan tỏa, tạo động lực và cảm hứng tích cực trong cộng đồng.

Bắc Ninh là vùng đất giàu truyền thống văn hiến, cách mạng với những giá trị vật chất, văn hóa tinh thần được kết tinh, hội tụ, tạo nền tảng chất liệu phong phú cho các văn nghệ sĩ thỏa sức sáng tạo nên tác phẩm văn học nghệ thuật (VHNT) giá trị. Trải qua 26 năm xây dựng và phát triển, Tạp chí Người Kinh Bắc luôn đồng hành với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quê hương, đất nước, phản ánh sinh động tình hình hoạt động của VHNT trong tỉnh. Vừa là một kênh thông tin tuyên truyền, quảng bá tác phẩm VHNT thiết thực, Tạp chí Người Kinh Bắc vừa góp phần cổ vũ toàn diện hoạt động sáng tác, nghiên cứu VHNT, mở ra diễn đàn để văn nghệ sĩ và những người yêu VHNT trong tỉnh thỏa sức sáng tạo, phục vụ đời sống tinh thần, hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân.

Tạp chí Người Kinh Bắc hiện đang phát hành 1 số/tháng, khổ 19 x 27 gồm 100 trang. Trong đó, dành diện tích nhất định để phản ánh những chủ trương lớn của tỉnh, nhất là những chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động VHNT và Văn nghệ sĩ; Mỗi số phát hành duy trì thường xuyên tác phẩm viết về chủ đề “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, về truyền thống văn hiến cách mạng và khoa bảng của Bắc Ninh -

Kinh Bắc; tuyên truyền về biển đảo quê hương, biên cương Tổ quốc; Chất lượng các bài viết, truyện ngắn, thơ và các loại hình nghệ thuật khác được đăng tải trên Tạp chí đều đáp ứng các tiêu chí về giá trị nghệ thuật, hấp dẫn công chúng, góp phần nâng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa của độc giả, dần đáp ứng được sự mong đợi của giới Văn nghệ sĩ; Duy trì tốt hoạt động của website Người Kinh Bắc tạo thêm kênh quảng bá, tuyên truyền hình ảnh Bắc Ninh - Kinh Bắc và các hoạt động Văn học nghệ thuật tới đông đảo độc giả trong và ngoài tỉnh. Tạp chí Người Kinh Bắc còn xây dựng chuyên trang dành cho các nhà trường với nhiều tác phẩm văn học của các cây bút trẻ, mang đến không ít sự mới mẻ, ngọt ngào hơn trong cách thể hiện, góc nhìn và cả nội dung nghệ thuật. Như vậy, cùng với sự góp mặt của các tác giả thân quen, gạo cội, Tạp chí cũng là nơi nâng đỡ nhiều tác phẩm của những tác giả mới chập chững bước những bước đi đầu tiên vào con đường sáng tạo VHNT đầy gian nan và thách thức. Từ đó, phát hiện, bồi dưỡng nâng đỡ và chấp cánh cho những tài năng VHNT ở cả trong và ngoài tỉnh...

Bắt kịp xu thế phát triển, ngoài xuất bản ấn phẩm in, Tạp chí Người Kinh Bắc còn có trang thông tin điện tử với tên miền *nguoiKinhbac.vn*. Nhờ đó tác phẩm của hội viên trên các lĩnh vực được sử dụng nhiều hơn, có nhiều tác phẩm chất lượng phản ánh chiều sâu, nét đẹp văn hóa, bản sắc vùng đất và con người Bắc Ninh - Kinh Bắc, góp phần tuyên truyền quảng bá hình ảnh quê hương Bắc Ninh văn hiến, cách mạng trong truyền thống, năng động, sáng



tạo không ngừng phát triển trong công cuộc đổi mới và hội nhập.

Đúng với tính chất chuyên môn của một tờ báo văn nghệ, lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng nội dung, hình thức của Người Kinh Bắc là đội ngũ Văn nghệ sĩ trong tỉnh. Họ luôn nhiệt tình, đam mê sáng tác và đều gửi gắm những đứa con tinh thần của mình cho tạp chí. Những đổi mới về mặt nội dung như nâng cao chất lượng tác phẩm được đăng tải, mở thêm các chuyên trang chuyên mục mới, đổi mới cách thức trình bày cũng phần nào thể hiện nỗ lực của Tạp chí Người Kinh Bắc với mong muốn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh, sự kỳ vọng của Văn nghệ sĩ và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Để phát huy hơn nữa vai trò của báo chí trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người mới, các cơ quan chỉ đạo, quản lý về văn hóa cần tăng cường sự chỉ đạo, định hướng và cung cấp thông tin để báo chí kịp thời thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của các ngành, các cấp và của người dân đối với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, đồng bộ giữa cơ quan chỉ đạo, quản lý về văn hóa với cơ quan chỉ đạo, quản lý về báo chí trong định hướng và quản lý thông tin báo chí, truyền thông về văn hóa, hướng đến mục tiêu xuyên suốt khơi dậy khát vọng và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam.

Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc biệt là Internet đã và đang trở thành

phương tiện quan trọng trong việc truyền bá các sản phẩm văn hoá và tác phẩm văn học, nghệ thuật, ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của xã hội. Điều này, đòi hỏi các cơ quan chức năng trên lĩnh vực văn hóa cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông để kiểm soát và xử lý thông tin trên không gian mạng, góp phần bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng. Hơn lúc nào hết, tiêu chí cơ quan báo chí văn hóa và tiêu chí văn hóa của người làm báo cần được thường xuyên quán triệt, triển khai trên thực tiễn; cần khẳng định hơn nữa vai trò, vị thế của mình trong thời đại kỹ thuật số.

Hòa nhịp vào sự phát triển của đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm đầu tư và chỉ đạo sâu sắc của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, có thể nói Tạp chí Người Kinh Bắc đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, đổi mới để ngày một xứng đáng hơn với sự kỳ vọng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, của đội ngũ những người yêu VHNT tỉnh nhà. Tạp chí đã góp phần làm phong phú thêm nội dung tuyên truyền, định hướng xã hội, đề cao vẻ đẹp Chân - Thiện - Mỹ, giá trị nhân văn trong cuộc sống, ca ngợi quê hương Bắc Ninh văn hiến, phát triển; thông qua tờ báo Văn nghệ miền Quan họ thể hiện tiếng nói, tâm lòng của văn nghệ sĩ Bắc Ninh với Đảng, với dân, với quê hương, đất nước. Tạp chí Người Kinh Bắc đã làm phong phú và bền vững hơn bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc, bản sắc văn hóa ấy là linh hồn, là cội nguồn của sự trường tồn, là mục tiêu quan trọng góp phần xây dựng văn hóa, con người Bắc Ninh trong thời kỳ mới./.

Thỏa nỗi nhớ quê



LƯU LAN PHƯƠNG

C hẳng biết mọi người thế nào nhưng riêng tôi càng nhiều tuổi càng nhớ quê. Nhất là sau khi nghỉ hưu thời gian rảnh rỗi, nỗi nhớ quê luôn khắc khoải. Về quê là trở về tuổi thơ, trở về những hoài niệm ngày thơ bé khi còn ở chung với bố

mẹ. Bố không còn nữa. Mẹ già xuống ở cùng chúng tôi. Nhưng quê hương luôn là nơi ngọt ngào nhất để tìm về.

Về quê bao giờ cũng phải ra chợ, ở đó vẫn còn đậm hương vị quê tuy tổng thể cái chợ quê đã khác trước đây rất nhiều, nhưng hồn cốt của nó vẫn còn nguyên vẹn. Đó là cách người dân quê đi chợ bán hàng, mua hàng và hàng hóa được bày bán. Đông đúc nhất là hàng rau củ quả, kéo dài sang cả hàng tôm cua cá, ốc hến trai... Lượng hàng hóa không nhiều mà người bán mỗi người lại ngồi thành dãy dài. Mỗi người có vài món hàng như mấy bó rau xếp trên chiếc bao dứa, để ngay trên nền đất sỏi, có khi là trong quang gánh hay chiếc rổ nan thưa. Những bó rau cải được bó bằng rơm lỗ chỗ bọ chó đá hay vết sâu ăn, rau rền rau mỏng toi đầu mùa hưởng tiết xuân xanh non mỡ màng, cũng có vài rổ cà chua chín cây cuối vụ quả không to và chưa chín đều nhưng mọng bóng cuống còn tươi nguyên...

Hàng trai ốc hến còn dẫm bùn đất được đổ vội ra cái bao rách hay đổ ào trên nền đất. Những mớ ốc hến vun cao như ngọn núi còn dẫm hơi bùn. Hàng tôm cá lao xao tanh tách trong những chiếc rổ to nhỏ. Sự lao xao không những chỉ có ở người mua kẻ bán tíu tít hỏi giá mặc cả mà những con tép con tôm riu vừa cất dưới đồng lên cũng đang nhảy nhót trên những chiếc rổ nan tre. Thích nhất mùa

đông có thêm dãy hàng mật mía, những xô mật vàng óng dẻo quánh như kẹo kéo được người bán dùng tay cuộn lại rồi cân cho người mua. Người mua véo chút mật cuộn vào ngón tay đưa lên miệng thử. Mật mềm tan chậm chậm thấm vào lưỡi hương vị thơm như mùi mía nướng. Người bán luôn hào phóng mời người mua nếm thử. Lâu lắm rồi tôi không ra đến chợ quê. Mỗi lần về quê mọi người thường mua đồ từ thành phố mang về. Nhà cậu em trai lại nuôi nhiều gà vịt, trong vườn thì trồng đủ loại gia vị rau thơm, đậu đỗ, bầu bí, mướp theo mùa quả treo lúc liu trên giàn, có khi leo cả ra bờ rào và mỗi lần em lại sắp cho cả túi đầy rau quả mang về thành phố.

Bữa ấy về chơi em dâu rán một đĩa cá diếc rồi rim với nước mắm ngâm quả móc mật. Cá diếc bé tẹo bằng ngón tay cái quện với vị móc mật thơm phức ăn được cả xương. Mấy chị em ngồi ăn cơm bỗng nhớ bố, nhớ món cá mẹ đun xối cho lá gừng mỗi khi bố đánh giậm mang về. Ngày đó làm gì có mỡ và nước mắm như bây giờ. Khi bố đánh dậm mang về mẹ làm cá rồi cho chút tương đun xối, gần chín cho lá gừng xắt nhỏ là cả ngôi nhà đã thơm ngào ngạt. Mỗi bữa cơm như thế nòi cơm hết sạch mà chúng tôi vẫn thèm thèm. Món cá diếc kéo tôi ra chợ, cái chợ quê hẻo lánh chỉ họp vào mỗi buổi sớm mai ấy để ăn quà, để mua mớ tôm mớ tép

đang nhảy lao xao mang về thành phố cho đỡ nhớ vị quê. Ở quê ngày xưa rất ít chợ, cả vùng rộng lớn chỉ có vài ba cái chợ họp luân phiên. Các chợ phần lớn họp mỗi tháng sáu phiên rồi lên tới mười hai phiên, dần dần họp hàng ngày vào buổi sáng rồi họp thêm cả buổi chiều. Đời sống kinh tế phát triển nhu cầu của con người cũng tăng lên, rồi hình thành thêm một số chợ phục vụ nhu cầu giao thương của người dân. Cái chợ quê này ngày chúng tôi còn nhỏ nó chỉ là cái chợ cóc ở xóm Núi. Mà cũng phải mấy chòm xóm quanh đó chụm lại mới thành cái chợ. Đến bây giờ làng tôi vẫn chưa có chợ nên vẫn phải sang chợ bên xóm núi này hoặc lên chợ thị trấn. Chợ trên thị trấn đông vui hơn, nhiều hàng hóa hơn và cũng phải đi xa hơn. Dãy hàng quà cũng chỉ vài ba hàng với các thức quà như bún riêu, bánh rán, bánh đúc, chè đỗ đen... Dù đã ăn sáng ở nhà tôi vẫn sà vào hàng bún riêu bảo cô bán hàng làm cho một bát bé thôi, ăn để nhớ cảm giác ăn quà ngày xưa ấy, bao lâu mới được theo mẹ đi chợ một chuyến mẹ cho ăn quà thỏa thích, những chiếc bánh rán bột nếp quyện với đường mật, dẻo xoắn mà béo ngậy. Ngày nay người ta không làm bánh rán bằng mật mía mà bằng đường nên vị không thể ngon thơm như chiếc bánh rán tuổi thơ. Bánh cuốn trắng muốt với những lá hành thái nhỏ xanh biếc, được gói trong tấm lá dong cũng xanh biếc, miếng bánh mềm mại thơm ngon đến nỗi ăn hết rồi còn thòm thèm ngắm nhìn chiếc lá dong láng mỡ...

Nhớ quê, thèm vị quê lại được ông xã chiều trồng cho hai cây cau, cây khế chua với cây lá vôi trong khoảng sân bé nhỏ trên phố. Có lần về quê ông xã mang về chục cái dó và mấy chiếc nôm, một bó đọt bầy biện quanh gốc cây cho giống cảnh quan quê nhà. Cây khế chua giòn giót thỉnh thoảng đi chợ gặp mớ tép do người quê bán là bữa cơm vui lắm. Con tép cứ đỏ au khi được rang với khế chua, hợp vị và đẹp mắt, lúc gần được cho tí mỡ lợn và hành lá sắt nhỏ, chưa ăn đã tứa nước miếng. Hai cây cau cao chót vót cao gần bằng nhà ba tầng. Mỗi độ hoa cau nở cả khoảng sân thơm phức. Cả nhà mang chiếu ra sân ngồi uống nước, ngắm trăng trong hương cau thoang thoang thật không có gì thú vị bằng. Cứ gần áp Tết, mấy anh hàng cau ở đâu đến mang dụng cụ trèo cau cắt buồng rồi đưa tiền cho mẹ tôi. Bà vui lắm, bà bảo ngày xưa mấy cây cau trước nhà đủ nôi bánh chưng Tết cho cả nhà. Còn bây giờ thì đủ mua con gà cúng Giao thừa. Năm ngoái mở quán bán cà phê cho con phải chặt mấy cây cau đi, cây khế và cây vôi thì vẫn còn, xanh mát một khoảng sân. Đến mùa hoa từng chùm hoa tím biếc li ti dưới tán lá, hoa rụng thành thảm trên nền gạch gợi nhớ đến góc vườn ẩm ướt mát lạnh dưới đôi chân trần nhảy nhót tung tăng. Một khoảng xanh trong tâm hồn luôn neo giữ những kỷ niệm êm đềm. Một thời thơ bé nơi thôn quê ấy mãi trong trẻo trong ký ức./.

BIA ĐÁ CHÙA ĐÔNG LÂM GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA

NGUYỄN VĂN AN

Trong đợt khai quật khảo cổ học phế tích chùa Đông Lâm trên đỉnh núi Thiên Thai thuộc địa phận thôn Bảo Tháp, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh vào cuối năm 2022⁽¹⁾ vừa qua đã phát hiện được khá nhiều di vật các loại, cho phép khẳng định sự tồn tại của di tích chùa Đông Lâm trong lịch sử. Đặc biệt giá trị nhất là tấm bia đá “Cứu Lĩnh sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi ký”, dù đã bị gãy đôi nhưng nội dung thông tin ghi khắc trên bia còn khá đầy đủ, cho biết chính xác quy mô kiến trúc chùa Đông Lâm dưới thời Lê Trung Hưng (đầu thế kỷ XVII).

Sách “Việt sử lược” chép : “Vào năm 1055, Vua Lý Thánh Tông (1023 - 1072) cho xây chùa Đông Lâm và Tĩnh Lự ở núi Đông Cứu”. Như vậy, chùa Đông Lâm được khởi dựng trước chùa Phật Tích (1057) 2 năm, trước chùa Dạm (1086) 31 năm và trở thành một danh lam thắng cảnh, trung tâm Phật giáo lớn trên vùng đất Kinh Bắc thời

kỳ nhà Lý sang triều Trần đến Lê, Nguyễn. Tiếc thay trải trường kỳ lịch sử, chùa Đông Lâm bị thực dân Pháp phá hủy hoàn toàn sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Tấm bia phát hiện tại hố khai quật chính, nằm sát góc bên phải lô cốt phía Tây ở độ sâu 0,6m so với mặt nền lô cốt. Bia được chế tác bằng đá xanh nguyên khối, dạng dẹt, kích thước rộng 49cm, cao 72cm, dày 15cm, gồm hai mặt: mặt trước, trán bia trang trí lưỡng long châu nhật, bên dưới khắc nổi dòng chữ: “Cứu Lĩnh sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi ký” (nghĩa là bia ghi chép về chùa Thiên Thai trên đỉnh núi Cứu Lĩnh), diềm bia hai bên trang trí hoa cúc dây, diềm dưới trang trí hoa văn cánh sen. Mặt sau, trán bia trang trí phượng châu mặt nguyệt, bên dưới khắc nổi dòng chữ “Sãi vĩ tín thí bi ký” (nghĩa là ghi chép các vị sãi vĩ công đức), diềm bia hai bên trang trí dây lá cuốn, diềm dưới trang trí hoa văn cánh sen. Lòng bia cả 2 mặt khắc chữ Hán,



thể chân phương còn khá rõ nét. Nội dung chính ghi chép lại toàn bộ quá trình trùng tu, tôn tạo và quy mô kiến trúc chùa Đông Lâm⁽²⁾ cùng họ tên các vị sãi vãi công đức tiền, ruộng cho chùa vào đầu thế kỷ 17. Phần đầu văn bia cho biết: “Trên đỉnh núi Cứu Lĩnh thôn Bảo Tháp, xã Đông Cứu, huyện Gia Định, phủ Thuận An từ xa xưa lâu đời đã có tháp có chùa thuộc hàng danh lam to lớn, sừng sững nghiệp thiền, trải qua thời gian đã bị đổ nát chỉ còn lại nền móng vậy. Đến nay nhờ ơn người ở xã Lập Ái có nhà ở thôn Bảo Tháp, hương Ngụ Nhuế, xã Đông Cứu tên là Trịnh Phúc được [Vương] âm phong chức Mậu lâm Tá lang vốn xuất

thân từ một gia đình có 18 người đi tu hành cứu đời, hiệu ngài là Huyền Tông cùng với 33 vị sãi xin được trút bỏ sự nghiệp xuất gia làm điều phúc tại chùa Tĩnh Lự đến hơn 6, 7 năm tìm người học đạo. Đến năm Tân Hợi quay về xứng suất sáng lập lên chùa ở các huyện Gia Định, Quế Dương cùng với các vị sãi vãi, thiện tín thập phương ở trong xã, huyện đó bỏ tiền riêng của nhà [...] xây dựng mới tòa thượng điện, thiêu hương, tái tạo lại tòa tiền đường. Phụng thờ tam giáo thánh tôn chư phật lại mua đá khắc bia ghi tên hiệu các vị vậy. Ngoài ra còn xây dựng lại hai bên tả hữu hành lang, nhà hậu đường, nhà tọa thiền, am [...], mở

ra 3 phòng oản, xây dựng lại am chúa núi ở tại chùa. Cùng tạc lại tượng phật gồm các tòa: Tam bảo, bát bộ kim cương, hai tòa thánh phật, phật tổ, cô hồn, chúa núi, long thần, hộ pháp tất cả cộng lại được 57 pho [...] quy mô thật to lớn, xung quanh trồng thêm các loại cây như tùng, đa, vạn vật đều sinh sôi nảy nở. Đến năm Bính Dần hoàn thành viên mãn [...] năm Canh Ngọ xây dựng thêm một tòa am đồ. Năm Tân Mùi trùng tu lại tòa tiền đường cùng mua bia đá ghi khắc công đức, tên hiệu các vị sãi vải đem khắc lên đá an bài vậy...”.

Bia được lập vào ngày 13 tháng 4 niên hiệu Đức Long năm thứ 3 - 1631. Khai tăng Huệ Giác là người soạn nội dung và viết chữ. Khắc bia là Nguyễn Dương - người cục Ngọc Thạch, xã Đại Bái của bản huyện⁽³⁾.

Văn bia chùa Đông Lâm chứa đựng giá trị to lớn về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Nội dung văn bia ghi chép chi tiết về quy mô, thời gian khởi dựng và hoàn thành các hạng mục kiến trúc cùng hệ thống tượng Phật được bài trí quy chuẩn cho thấy chùa Đông Lâm xứng tầm là quốc tự, một đại danh lam nổi tiếng từng tồn tại lâu dài trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Thiết nghĩ các cấp chính quyền cần sớm có một dự án khôi phục lại quy mô kiến trúc của chùa Đông Lâm sao cho xứng tầm với giá trị vốn có của nó. Dự án khôi phục ấy còn thiết lập nên một hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh nhằm phục vụ khách tham quan du lịch và

hành hương, góp phần hình thành tour du lịch từ đền thờ Cao Lỗ Vương, qua Lê Chi Viên đến đền Lê Văn Thịnh rồi qua chùa Đông Lâm... đó như là một sự trở về với nguồn cội của dân tộc./.

Chú thích:

- (1) Thời gian khai quật phế tích chùa Đông Lâm diễn ra từ ngày 22/11/2022 đến ngày 05/01/2023 do Viện Nghiên cứu Kinh thành phối hợp với Bảo tàng Bắc Ninh thực hiện.

- (2) Theo nội dung văn bia đầu thế kỷ XVII chùa Đông Lâm đã được đổi tên là Thiên Thai tự.

- (3) Nay thuộc địa phận xã Đại Bái, huyện Gia Bình.



ĐỌC - HIỂU CÁC TRÍCH ĐOẠN "TRUYỆN KIỀU" TRONG NHÀ TRƯỜNG NHÌN TỪ NHỮNG QUAN NIỆM MANG TÍNH VĂN HÓA THỜI TRUNG ĐẠI

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG



Trước nay, khi “đọc hiểu” các trích đoạn **Truyện Kiều** trong chương trình phổ thông, ngoài việc áp dụng phương pháp xã hội học (tìm hiểu về tác giả, về hoàn cảnh ra đời, về vị trí đoạn trích...), các giáo viên và học sinh còn thường xuyên sử dụng phương pháp hình thức (dựa vào các yếu tố hình thức nghệ thuật để hiểu văn bản). Tuy nhiên, chúng ta thường chỉ quen bám sát vào câu từ hay những biện pháp nghệ thuật, các hình ảnh ước lệ, tượng trưng... để phát hiện ra vấn đề, tức là chú trọng phát hiện nội dung cuộc sống thông qua các chi tiết hình thức mà chưa quan tâm đến hình thức mang tính quan niệm. Thực chất, cái lí của hình thức nằm trong những quan niệm mang tính văn hóa của một thời đại nhất định về thế giới, con người, xã hội, thiên nhiên. Vì vậy, muốn áp dụng thành công phương pháp hình thức vào việc đọc hiểu **Truyện Kiều**, theo chúng tôi, rất cần hiểu về các quan niệm mang tính văn hóa thời trung đại mà Nguyễn Du chịu ảnh hưởng. Bởi đó mới chính là gốc rễ, là cội nguồn hình thành nên các yếu tố hình thức, từ đó quy định các yếu tố nội dung của kiệt tác này.

1. Quan niệm về thế giới, xã hội, thiên nhiên và con người mang tính đối lập

Trong **Đoạn trường tân thanh**, thi hào Nguyễn Du đã thể hiện cách nhìn nhận về thế giới, về xã hội,

về thiên nhiên và con người mang tính đối lập. Có thể thấy, ở **Truyện Kiều** con người được phân rõ thành hai loại là người tốt và người xấu (quan có người tốt, người xấu; dân cũng có người xấu, người tốt), chứ không phân biệt theo giai cấp, theo kiểu giàu - nghèo (như một số nhà nghiên cứu sau này gán cho). Khi phân con người thành hai loại thiện - ác; chính - tà, đại thi hào Nguyễn Du, giống như nhiều tác giả văn học cùng thời, đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật tương ứng nhằm đánh dấu hai loại nhân vật đó. Những yếu tố nghệ thuật dành cho nhân vật phản diện là những gì thuộc về trần ai bụi bặm, thuộc về cái hằng ngày, là cái xấu, cái ác. Ông đã dành cho những kẻ xấu đó nhiều hình ảnh, ngôn từ mang tính mỉa mai, đả kích rất lớn. Tú Bà thì có màu da “*nhờn nhợt*” của một kẻ chuyên làm việc trong bóng tối, chẳng biết đã “*ăn gì*” mà đáng đáp “*cao lớn, đầy đà làm sao*”; Mã Giám Sinh tuy giàu có, quyền quý, “*Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*” nhưng lại có hành động của kẻ vô văn hóa, vô giáo dục “*Ghế trên ngòai tót sỗ sàng*”; Sở Khanh có “*Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng*” lại có hành động “*lén vào*” của kẻ lừa bịp, xấu xa (hắn đã lợi dụng Kiều, lợi dụng lúc nàng cô đơn, hoang mang, đau đớn nhất để rũ nàng bỏ trốn, rồi giữa đường rẽ giây cương đi mất); Hồ Tôn Hiến là một đại quan, quyền lực đầy mình nhưng cái “*mặt sắt*” đen sì của hắn cũng có lúc “*ngây vì tình*” trước tài năng và vẻ đẹp của một người đàn bà... Trái lại với cách miêu tả nhân vật phản diện, những gì dùng để khắc họa nhân vật chính diện lại là những thứ phi thường, thuộc về

thiên nhiên, thuộc về vũ trụ, đầy tính ước lệ. Vẻ đẹp của Vân và Kiều được Nguyễn Du dùng nhiều hình ảnh đẹp đẽ của thiên nhiên để miêu tả: Vân thì “*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang; Hoa cười ngọc thốt đoan trang*”; còn Kiều thì “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*” và tài năng cũng khác biệt, không ai so bì nổi; sự xuất hiện của Kim Trọng với “*Cổ pha màu áo nhuộm non da trời*” khiến cho cả “*một vùng như thể cây quỳnh cành giao*”, thắm đậm chữ tình... Có thể thấy, thi hào Nguyễn Du đã dùng hai biện pháp nghệ thuật khác nhau, dành cho hai loại nhân vật khác nhau nhưng lại là hai mặt của một quan niệm thống nhất và đậm chất văn hóa trung đại.

Không chỉ thể hiện quan niệm về con người, về thiên nhiên mang tính đối lập, tác giả **Truyện Kiều** còn thể hiện sự đối lập trong quan niệm về thế giới nhân sinh và thân phận con người trong thế giới ấy. Xã hội (thuật ngữ ta dùng ngày nay) trong **Truyện Kiều**, được Nguyễn Du hình dung qua các khái niệm: “*cõi người*”, “*miền nhân gian*”, “*quê người*”, “*chân trời góc bể*”... đối lập với gia đình. Trong cái chốn “*cõi người ta*”, “*miền nhân gian*”, “*quê người*”... đây hiểm nguy ấy thân phận con người vô cùng bé nhỏ, bèo bọt, mong manh... Trích đoạn “*Kiều ở lầu Ngung Bích*” (1; tr 93) đã bộc lộ rõ nét quan niệm này của Nguyễn Du, bằng việc xuất hiện một loạt các cụm từ: “*Bốn bề bát ngát*”, “*Bên trời góc bể*”; “*Chân mây mặt đất*”, đối lập với “*tám sơn*”, với “*hoa trôi man mác*”... Nhận biết rõ căn nguyên của những hình ảnh đối lập ấy sẽ giúp ta hiểu sâu sắc nỗi cô đơn của nàng Kiều nói riêng,

của con người nói chung trong “*chốn bụi trần*”, cảm nhận hết được chiều sâu thăm của những dòng thơ li biệt khi con người (nàng Kiều) phải rời nhà, rời người thân vào nơi xa lạ “*đất khách quê người*”.

Nói tóm lại, khi đọc - hiểu **Truyện Kiều** nói chung và các trích đoạn trong nhà trường nói riêng, theo chúng tôi, cần đề cập đến (thậm chí đào sâu) nhận thức về xã hội, về thiên nhiên và con người mang tính đối lập của tác giả. Cũng nên tìm kiếm thêm những trích đoạn khác, những tác phẩm thơ văn khác cùng thời và có cùng quan niệm này để so sánh, làm nổi bật vấn đề. Việc làm đó sẽ giúp ta hiểu rõ hơn về cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, cách xây dựng hình tượng nhân vật, cách miêu tả thiên nhiên và tâm trạng con người... của Nguyễn Du trong **Truyện Kiều**.

2. Quan niệm về con người mang dấu ấn của đời sống tâm linh, của linh cảm cá nhân.

Không chỉ bày tỏ quan niệm về thế giới, về xã hội, về con người mang tính đối lập, thi hào Nguyễn Du, trong kiệt tác của mình, còn cho thấy những cách nhìn nhận, thể hiện con người mang dấu ấn của đời sống tâm linh, của linh cảm cá nhân.

Thừa nhận sự tồn tại của thế giới tâm linh (thế giới khác với thế giới thực, do con người tưởng tượng ra dựa trên một nguyên lí nào đó) là một nét văn hóa mang đặc trưng riêng thời cổ, trung đại. Thế giới ấy đi vào trong thơ văn, có ảnh hưởng không nhỏ đến sáng tác của nhiều tác giả thời trung đại, mà Nguyễn Du là một điển hình. Ông đã lý giải nguyên nhân số phận bất hạnh của nàng Kiều bằng thuyết “tài mệnh

tương đối”. Thi nhân có một lập trường hai mặt về nguồn gốc của bi kịch mâu thuẫn giữa “tài” và “mệnh”. Một mặt, như nhiều tác giả cùng thời, ông tin rằng ở đây có bàn tay đánh ghen của tạo hóa đối với những đấng tài sắc. Đây là một quy luật huyền bí, song nhà thơ cảm nhận nó một cách nhất quán, từ những lời triết luận (*Rằng hồng nhan tự thuở xưa, Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu; Tài tình chi lắm cho trời đất ghen; Chữ tài liền với chữ tai một vần...*) đến sự mô tả chân dung Kiều và nhất là diễn tả ám ảnh định mệnh đã ăn sâu vào ý nghĩ, hành động, đường đi, nước bước của cuộc đời Kiều. Mặt khác, ở nhiều nơi, nhiều chỗ trong **Truyện Kiều**, nhà thơ dường như lại linh cảm thấy có những con người cụ thể, trần thế gây ra nỗi đau khổ cho nàng Kiều. Ông dồn tất cả sự phẫn nộ, khinh ghét vào những con người cụ thể đó. Thái độ này đã có ảnh hưởng quan trọng đến việc miêu tả một cách sắc sảo những nhân vật phản diện.

Trích đoạn “*Chị em Thúy Kiều*” (1; tr 81) là minh chứng cho thấy đời sống tâm linh và những linh cảm cá nhân đã tác động đến việc miêu tả ngoại hình nhân vật. Khi đọc hiểu trích đoạn này, phần lớn chúng ta đều biết việc Nguyễn Du miêu tả Thúy Vân với “*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*”, với “*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*”... là dự báo về cuộc đời bình lặng, yên ấm sau này của nàng. Còn khi miêu tả Kiều, thi nhân lại để thiên nhiên “*ghen*” và “*hờn*” như là tiên đoán trước số phận long đong, chìm nổi... Thế nhưng, mấy người lý giải được nguyên nhân của những dòng thơ miêu tả

ngoại hình hết sức độc đáo, tài hoa đó lại bắt đầu từ một niềm tin thơ ngây của tác giả vào bàn tay đánh ghen của tạo hóa đối với người tài sắc (Niềm tin ấy bắt nguồn từ quan niệm truyền thống “hồng nhan bạc phận”). Theo Nguyễn Du, vì Thúy Kiều: “*Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*” nên mới bị thiên nhiên, đất trời ghen tuông, hành hạ, phải hứng chịu kiếp “*hoa trôi, bèo dạt*”... Tương tự như việc miêu tả ngoại hình nhân vật chính diện, việc miêu tả một số nhân vật phản diện trong tác phẩm cũng chịu không ít tác động từ niềm tin vào thế giới tâm linh và những linh cảm mang tính cá nhân của tác giả. Có lẽ, Nguyễn Du cho rằng những kẻ ác, kẻ xấu gây bất hạnh cho người tài sắc không xứng đáng để ông dùng nhiều lời, dành nhiều thời gian tô vẽ và cũng không cần phải dùng những hình ảnh đẹp đẽ, mỹ miều để điểm trang. Vì thế, khi miêu tả nhân vật phản diện trong Truyện Kiều, Nguyễn Du không tập trung vào ngoại diện mà chủ yếu xoay vào hành động, hoặc đặc tả vài nét tiêu biểu cho tính cách nhân vật. Miêu tả Tú Bà, ông chỉ dùng hai câu: “*Nhác trông nhờn nhợt màu da; Ăn gì cao lớn, đẩy đà làm sao*”. Trong đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều (1; tr 97), tưởng rằng nhân vật phản diện Mã Giám Sinh được nhà thơ ưu ái hơn khi ông giới thiệu khá đầy đủ từ quê quán, tên riêng đến tạo hình “*Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao*”. Nhưng ngay câu thơ sau, với hành động “*Ghế trên ngòai tốt số sàng*” hết sức vô văn hóa, thì mọi lời đẹp đẽ bên trên đều bị phủ định sạch trơn... Với những phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng, khi đọc hiểu các trích

đoạn miêu tả nhân vật trong **Truyện Kiều**, người đọc không chỉ bám vào câu, từ, vào các biện pháp nghệ thuật mà còn cần lưu ý đến nguyên nhân thúc tác giả lựa chọn cách viết, cách khắc họa nhân vật như vậy. Tức là, lưu ý đến quan niệm của tác giả về con người mang dấu ấn của đời sống tâm linh, của linh cảm cá nhân.

Như ở trên chúng tôi đã đề cập, Nguyễn Du tin vào thế giới tâm linh, ông tin rằng có sự tồn tại của thế giới thứ hai, bên cạnh thế giới mà con người đang sống. Niềm tin ấy không chỉ chi phối đến việc miêu tả nhân vật mà còn ảnh hưởng đến mọi hành động, tư tưởng, cuộc sống nội tâm của nhân vật trung tâm - Thúy Kiều. Đoạn trích **Trao duyên** (2; tr 104) cho thấy sự tồn tại của thế giới tâm linh là có thật, thông qua lời Thúy Kiều nhắn nhủ Thúy Vân:

*"Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về".*

Khi đã quyết định bán mình, từ bỏ tình yêu với Kim Trọng, Kiều đau đớn đến mức cho rằng linh hồn mình đã chết đi rồi. Thế nên mới “*Thấy hiu hiu gió*” thổi qua “*ngọn cỏ lá cây*” thì đó là linh hồn nàng hiện về. Trong đêm thề nguyện với Kim Trọng, Kiều đã tin vào thế giới tâm linh và bây giờ, khi trao lại cho em những kỉ vật tình yêu thiêng liêng, Kiều lại một lần nữa bộc lộ niềm tin mãnh liệt của mình. Nàng tin rằng, linh hồn nàng tồn tại trong “*chiếc thoa*”, “*bức tờ mây*”, “*phím đàn*”, “*mảnh hương nguyên*” và mãi mãi không rời xa chàng Kim, không rời xa nơi này, dù thân xác nàng có phiêu bạt đến nơi nào.

Trong hoàn cảnh ấy, Kiều muốn tin và bám víu vào niềm tin có sự tồn tại của thế giới tâm linh để tạo sợi dây ràng buộc với quá khứ, với người nàng yêu, với mối tình mà nàng phải từ bỏ. Việc hiểu được niềm tin của Kiều (thực chất là của Nguyễn Du) sẽ giúp ta hiểu được sâu sắc hơn tình yêu và sự hi sinh của nàng.

Niềm tin của tác giả vào sự tồn tại của một thế giới khác cũng chi phối cách cảm nhận và khắc họa không gian và thời gian trong tác phẩm. Ngay trong trích đoạn *“Cảnh ngày xuân”* (1; tr 84, 85), ở phần mở đầu **Truyện Kiều**, Nguyễn Du đã đưa người đọc vào một không khí văn hóa tâm linh đặc trưng của thời xưa: *“Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh”*. Hội là cuộc chơi, là sự giao tiếp giữa con người với con người của thế giới hiện thực. Trong cuộc chơi hội đạp thanh ấy, sẽ xuất hiện một con người bằng xương, bằng thịt là Kim Trọng. Còn lễ là tảo mộ, thực tế là cuộc tiếp xúc của người sống với linh hồn người đã mất, trong cuộc lễ ấy xuất hiện bóng ma Đạm Tiên. Lễ và hội chỉ là hai hình thức điển hình nhất của hoạt động con người, trong mối quan hệ với hai thế giới mà nó hình dung. Rồi đây, cuộc đời của Kiều sẽ diễn ra, trải ra tuy không phải là lúc nào cũng trong không khí lễ và hội, song trong hai thế giới hiện thực và tâm linh như vậy...

Với con người hiện đại ngày nay, hẳn chỉ có một thế giới duy nhất với những quan hệ hiện thực. Nhưng không nên quên rằng, với người xưa, việc hai thế giới cùng tồn tại là một sự thực lịch sử. Vì thế, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, việc đọc - hiểu **Truyện Kiều** nên chú ý đến những quan niệm về thế giới, về xã hội, về thân phận

con người mang tính văn hóa thời trung đại mà Nguyễn Du chịu ảnh hưởng.

Đã có một thời gian dài người ta áp “chủ nghĩa duy vật biện chứng”, “chủ nghĩa hiện thực” và tư duy phân tích của phương Tây vào “đọc” **Truyện Kiều** mà quên rằng, tác phẩm này ra đời trong một thời đại văn hóa có những đặc trưng loại hình khác biệt so với thời đại hiện nay. Nhiều người cố gắng “hiện đại hóa” **Truyện Kiều** nên vô hình chung, đã bỏ qua lĩnh vực quan trọng giúp đọc - hiểu tác phẩm được sâu sắc, toàn vẹn hơn, đó là những ảnh hưởng của tư tưởng, quan niệm mang tính văn hóa. Trên đây, chúng tôi đã bàn đến việc đọc hiểu các trích đoạn **Truyện Kiều** trong nhà trường nhìn từ những quan niệm mang tính văn hóa thời trung đại. Tất nhiên, đó mới chỉ là những ý kiến mang tính chất gợi mở. Hi vọng rằng, việc làm của chúng tôi sẽ được các bạn đọc yêu **Truyện Kiều** khác hưởng ứng và phát huy. Cũng hi vọng rằng, hướng phân tích mới này sẽ được các thầy cô giáo và các em học sinh lưu tâm, vận dụng để đọc hiểu các trích đoạn **Truyện Kiều** trong nhà trường, từ đó góp phần giúp cho việc đọc Kiều, hiểu **Truyện Kiều** ngày một toàn diện hơn./.

(1) Nguyễn Khắc Phi. *Ngữ văn 9 (tập 1)*. NXB Giáo dục, H. 2008.

(2) Phan Trọng Luận (chủ biên). *Ngữ văn 10 (tập 2)*. NXB Giáo dục, H. 2006.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Du. *Truyện Kiều*. NXB Giáo dục, H. 1998.

2. Trần Nho Thìn. *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*. NXB Giáo dục, H. 2003.

ĐỀN THỜ AN SINH VƯƠNG TRẦN LIỄU Ở THUẬN THÀNH - BẮC NINH

NHO THUẬN

Trên quê hương Bắc Ninh có khá nhiều di tích Lịch sử - Văn hóa liên quan đến những nhân vật lịch sử theo thần tích có công dựng nghiệp nhà Trần, tiêu biểu như: Vợ chồng ngài Trần Quý - Phương Dung được thờ ở đền Hộ Quốc và đình Tam Tảo (Phú Lâm - Tiên Du); Thái sư Trần Thủ Độ, được thờ là Thành Hoàng làng Phúc Lai (Đào Viên - Quế Võ). Nhưng đặc biệt ở vùng đất Thuận Thành - Bắc Ninh, tại làng Tư Thế thuộc tổng Khương Tự, huyện Siêu Loại (xưa), nay là thôn Tư Thế, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh còn có một quần thể di tích cổ kính thâm nghiêm, trong đó có đền thờ An Sinh Vương - Trần Liễu. Ông là thân phụ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, một danh tướng có công lớn trong công cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông. Sau khi ông mất, nhân dân làng Tư Thế đã lập đền thờ để tưởng nhớ ông. Từ lâu ngôi Đền đã trở thành biểu tượng linh thiêng của người dân Tư Thế nói riêng và người dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nói chung.

Đền thờ An Sinh Vương Trần Liễu nằm ở phía Tây của thôn Tư Thế, trong một khuôn viên đẹp, xung quanh có nhiều cây cối xanh tốt quanh năm. Theo các tài

liệu thư tịch và văn bia còn lưu giữ đến ngày này, ngôi đền được khởi dựng năm 1251. Đền được thiết kế với kiến trúc cổ xưa, với 3 gian mái chồng diêm, tạo ra được khoảng thông thoáng về chiều cao và ánh sáng, vừa uy nghi, mang nhiều giá trị văn hóa, nghệ thuật. Đến thời Lê - Nguyễn lại được tôn tạo với quy mô lớn hơn, chạm khắc trang trí nghệ thuật kênh bong và sơn thếp lộng lẫy. Trải qua thăng trầm lịch sử, ngôi đền xưa bị xuống cấp nặng, Ngôi đền ngày nay vừa mới được trùng tu năm 1992 với quy mô như cũ và vẫn mang được dáng vẻ truyền thống, gồm: 5 gian tiền tế và 2 gian hậu cung, bố cục hình chữ Đinh, mặt nhìn về hướng Tây. Giá trị nổi bật của ngôi đền chính là những cổ vật còn bảo lưu được như: Thần phả, sắc phong, bia đá và nhiều đồ thờ tự khác. Đặc biệt là tấm bia đá "Thần tích" và bia "Hậu thân" được dựng vào năm 1760; 6 đạo sắc phong, đạo sớm nhất phong năm 1851 và đạo muộn nhất phong năm 1924. Trong hậu cung còn lưu giữ một bức phù điêu hình chân dung vị Thành hoàng với đường nét đặc tả điêu luyện, dáng vẻ uy nghi, được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Ngoài ra còn nhiều đồ thờ tự bằng các chất liệu như: Sứ, gỗ, đồng... chủ yếu được tạo tác từ thế kỷ XIX như:

Ngai thờ, bát biểu, hoành phi, câu đối, đồ tế lễ, rước sách... đã cho biết nhiều thông tin quý giá về lịch sử, tín ngưỡng và phong tục tập quán của làng xã nơi đây. Theo thần phả, sắc phong và bia “Thần tích” của đền làng Tư Thế thì làng (xã) nơi đây xưa có tên “Vĩnh Thế” là đất “thang mộc” của An Sinh Vương Trần Liễu - Thân phụ của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, được nhân dân nơi đây thờ phụng làm Thành Hoàng làng. Căn cứ vào sử sách và văn bia “Thần tích” của đền làng Tư Thế có thể tóm tắt về thân thế, sự nghiệp và công lao của An Sinh Vương Trần Liễu như sau:

An Sinh Vương Trần Liễu (1211 - 1251), sinh ngày 1 tháng 4, năm Tân Hợi (23/4/1211), là một tông thất vương công thuộc hoàng tộc nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông là con của Trần Thừa và bà Lê Thị. Trần Liễu là con cả trong gia đình gồm tám anh em. Sau ông là công chúa Thụy Bà, Trần Cảnh, Trần Nhật Hiệu, Trần Di Ái, công chúa Ngoạn Thiềm, công chúa Thiên Thành và người em út là Trần Bá Liệt. Trong tám người con, đặc biệt có Trần Cảnh - Vua Trần Thái Tông, vị Hoàng đế đầu tiên của triều đại nhà Trần (cuối nhà Lý, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Ngày 11 tháng 12 năm 1225, Trần Cảnh lên ngôi Hoàng đế đổi niên hiệu là Kiến Trung năm thứ nhất, dựng lên triều đại nhà Trần từ đây). Tổ tiên nhà Trần quê gốc ở huyện Đông Triều (Quảng Ninh), đến định cư ở hương Tức Mạc phủ Thiên Trường (Nam Định).

Về con cái, theo các nguồn sử liệu thì Trần Liễu có nhiều con nhưng chỉ có 5 người được nhắc đến, là: Trần Tung, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Doãn, Trần Quốc Khang và Trần Thị Thiệu.

Trần Liễu là người tài giỏi, một trong những nhân vật lịch sử nổi tiếng thời nhà Trần. Trong đời mình, ông được ban nhiều chức tước khác nhau, tước đầu tiên là Phụng Càn vương, Trần Liễu được ban tước này vì ông lấy công chúa Thuận Thiên con Vua Lý Huệ Tông. Trong sự nghiệp của mình, Trần Liễu từng được Vua Trần Thái Tông giao chức Úy Phụ Quốc, từng nhận lệnh đi xử Thanh Hoá và có công dẹp giặc. Năm 1234 khi Trần Thừa mất, Trần Liễu được Vua ban tước Hiền Hoàng vương. Sau vụ đem quân chống lại triều đình, nhờ bởi Trần Liễu là cha đẻ của Trần Cảnh - Vua Trần Thái Tông và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và có thêm sự hoà giải của bà Trần Thị Dung mà ông đã thoát chết vào năm 1237. Ông và Vua Trần Thái Tông đã tha thứ cho nhau và tình cảm anh em trở lại như xưa (theo chính sử đã ghi).

Đứng trước họa xâm lăng của “đế quốc” Nguyên - Mông, Trần Liễu đã gạt bỏ đi những mâu thuẫn nội bộ, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, cùng con là Trần Quốc Tuấn thống nhất triều đình, động viên toàn dân đứng lên kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Dưới sự lãnh đạo của vương triều Trần, nhân dân Đại Việt đã đập tan 3 lần xâm lược của đế quốc Nguyên - Mông (năm 1258, 1285, 1288), giữ vững được nền độc lập dân tộc, vẹn toàn được non sông đất nước.

Có được thắng lợi vĩ đại trước một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới bấy giờ, trước hết là tinh thần đoàn kết trong vương triều nhà Trần, trong đó có sự hy sinh to lớn vì dân vì nước của cha con An Sinh Vương Trần Liễu và đặc biệt là nhờ có công lớn của Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn. Khối đoàn kết này được truyền trong toàn

quân dân Đại Việt. Tiếp đến là sự lãnh đạo thiên tài của vương triều nhà Trần, mà nổi bật là vai trò của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Công lao to lớn của Trần Quốc Tuấn đã được sử sách lưu danh, dân tộc ta tôn vinh Trần Quốc Tuấn là anh hùng dân tộc, thế giới ca ngợi ông là danh tướng.

Tương truyền, Tư Thế cũng là vùng đất “thang mộc” của An Sinh Vương Trần Liễu). Ông đã có nhiều sự trợ giúp cho dân làng. Bởi vậy ngài luôn sống mãi trong tiềm thức dân gian, đặc biệt là nhân dân vùng đất này. Sau khi mất, ông được Vua ban tước Khâm Minh Từ Thiện Đại vương và được nhiều nơi tôn thờ, trong đó có nhân dân làng Tư Thế thờ phụng là Thành hoàng làng. Đền làng Tư Thế đã được UBND tỉnh Bắc Ninh xếp hạng Di tích Lịch sử văn hóa năm 2001 và lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 3 Âm lịch.

Làng Đại Trạch thuộc tổng Đình Tô, huyện Siêu Loại xưa. Nay thuộc xã Đình Tô, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (kề bên làng Tư Thế), hiện còn ghi dấu và lưu giữ nơi thờ con trai, con dâu, cháu nội của An Sinh Vương - Trần Liễu, đó là gia đình thứ hai của Hưng Đạo Đại Vương - Trần Quốc Tuấn (con trai của Trần Liễu, bao gồm: di tích đình, đền thờ vợ chồng, con trai, con dâu của Trần Quốc Tuấn và mộ phần của Trần Hưng Hồng (con trai Trần Quốc Tuấn, cháu nội Trần Liễu) cùng vợ là Đặng Phương Dung (con dâu của Trần Quốc Tuấn, cháu dâu của Trần Liễu). Đây là những di tích tư liệu quý giá, làm phong phú thêm lịch sử và tín ngưỡng thờ gia đình những người có công với dân, với nước. Theo sắc phong năm Duy Tân thứ 3 (1909): Làng Đại Trạch - Đình Tô ngày

nay có một ngôi đền thờ Trần Hưng Đạo và vợ là Quế Hoa Nương. Bản khai thần tích, sắc phong tục, ghi: Trần Hưng Đạo lấy đức thánh mẫu, tên là Quế Hoa Nương, người làng chúng tôi (làng Đại Trạch), lập làm Đệ Nhị Cung Phi. Trong đền hiện nay, ngoài ngai bài vị, tượng Trần Hưng Đạo và Quế Hoa Nương còn có ngai bài vị, tượng thờ con trai của hai vị là Trần Hưng Hồng. Đền nằm cùng khu đất ở bên trái của chùa Hương Thủy (cùng làng). Còn ở trung tâm làng hiện nay, có một ngôi đình cổ, căn cứ vào những tài liệu thư tịch và dấu tích còn lại có thể biết được di tích này được xây dựng vào năm 1850, thờ Thành hoàng là Trần triều tướng công Trần Hưng Hồng và vợ là Quý phi Đặng Phương Dung (người thôn Tứ kỳ - Đại Trạch xưa) - Theo thần tích, Trần Hưng Hồng là con trai của Trần Hưng Đạo và Quế Hoa Nương, cháu nội của An Sinh Vương Trần Liễu) cũng là một trong những tướng quân triều Trần có công tham gia chống giặc Nguyên - Mông ở tại thôn bên (thôn Ô Trì, xã Đại Trạch xưa - thôn Ô Trì, xã Đình Tô, ngày nay cũng có một ngôi đình thờ (xưa là miếu thờ) tướng quân Trần Hưng Hồng và phần mộ của Trần Hưng Hồng cùng Đặng Phương Dung.

Vậy sử sách và tín ngưỡng dân gian, đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về công lao của An Sinh Vương Trần Liễu người thân sinh ra Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn - bậc thiên tài quân sự, người anh hùng dân tộc cùng các nhân vật lịch sử đủ cả ba thế hệ của An Sinh Vương Trần Liễu, được nhân dân vùng đất Siêu Loại - Thuận Thành ghi ơn và phụng thờ hàng trăm năm nay./.

Đền thờ Trạng nguyên NGUYỄN NGHIÊU TƯ

PHAN THỊ AN NGỌC

Khu phố Hiền Lương, phường Phù Lương, thị xã Quế Võ vốn là một làng cổ nằm ven bờ sông Cầu. Người dân nơi đây sinh sống trên các quả núi Chọc, núi Chùa, núi Tụng, núi Đền, núi Vĩnh, núi Giữa thuộc dãy Châu Sơn, nơi đây ấp những truyền thuyết về buổi bình minh lịch sử của dân tộc ta. Cho đến nay, dấu ấn về một làng Hiền Lương cổ kính, văn hiến vẫn còn đọng lại ở tên đất, tên làng, quần thể di tích cổ kính thâm nghiêm, trong đó có ngôi đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư.

Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh, Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 30/08/2012.

Theo lời kể của các cụ cao niên địa phương, đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư vốn được xây dựng từ lâu đời trước nằm ở cánh đồng Tổ Môi ở phía Đông Nam của làng sau được chuyển lên sườn núi Đền (khu công Thông), rồi lại được chuyển về cạnh đình làng ở phía Tây núi Vĩnh. Nhưng tiếc thay cả đền và đình

đã bị phá hủy trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân phải gửi tượng thờ vào đền Tiên. Đến năm 2004, dân làng cùng nhau xây dựng lại ngôi đền trên đỉnh núi Đền, mặt đền quay về hướng Nam, khuôn viên không xây tường bao và không có cổng.

Đền có kiến trúc hình chữ Đinh gồm hai toà: Tiền tế và Hậu cung. Toà Tiền tế gồm 3 gian 2 chái với 4 bộ vì được kết cấu theo kiểu thượng giá chiêng hạ kẻ chuyền. Các kẻ ăn mộng từ vì nóc qua cột cái tới cột quân, từ cột quân ra ngoài tạo thành bẩy hiên. Bộ khung gỗ đỡ các bộ vì phía dưới gồm 4 hàng cột ngang liên kết với 4 hàng cột dọc, tuy nhiên phía trước của gian giữa đã được trón hai cột để tạo sự thông thoáng rộng rãi cho toà Tiền tế. Trên các bộ phận kiến trúc như bẩy hiên trang trí đơn giản với đề tài hoa lá cách điệu, các cấu kiện khác phần lớn để trống, không chạm khắc, thiên về độ vững chắc. Cửa được mở ở 3 gian giữa của toà Tiền tế theo kiểu thượng song hạ bản. Phần mái được lợp ngói mũi hài với 4 mái đao cong



uốn lượn duyên dáng, bờ nóc đắp nổi hình “lưỡng long châu nguyệt”, bờ guột và bờ dải để trống, khúc nguyệt nhấp 2 con nghệ sống động nghệ thuật.

Toà Hậu cung gồm có 1 gian được để thông với toà Tiền tế, bộ vì theo kiểu quá giang gác tường. Hậu cung là nơi tôn nghiêm thờ Thánh, được bài trí ngai thờ, tượng thờ cùng các đồ thờ tự khác. Tại Hậu cung có 2 ngai và tượng thờ là tượng Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư ngồi bên trái, bên phải cao hơn một chút là tượng thờ Tiến sĩ Vũ Mộng Nguyên, người thầy đã có công nuôi dạy Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư thuở nhỏ. Hai tượng tạc trong tư thế gần như giống nhau đều ngồi trên long ngai, đầu đội mũ, mặc áo quan. Phía

trước là các đồ thờ tự như bát hương, đỉnh đồng, hạc đồng, cây đèn, cây nến, lọ hương hoa... phía trên là bức hoành phi có nội dung “Thượng đẳng thần”, hai bên là đôi câu đối sơn son thếp vàng lộng lẫy.

Căn cứ bản Thần tích thần sắc kê khai năm 1938 và một số tài liệu, sách báo, cũng như truyền khẩu của nhân dân địa phương đã cho biết khá rõ về ngôi đền thờ quan Trạng và lai lịch công trạng của ngài như sau: Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư tên húy là Nguyễn Trư, hiệu là Tùng Khê. Thân phụ ngài là Nguyễn Quang Bật, thân mẫu là Trần Thị Bộc. Thân mẫu ngài thường đi hái củi ở vùng núi Tam Điệp, một hôm chợt thấy có hai vết chân lớn hiện lên hòn đá, bà liền ướm thử từ đó thấy động

tâm mà mang thai, đến khi sinh ra ngài vì thấy tướng mạo xấu xí mà cha mẹ đặt tên ngài là Trư. Khi lớn lên ngài thông minh, tài trí hơn người. Vì mồ côi cha mẹ sớm nên ngài phải đi ở cho một nhà giàu ở xã Đông Sơn, huyện Đông Ngàn (nay là thôn Đông Sơn xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du). Sau đó ngài được thầy Vũ Mộng Nguyên đón về nuôi nấng lại dạy cho học hành tinh thông kinh sử. Không phụ công nuôi dạy của thầy, ngài thi đỗ Trạng nguyên khoa thi Mậu Thìn niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448) đời Vua Lê Nhân Tông. Tương truyền đêm trước ngày thi đình, Vua Lê Nhân Tông nằm mơ thấy lợn đỗ trạng, Vua liền sai xa giá xem bảng vàng thấy Trạng nguyên tên là Nguyễn Văn Trư, Vua liền đổi tên cho là Nguyễn Nghiêu Tư. Khi vào triều gặp Vua, để thử tài quan Trạng, trước mặt văn võ quần thần, nhà Vua ra một vế đối “Long tại đỉnh long nhi bất tẩu” và yêu cầu sau khi Vua bước đi bảy bước quan Trạng phải có vế đối lại. Chẳng ngờ nhà Vua mới đi được ba bước quan Trạng đã đọc ngay vế đối “Yến cư thượng yến hà vô phi”. Vua và quần thần gật đầu thán phục. Sau đó quan Trạng được bổ chức Hàn Lâm trực học sĩ, sau làm An phủ sứ lộ Tân Hưng. Năm 1459 Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư được cử làm phó sứ đi sứ nhà Minh, khi về được phong chức Lại bộ Thượng thư, Chuông Lục bộ Thượng thư. Cuộc đời khoa cử và làm quan của ngài đã để lại nhiều giai thoại nổi tiếng đặc biệt là tài ngoại giao khi đi sứ.

Cũng theo lời kể của các cụ cao niên, trước đây khi đình, đền chưa bị giặc Pháp

phá, hàng năm từ ngày mùng 9 đến 14 tháng Giêng, nhân dân lại nô nức mở hội làng. Vào ngày hội, từ mùng 9 các ông đám đã mở cửa đình, đèn để bao sái đồ thờ tự, phong cờ quạt. Sang ngày mùng 10, làng tổ chức tế với lễ vật đặc biệt được gọi là “lợn ông”. Các giáp được phân công sẽ cấy ruộng công và nuôi lợn từ trong năm, lợn tế phải là lợn đen tuyền và phải đủ ít nhất 40 kg, sang ngày 11 và 12, làng tổ chức tế các đức Thánh với lễ vật là xôi gà, hoa quả, đến ngày 13 là lễ tế giã đám “tế lợn tuyền”. Trong ngày 13 còn có nghi thức mời cha Từ Phong (xã Cách Bi) và con rể của làng cùng tham dự lễ làng. Ngoài ra, vào ngày 5 tháng 8 (âm lịch) là ngày mất của Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư, dân làng Hiền Lương tổ chức cúng tế tại đền. Lễ vật dâng thánh có xôi gà, hoa quả, bánh trái. Trong những ngày lễ hội ngoài các phần lễ có phần hội với một số trò chơi dân gian như: đu, vật, kéo co, hát trống quân, hát chèo, hát quan họ... đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hoá tâm linh vui tươi lành mạnh nhằm đoàn kết cộng đồng, gìn giữ và phát huy những thuần phong mỹ tục.

Đền thờ trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư từ lâu là trung tâm sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân Hiền Lương, là nơi giáo dục truyền thống tốt đẹp, nuôi dưỡng đời sống văn hóa tinh thần và gìn giữ những thuần phong mỹ tục của cha ông, góp phần làm giàu truyền thống lịch sử quê hương. Tấm gương sáng ngời về đức độ, tài năng của Trạng nguyên mãi xứng danh khắc vào bia đá để muôn đời các thế hệ học tập noi theo./.

DUYÊN NƯỚC CỎ Người

HOÀNG GIÁ

Năm ấy nước muộn. Gần tết Canh Tuất mà sông Thiên Đức vẫn mênh mông nước. Mưa từ tháng Bảy. Tầm tã mấy tháng liền. Những đám mây hình chiến trận xám xịt phủ kín bầu trời. Phía Tây, một cây cầu vòng cong vút bỗng nhiên xuất hiện. Dân làm bãi ven sông hô nhau “Sấm Đông, vòng Tây, chẳng mưa đây cũng bão giạt. Bà con ơi, về thôi”. Dưới sông, những con thuyền cũng hối hả tấp vào bờ, cắm sào trú ẩn. Mấy ông thợ câu vội vã cuốn dây, vác giỏ chạy ngược lên phía bờ đê...

Duy chỉ có một người con gái - đúng hơn là một thiếu phụ vẫn ngồi như tượng trên mỏm đất nhô hẳn ra sông. Từng đàn ong bướm, cả những con chim chả xanh lét vẫn cứ lượn quanh. Từ mỏm đất ấy, một mùi hương ngan ngát tỏa ra, phủ lên mặt sông, lên bờ bãi, hút hồn chim chóc và lũ côn trùng.

Thiếu phụ ấy chính là nàng Biện thị Vĩnh Ngọc - Chiêu Nghi của Chúa Trịnh Cương vừa đột ngột qua đời hồi cuối tháng Mười.

Cái chết của Chúa thật vô lý. Chúa là con nhà võ, thân hình rắn chắc, có thể

cùng lúc địch mười đối thủ. Chúa còn là vị Chúa anh minh, trên kính Vua Lê, dưới yêu dân mọn, sáng suốt dùng người nên chỉ có bạn chứ ít có thù... Chúa ra đi, ngay trên cỗ xe tứ mã, ngay trên đất mẹ Như Kinh. Trưa hôm ấy, Chúa còn cho hạ trại trên núi Lạn Kha, còn cùng Chiêu Nghi ân ái, mong có quý thai, hấp thụ tinh trời, tinh đất, tinh núi, tinh sông, hấp thụ khí chất ngàn năm Kinh Bắc, mong cho đất Việt thêm một nhân tài...

Thế mà... Người lại lẳng lẳng ra đi.

Chiêu Nghi như người mất trí. Viên quan hộ tống nghi nàng đầu độc chồng, sai người bắt nàng, tống vào cũi sắt, bịt kín vải điều giải về Kinh thành. Nàng chả bận tâm. Nàng chỉ thấy bầu trời đỏ sập, không còn mặt trời, không còn ánh sáng. Nàng thấy Chúa vẫn ôm ấp, vẫn phả hơi nóng lên mặt, lên mắt, lên đôi môi mọng đỏ của nàng.

Rồi người ta tống nàng vào ngục tối. Những tên coi ngục hôm qua còn khúm núm, cục cằn mang cho nàng những bát com nguội lạnh. Chẳng phải nàng chê, cũng chẳng phải nàng không biết phận. Nàng không ăn vì nàng không đói. Nàng

không thoát khỏi cái bóng của Chúa, không ý thức được nỗi kinh hoàng khi Chúa đột ngột ra đi.

Chỉ đến khi bà Thái Phi Trương Thị (nay đã được Chúa Trịnh Giang phong Thái Tôn) giận dữ hét lên “Kẻ nào? Kẻ nào dám giam cầm con dâu yêu quý của ta...” thì nàng mới bừng tỉnh. Người ta đưa nàng ra khỏi ngục. Nàng ngược mắt nhìn trời, ngác ngơ nhìn tứ phía. Mãi nàng mới nhìn thấy Thái tôn. Nàng vội chạy tới. Nhưng chân nàng khuy xuống. Thái tôn cúi xuống nâng nàng lên. Nàng nức nở khóc, Thái tôn cũng âm thầm khóc. Nước mắt bà nhỏ xuống đầu nàng. Nàng ngẩng mặt lên, há miệng chờ những giọt nước mặn chát ấy. Nhưng những giọt nước nàng mong đợi không tới được miệng nàng. Nàng Vũ Ngọc Nguyên (chính thất của Chúa Trịnh Cương) đã đưa chiếc khăn tay lau mắt cho bà. Thái tôn gạt tay nàng Nguyên, kéo Chiêu Nghi ngồi dậy, áp mặt nàng vào mặt bà, rồi sai người mang kiệu rước nàng đi. Quan coi ngục luống cuống không biết xử lý thế nào, bèn chạy về bẩm Chúa. Chúa Trịnh Giang trừng mắt:

- Ai dám trái lời Thái tôn. Ta chém.

Lúc sau, Chúa mới ôn tồn:

- Thực ra ta đã xem xét kỹ càng. Sự ra đi của Phụ vương ta, có liên quan tới Chiêu Nghi. Nhưng Chiêu Nghi không có lỗi. Chiêu Nghi là người vô tội. Phụ vương ta mất, Chiêu Nghi đau khổ chẳng kém gì Thái tôn, Thái phi ta. Thôi. Hãy trả tất cả những gì Phụ vương ta đã ban cho nàng. Hãy làm theo ý chỉ của nàng.

Nàng biết, cả Chúa, cả Vua đều tin nàng, xóa mọi tội lỗi cho nàng. Nhưng

phủ Chúa, cung Vua thì không ít người ghen ghét, coi nàng là gái giết chồng. Và miệng thế gian... còn hãi hùng hơn gươm đao, rắn rết.

Nàng nghĩ: Trước sau gì những cái miệng khùng khiếp ngọt ngào kia sẽ làm Chúa thay lòng. Nàng lo cho hai đứa con. Chúng nó - đứa vừa đi vững, đứa còn lằm chằm. Chúng như những bông hoa mới nở, như những chú chim mới tập ra giàng. Nàng không thể để hoa sớm lìa cành, chim sớm lìa tổ. Chúng là tinh huyết của nhà Chúa, tinh huyết của người chồng vĩ đại, hết mực yêu thương. Nàng có thể chết cùng cha chúng, nhưng chúng thì không. Thôi. Thà làm một thường dân còn hơn làm một thế tử không đầu. Nàng bí mật cùng chị vú và người phu xe trung thành đưa hai con xuôi mãi về thành Nam gửi thẳng anh, rồi thuận xe vào tí tít xứ Thanh gửi nốt thẳng em. Dầu sao thì những nơi ấy cũng xa kinh thành, cũng gần quê nội chúng hơn. Nàng hy vọng sẽ có ngày chúng tìm được quê cha, được mang họ Chúa. Còn giờ đây nàng phải đổi họ đổi tên cho chúng. Nàng phải vứt bỏ những gì Chúa đã ban cho, chỉ giữ lại những thỏi vàng, thỏi bạc không dấu vết nhà Chúa để gửi lại cho con. Rồi nàng thuyết phục người phu xe sống nốt quãng đời còn lại với chị vú trọng nghĩa, trọng tình. Những gì nàng có, nàng cho hết hai người. Nhưng cả hai không nỡ rời bỏ nàng. Nàng phải rút dao dọa quên sinh nếu hai người không làm theo ý. Hai người đành gạt nước mắt, vái nàng bốn vái rồi đánh xe leo dốc lên thượng nguồn con sông Mã. Ở đấy sẽ không ai tìm được họ, không ai có thể dò hỏi tin tức của hai đứa con nàng.

Xong xuôi, nàng tìm đường về Kinh Bắc, về dòng sông Thiên Đức đặc quánh phù sa, về làng Khang giàu đẹp, ân tình. Ở đó, nàng có gia đình, có họ hàng, có bà con lối xóm. Ở đó nàng sẽ sống nốt những năm tháng cuối đời trong sự thương yêu cháo rau quê quệch...

Nhưng... buổi trưa cuối năm mà sao làng Khang giàu có đường này lại lạnh tanh khói bếp? Không tiếng chó sủa, lợn kêu? Không thập thình gạo giã? Không tiếng khóc trẻ thơ, không cả lời ca ngày ngắt lòng người?

Bước qua cổng làng không có tuần đinh canh gác, nàng đi mãi trên những con đường lát gạch mà tịnh không thấy bóng người. Nàng buồn bã quay ra phía bờ sông. Người làm muện chưa thấy mặt nàng, chỉ thấy mùi hương thoang thoảng đã vội lẩn đi. Họ đang tránh mặt nàng. Ra mãi bờ sông, nàng mới gặp một ông lão quăng chài. Ông như có ý đợi nàng. Ông chăm chăm nhìn nàng rồi hỏi:

- Này. Tôi hỏi thật. Có phải cô đã giết Chúa, vì Chúa đã già không đáp ứng được ham muốn của cô?

Nàng bật khóc. Rồi nàng kể vắn tắt mọi chuyện cho ông lão nghe. Ông lão bùi ngùi bảo:

- Thế mà quan phủ sức giấy về nói những điều như tôi vừa nói, còn bảo nay mai nhà cô sẽ bị chu di tam tộc. Ai che giấu sẽ bị tội chém ngang lưng. Tôi và nhiều người không tin. Nhưng cẩn thận vẫn hơn. Họ Biện, họ Vương nhà cô phải đổi họ, ly tán khắp nơi. Các nhà khác sợ liên quan cũng lánh đi chờ xem thời vận. Cô về, chẳng ai dám chứa cô đâu. Tôi người

mãi dưới Đồng Đông. Đêm qua nằm mơ, thần bảo chiều nay sẽ gặp quý nhân. Thì ra là cô. Tôi tin cô. Mà tôi cũng chả sợ. Nếu không có nơi nào đi thì cô cứ về nhà tôi. Nói đại. Nếu cô có mệnh gì thì cứ xin được an táng ở vườn nhà tôi. Đừng ngại. Thôi. Tôi về.

* *
*

Chả mấy chốc người làm bãi, người đi câu, đánh cá đã về hết. Chỉ còn lại dòng sông tê tái rét và lũ côn trùng, chim chả vây quanh nàng. Gió Tây Bắc càng lúc càng mạnh, đẩy mây đen phủ khắp bầu trời. Sấm chớp rền vang. Người ta liên tưởng tới năm Nhâm Tuất thời Vua Lê Thái Tông, đại công thần Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc, trời đất bất bình, mưa gió, sấm chớp từ tết Ông Công tới tết Nguyên Tiêu năm Quý Hợi. Dải đất bờ Nam sông Thiên Đức đã từng xảy ra bốn vụ án oan ngàn năm sau vẫn còn vương nước mắt. Đón đau, thảm khóc nhất là vụ Lê Chi Viên. Chả nhẽ năm nay lại có thêm một nỗi đau vườn vải?

Rất may. Chiều về, sấm chớp thưa dần, mây đen bị gió kéo phăng ra biển. Bầu trời quang đặng như mới vào thu.

Nàng Chiêu Nghi vẫn ngồi im như tượng. Nàng nhớ mẹ nàng kể rằng: Năm Kỷ Sửu, Trịnh Căn mất, Thế tử Trịnh Cương lên thay ngôi Chúa, tháng sau thì xa giá về làng Khang bái tế đức Nam Bang Thủy Tổ. Bái tế xong, Chúa đòi vào thăm nhà Thắng Trung hầu. Vừa yên vị, chưa kịp mời Chúa nhấp chén trà sen thì Chúa đã đứng dậy, quay người bốn phía rồi hỏi Trung hầu:

- Nhà khanh có mùi hương gì như hương cốm đầu mùa, lại như hương phong lan rừng rậm, như hương sen mùa hạ giữa đầm?

Trung hầu cũng thấy lạ, cho rằng hương ấy là hương từ Chúa. Chúa vội xua tay, rảo bước khắp nhà. Chúa dừng lại, chỉ tay vào căn buồng bên phải, khẳng định rằng hương từ căn buồng ấy tỏa ra. Trung hầu thưa rằng đó là căn buồng cũ mà vợ ông mới sinh cháu gái được bảy ngày. Chúa cả mừng, bảo:

- Hãy cho người bé ấu nữ ra đây. Ta sẽ có quà mừng.

Khi cô hầu gái bé nàng ra, nàng còn đang ngủ. Chúa bước lại gần thì nàng bừng tỉnh, chăm chăm nhìn vào mặt Chúa rồi nhoẻn miệng cười. Từ người ấu nữ, mùi hương dịu dịu, quyến rũ lan tỏa khắp nhà. Chúa vừa ngạc nhiên, vừa vô cùng bối rối. Đến khi Trung hầu xin phép cho ấu nữ vào buồng thì nàng òa khóc, mùi hương cũng tan dần. Thấy vậy, Chúa gọi cô hầu gái quay lại thì nàng lại nhoẻn cười, lại sực nức mùi hương. Cứ thế, năm lần, bảy lượt, Chúa chẳng nỡ về mà ấu nữ cũng chẳng nỡ xa Người. Sợ không kịp về kinh, Chúa đành nói lớn:

- Ta với ấu nữ chắc là có duyên tiền kiếp. Nếu đúng thế thì trước sau gì cũng sẽ có ngày hội ngộ.

Thế là nàng nín bật. Hương thơm còn quấn quýt theo Chúa về tận kinh thành...

Năm năm sau. Nàng theo mẹ đi hội chùa Ninh Phúc. Mẹ nàng thành kính dâng hương. Còn nàng mãi mê cùng bạn chơi trò chẵn trâu cắt cỏ. Năm ấy, Chúa về ban Lưu Khánh bi ký. Thấy đám trẻ chơi vui, lại

thoảng mùi hương như mùi năm xưa Chúa từng được thưởng, Chúa cao hứng hỏi:

- Các cháu chơi trò gì mà vui quá vậy?

Lũ trẻ sợ hãi chạy tìm chỗ nấp, chỉ riêng nàng đồng dạc trả lời:

*"Tay cầm bán nguyệt xênh xang
Ra tay sắp đặt sửa sang cõi bờ"*

Chúa cả kinh, bèn hỏi:

- Cháu con cái nhà ai mà khẩu khí Đế vương? Năm nay cháu bao nhiêu tuổi?

Nàng cất câu hát rằng:

Ta là cháu cụ Tổng binh

Trung hầu là bố, xóm Đình là quê.

Ta năm tuổi, thạo năm nghề

Múa, ca, cắt cỏ, chăn dê, nuôi tầm

Quê ta đã mấy ngàn năm

Nam Bang Thủy tổ - Hội rằm tháng Giêng...

Giọng nàng cao vút, ngân dài, vang xa. Chúa càng kinh ngạc khi từ phía nàng tỏa ra ngan ngát mùi hương. Chúa chợt nhớ ra ấu nữ. Miệng Chúa lẩm bầm "Chả lẽ chuyện duyên tiền định là có thật?".

Từ đó năm nào cứ rằm tháng Giêng là Chúa lại về làng Khang, lại vào thăm cụ Tổng binh, ông Trung hầu. Nhưng chưa một lần gặp lại nàng.

Cho đến Nguyên Tiêu Bính Ngọ. Xa giá của Chúa chưa qua đầm sen làng Bến mà Chúa đã nghe văng vẳng tiếng hát châu vãn, đã ngửi thấy mùi hương cốm, hương phong lan, hương sen ngào ngạt. Lập tức Chúa nghĩ tới nàng. Nàng đang quanh quẩn đâu đây. Lần này nhất định Chúa phải gặp nàng.

Cỗ xe tứ mã như bay trên đê đại hà. Năm ngoái mưa thuận gió hòa, vụ mùa bội thu. Năm nay tháng Giêng mát mẻ, không

mưa dầm gió bắc nên không chỉ dân làng Khang mà dân cả ba tổng Đình - Hồ - Mão cũng đổ xô về đón Chúa. Chúa cho vén rèm, hạ nón, uy nghi đứng giữa xe vẫy chào thần dân trăm họ. Cả vạn người hô vang “Vạn tuế!”. Cả vạn cánh tay giơ cao. Cả vạn tiếng vỗ tay như sấm... Chúa đưa mắt âu yếm nhìn thần dân, cố tìm một gương mặt thân quen. Nhưng trời muốn thử lòng Người. Gương mặt ấy vẫn xa xăm, vẫn như còn ở chân trời góc bể.

Vào đền. Mùi hương quen thuộc lại sực nức quanh Chúa. Một cô gái ngồi giữa chiếu hoa, vừa gõ phách, vừa hát chầu văn khan. Giọng nàng cao vút, quyến rũ. Nhưng, trời ơi, dưới vành khăn đỏ đóm dáng kia lại là gương mặt đầy kịt những nốt rỗ đậu mùa. Mũi nàng to, khoằm, giống mũi Diều hâu nhòm xuống cái miệng trề. Chỉ có đôi mắt long lanh, thăm thẳm là của giai nhân tuyệt sắc. Chúa buông một tiếng thở dài, trách tạo hóa trêu ngươi, xấu đẹp chen nhau cả trong cõi đời, trên từng khuôn mặt. Chúa chán nản quay ra. Nhưng trái tim Người lại bảo đây là nàng, đây là cái duyên tiền định. Đúng lúc ấy, nàng cất lên câu Quan họ đầy níu kéo:

Áy ai tháng đợi năm chờ

Mà người ngày ấy, bây giờ là đây

Khéo là đại đại ngày ngày

Mười bảy năm, đợi một ngày, bỏ sao?

Nghe vậy, Chúa vừa thững thững bước đi, vừa ngâm mấy câu tùy hứng:

Nếu là tiền định duyên trời

Mặt xin tỏ mặt, ngỏ lời giao duyên.

Bắt nhau ngồi tựa mạn thuyền

*Anh hùng thảng thốt, thuyền quên
đau lòng...*

Dứt câu, Chúa quay lại thì ôi trời, kia há chẳng phải cô gái đầy kịt những nốt đậu mùa? Sao bỗng nhiên biến thành mặt hoa, da phấn, khác gì tiên thế giáng trần? Chúa sững lại, rồi lao tới bên nàng, ngất ngây dồn dập hỏi:

- Nàng là Ngọc? Là con gái Trung hầu? Là ấu nữ năm xưa? Là cô bé “*Tay cầm bán nguyệt xanh xang*”? Là...

Nàng bật cười khanh khách. Chúa vội quỳ xuống, nâng đôi bàn tay búp măng trắng muốt, nâng cái cầm tròn trĩnh. Bốn mắt nhìn nhau, ánh thu ba dập dồn cuộn sóng.

Ngày hôm sau, dân ba tổng kéo về trẩy hội, dự lễ thành thân của nàng với Chúa Trịnh Cương.

Đúng một năm sau (Nguyên Tiêu Đinh Mùi) nàng sinh cho Chúa một cậu con trai giống Chúa như tạc hình. Chúa mừng, cho xây phủ đệ ở Cổ Bi, đưa mẹ con nàng về ở, bãi bỏ các loại thuế ở chợ khắp kinh thành. Năm sau... Năm sau nữa, lại đúng Nguyên tiêu Kỷ Dậu, đưa con trai thứ hai chào đời. Ba tháng sau, Chúa làm theo kế của Chiêu Nghi đòi lại được bốn mươi dặm đất nhà Thanh từ lâu chiếm giữ. Nàng được thân mẫu Chúa là Thái phi Trương Thị Ngọc Chử và chính cung Vũ Thị Ngọc Nguyên hết lời khen ngợi. Xinh đẹp, thông minh, sớm sinh quý tử... nàng được Chúa yêu, họ hàng quý trọng, cung Vua, phủ Chúa người người vì nể... tưởng rằng mãi mãi phú quý, vinh hoa, hạnh phúc tràn trề... Nào ngờ...

* * *

*

Lũ ong bướm lượn quanh Chiêu Nghi vo ve như hát. Những chú chim chả xanh nhao lên lộn xuồng ca khúc hải hoàn. Nàng cũng đột nhiên bừng tỉnh, ngược đôi mắt đen láy nhìn trời, nhìn dòng sông dùng dằng trôi xuôi. Muôn vật như đang hồi sinh vì đấng tối cao đã dẹp đi cơn thịnh nộ. Nàng biết, trời đã thương nàng, đã tha thứ cho nàng. Nàng cũng biết cả nhà Vua, nhà Chúa đều biết nàng oan. Nhưng còn con nàng? Còn dòng tộc? Còn dân làng Khang? Con nàng đâu có tội tình gì. Đứa chưa đầy ba tuổi, đứa chưa đầy tôi đã phải đổi họ, đổi tên, xa cha, xa mẹ, mạng sống mong manh, bèo bọt, bám vào chút lương tâm của những người xa lạ. Liệu các con có thể tha thứ cho nàng? Liệu nàng có còn đủ nghị lực để sống khi không có chúng? Cha mẹ nàng mang nặng đẻ đau, nàng đâu đã báo hiếu được gì. Cả hai dòng họ Biện, họ Vương danh giá, cả làng Khang giàu có, lịch lễ chỉ vì cái tiếng nàng là gái “sát phu” mà phải bạt phiêu, ly tán. Chẳng ai còn muốn gặp nàng. Không có dân thì đâu là Hoàng đế cũng chẳng có đất dung thân, hướng hồ nàng chỉ là phận cung tần may được quân vương sủng ái. Người xưa nói: Ta chẳng hại người, nhưng người đã vì ta mà khổ đau, đói rét... thì cái lý ấy ai thông cảm cho nàng?

Bây giờ nàng phải làm sao? Có lẽ trên đời này nếu không có nàng, không có cái mùi hương nghiệp chướng trên cơ thể nàng thì mọi thứ mới trở lại như những gì vẫn có, mới trả lại cuộc sống bình yên cho cõi thế gian này.

Có lẽ nàng chỉ còn một lựa chọn là cái chết. Và dòng sông quê thân yêu sẽ là

cổ quan tài thủy chung, tinh khiết, ngàn đời bao bọc tấm thân nhỏ bé của nàng.

Nàng từ từ đứng dậy, chấp tay vái bốn phương trời, quay về hướng làng Khang tạ từ chín lạy. Xong xuôi, nàng mỉm cười, nhìn dòng sông nghiêng nghiêng chảy. Nàng thấy Chúa Trịnh Cương giong tay vẫy gọi. Nàng vội gào lên “Phu quân! Phu quân ơi, đợi thiếp” rồi nhẹ nhàng lao xuống dòng sông. Trịnh Cương chờ sẵn, đón nàng, áp đôi môi nóng bỏng lên đôi môi lạnh buốt của nàng. Họ ôm nhau, mặc cho thời gian cứ thế trôi đi, mặc cho thế gian bẽ dâu, dâu bẽ.

Nhưng rồi, Chúa bừng tỉnh. Đôi lông mày cau lại. Chúa phủ phàng đẩy mạnh nàng ra, giận dữ mà mắng rằng:

- Ta tưởng nàng là người con gái thông minh, nhân hậu, ai dè cũng chỉ là nhi nữ thường tình. Tại sao nàng lại có thể bỏ lại tất cả mà đi? Nàng đang giận ai, trách ai? Tại sao nàng không thể vì con cái chúng ta, vì cơ nghiệp nhà ta, vì nhân dân, vì đất nước này mà sống? Ta biết Trịnh Giang là đứa ham chơi. Nàng phải giúp nó hoàn thành những ước mơ, những hoài bão lớn mà ta với nàng đã đàm đạo trên đỉnh Lạn Kha. Vì thế ta yêu cầu nàng phải sống...

Nàng mơ màng thấy mình nằm trên lưng một cụ rùa già. Cụ rùa đưa nàng ngược dòng tấp vào Bến Phật. Một vị sư già dìu nàng lên tam bảo, sai người xuống tóc cho nàng. Nàng cầu xin nhà sư cho nàng về gặp dân làng Khang dù chỉ một lần. Nàng hứa sẽ trở lại chùa, sẽ mãi mãi là đệ tử Phật môn linh ứng. Nàng ngẩng lên thấy chim chóc phủ kín bầu trời. Nàng nghe tiếng của ông lão quăng chài gọi cha

mẹ nàng. Tiếng người í ới. Có cả tiếng xe tứ mã nạo bánh trên khúc đê đại hà.

Khi bừng tỉnh, nàng thấy mình trong một lâu đài.

Người đầu tiên nàng nhìn thấy chính là mẹ nàng. Người mẹ nắc lên, thăm thiết gọi “Con ơi!”. Nước mắt bà đั่ง ngắt, tràn trên mặt nàng. Khi nàng đã hoàn toàn tỉnh táo, người mẹ ấy vội vàng sửa lại áo khăn, vừa dịu dàng, vừa nghiêm túc đúng như phép tắc quân thân:

- Bẩm Chiêu Nghi. Mọi việc đã được Đức Vua phân minh sáng tỏ. Những kẻ truyền tin thất thiệt đã bị nghiêm trị. Dân làng Khang cũng đã trở về. Họ Biện và họ Vương vẫn bình an vô sự. Còn đây là hành cung Cổ Bi của Người, mong Người giữ gìn tấm thân quý giá ngàn vàng.

Người mẹ vừa dùng lời thì Thái tôn, Thái Phi, cả Chúa Trịnh Giang bước tới. Nàng vội vàng tuốt xuống giường, quỳ lạy. Nước mắt nàng chảy dài trên má. Cả hành cung sực nức mùi thơm.

Thái tôn âu yếm ôm nàng. Hai người đàn bà, một già, một trẻ quấn chặt lấy nhau. Không ai bảo ai, họ cùng thành tâm bật ra lời cầu “Mô Phật!”.

NGUYỄN ĐỨC QUẾ

Khúc sông Cầu quê mẹ tôi

Khúc sông Cầu quê mẹ tôi
 Cong như cánh diều no gió
 Hai bên cánh diều cong muôn thuở
 Làng mẹ tôi có tự bao giờ?
 Dòng sông vẫn êm trôi
 Sóng ôm cả bên bồi, bên lở
 Tôi yêu những kiếp người
 Suốt cuộc đời gắn với dòng sông
 Giỏi việc cấy cày
 Mê say nghề chài lưới
 Tầm tơ canh cử
 Dệt lụa bên sông.

Quê mẹ tôi chợ họp dưới bến sông
 Mà đông như ngày hội
 Cải tiều bên sông nỡ nà
 Theo các chị lưng ong lên chợ.

Quê mẹ tôi thời đổi mới
 Đang đổi mới giàu sang
 Làng đang thành phố
 Đường liên thôn nay thành đường nhựa.

Xe cộ chạy suốt đêm ngày
 Đi trên sông quê mà như tỉnh như say
 Nghĩ đến một ngày
 Quê mẹ tôi bay lên như cánh diều no gió...

TRẦN ANH TRANG

Chợ tình

Người đi chợ tình
Bán buồn, bán tủi
Bán nhớ, bán thương.

Mua trăm cái đợi
Mua nghìn cái mong
Mua ngày xưa cũ
Mua tình đã qua./.

NGUYỄN LỘC

Sáo diều ai thả

Sáo diều ai thả trên không
Tháng năm rom rạ hương nồng giấc mơ
Xen vào nỗi nhớ ngẩn ngơ
Tiếng chim cu gáy đầu bờ xa xa
Hoa cau rụng trắng thềm nhà
Trong vườn bưởi đã ra hoa thơm lừng
Tóc dài em gọi vẫn vương
Núi câu duyên nợ rung rung nỗi chờ
Trăng nghiêng soi bóng con đò
Chông chênh mái chèo cánh cò chơi vơi
Anh say hát lý... à... ơi
Em về nhật miếng trầu hôi nhạt lòng
Trách ai hát lý sang sông
Để em vương sợi tơ hồng bông bênh./.

PHẠM ĐÌNH THÁI

Vấn vương sen nhị sắc

Chẳng ai nghĩ bùn đen nuôi sen thắm
Đã sắc màu từ vùng đất Thiên Thai
Để nhân gian ngắm thảng thốt không lời
Sen Nhị Sắc đúng là trời ban tặng.

Có một người dải dầu trong thâm lặng
Nhân giống sen quý hiếm khắp ao chùa
Giữ dòng Gen hiếm có để gửi thừa
Một vùng đất địa linh, nhân kiệt.

Sen Nhị Sắc từ bùn đen lao vút
Lên trời mây xanh ngắt giữa nắng vàng
Hoa lấp lánh đua hương, khoe sắc
Giữa ngày hè bát ngát những loài hoa.

Hoa khoe màu như bản nhạc, như thơ
Cứ giản dị như cuộc đời xuôi, ngược
Lặng lẽ hiến dâng, nhọc nhằn sương nắng
Cho cánh hoa đa sắc thắm tung bay.

Ấm trà sen hương đang tỏa ngát ngây
Như lời bản tình ca của đất
Thật tự nhiên, vô thường, bất khuất
Như dòng Sen Nhị Sắc của quê tôi./.

NGUYỄN HÀ HẢI

Tim em trong khúc ca dao

Tim em trong khúc ca dao
 Bẻ cong câu hát ngọt ngào tình quê
 Bên xưa đò vắng câu thề
 Thương lời Quan họ triển đê lở làng.

Vàng trắng ai nữ che ngang
 Mảnh buồn gói chiếc, mảnh vàng chiêm bao
 Điều chèo thấp lửa chên chao
 Nhụy mai thêm sắc, cánh đào bén duyên.

Mỏng manh vạt nắng tháng Giêng
 Soi dòng Quan họ má em thêm hồng
 Tình tôi giảng mối tơ lòng
 Tương tư bên hẹn nửa vàng ca dao.

Trúc xinh trúc mọc bờ ao
 Sân đình trống hội lạc vào hồn quê
 Mưa xuân giăng lối em về
 Để ai ai đợi hẹn chi tương phùng.

Chỉ còn lại một vầng trăng
 Cống câu lục bát đắm đắm mộng hoa
 Giấc mơ ru điệu dân ca
 Bóng em hay chính hồn ta lặng thẳm./.



ĐINH VĂN Y

Nhớ

Nhớ em chẳng biết để đâu
 Đành đem tích lũy làm giàu cho sang
 Nào ngờ nhớ chẳng giống vàng
 Càng dày nổi nhớ lại càng khổ đau.

VŨ HẰNG

Dòng sông quê

Sớm thu lập lách sương mai
 Sông Lường chín khúc, sông Lai vạt mình
 Sông Vãn, sông Thừa thăm tình
 Sông Bùi, sông Bến máy xanh đôi bờ
 Sông Thau vắng tiếng đò đưa
 Ai về Trạm Ngoại lời thừa ngọt ngào
 Phượng Hoàng tung cánh bay cao
 Hoa cầu khoa bảng in vào sử xanh
 Làng quê Lương Xá lừng danh
 Trạng nguyên, Tiến sỹ lưu danh muôn đời
 Thái Bình nước chảy ra khơi
 Nguồn trong gợi nhớ bao lời tình ca.

Lương Tài quê mẹ bao la
 Cánh cò đồng lúa thiết tha vẫy chào.

Mẹ hiền gửi gắm ước ao
 Tình quê, tình đất ai nào nhớ thương.

Bao lần cờ biển rợp đường
 Đồng chiêm trũng có quê hương đẹp giàu./.



NHÀ THƠ "RAU TẬP TÀNG"

NGUYỄN CÔNG HẢO

Là một người sinh ra ở trền đê phía Nam sông Thiên Đức, Trung tá, cựu chiến binh Nguyễn Thành Hương đã quá quen với bát canh rau tập tàng, từ nhỏ, còn khá nhiều gia đình ở quê ông vẫn còn gặp khó khăn “com cao, gạo kém” ông cùng bọn trẻ ra đồng bãi để kiếm những nắm rau tập tàng độn vào thêm com gạo để lớn lên, trưởng thành đến hôm nay. Món ăn một thời khốn khó ấy đã khắc sâu vào tâm trí ông, vì thế năm 2013, khi ông xuất bản tập thơ đầu tay do Nhà xuất bản Thời Đại phát hành, ông đã lấy tựa đề **“Rau tập tàng”**: *“Bắt con ra bến đò ngang/ Bên sông Đuống nhật tập tàng nấu cua/ Ngọn rau đồng nội ngọt chua/ Không ai bán, chẳng ai mua bao giờ/ Mà tôi luống những ngân ngo/ Lỗi, lầm, rau vẫn đợi chờ bước ai?”*. Đây là một khổ thơ ông viết về “rau tập tàng” từ mùa xuân năm Giáp Tuất 1994, nay ông đưa vào tuyển tập. Từ đó, những bạn bè thân quen yêu mến ông đều gọi ông với cái tên mới là: Nhà thơ rau tập tàng. Tất nhiên theo tựa đề **“Rau tập tàng”** của tập thơ là những bài thơ dân dã, mộc mạc, bình dị nhà thơ Nguyễn Thành Hương viết về tình yêu thiên nhiên, cảnh



đẹp đồng quê, những mẩu chuyện về cuộc sống của những người nông dân chân chất, thật thà... Quan trọng hơn là bạn bè gọi ông là “nhà thơ rau tập tàng” chính là bản chất tính cách sống của ông không khác gì bát canh rau tập tàng: dân dã, mộc mạc, vui vẻ, sống hết mình vì bạn bè đồng đội... và cuộc sống của ông cũng khá đa tài, đa năng mang nhiều hương sắc giống như bát canh rau tập tàng.

Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh là nơi sinh thành, quê hương của

nhà thơ, Trung tá Nguyễn Thành Hương. Ông sinh năm 1955, tướng tinh con Dê (Át Mùi). Địa danh quê hương ông ở gần cuối nguồn sông Thiên Đức, phía Đông giáp với xã Cao Đức, huyện Gia Bình là địa danh lịch sử Lục Đầu Giang, nơi hội tụ của 6 dòng sông lớn, quê hương của danh nhân võ tướng Cao Lỗ Vương, người sáng chế ra nỏ Liên Châu (nỏ thần) dựng thành Cổ Loa giúp Thục Phán An Dương Vương đánh tan quân giặc Triệu Đà bảo vệ nhà nước Âu Lạc. Về phía Tây Vạn Ninh là quê hương của Trạng Nguyên Lý Đạo Tái (còn gọi Huyền Quang) ở xã Thái Bảo (huyện Gia Bình), một người đã từng từ bỏ công danh chọn con đường tu luyện, trở thành vị Tổ thứ ba của dòng Thiền Trúc Lâm. Một vùng quê địa linh nhân kiệt như vậy đã ít nhiều ảnh hưởng và bồi đắp cho nhân cách con người và cuộc sống của nhà thơ Nguyễn Thành Hương.

Đầu năm 1975, ông đang học khoa Văn - Sử, trường Sư phạm Hà Bắc thì nhập ngũ theo lệnh tổng động viên tập trung cho cuộc kháng chiến giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Sau huấn luyện tân binh, đến tháng 6 năm 1976, ông được biên chế vào Trung đoàn 567, đảm nhận chức vụ Tiểu đội trưởng Quân bưu hành quân lên biên giới Cao Bằng. Ông gắn bó với địa danh Cao Bằng 20 năm trong màu xanh áo lính, với nhiều cương vị công tác khác nhau như mở đường, khai thác quặng Mangan, làm thủy lợi... ở dọc các huyện biên giới Cao Bằng: Thạch An, Phục Hòa, Hạ Lang, Trùng Khánh, Bảo Lạc, Hà Quảng. Rồi cũng xung trận chiến

đầu đánh trả quân bành trướng Trung Quốc xâm lược năm 1979. Đây là giai đoạn khó khăn, khi mới thống nhất đất nước, lại gặp ngay cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc vì vậy việc ăn đói, mặc rét với bộ đội vẫn là chuyện bình thường. Sức vóc của anh sinh viên chuẩn bị làm thầy giáo Nguyễn Thành Hương khi khám tuyển cũng không phải được loại A hoa như bạn bè đồng đội, người anh giáo nhỏ con, lúc khám tuyển chỉ đạt sức khỏe B1. Thời gian làm công việc mở đường do địa hình vùng cao đồi núi dốc, đi qua nhiều núi đá, chủ yếu dùng dụng cụ cuốc chim, búa, chòong... nên khá vất vả, nhất là sức khỏe còn khiêm tốn. Sợ nhất là những buổi hành quân đi bộ, chân thì rộp nước, vai thì oằn do đeo nặng, có thời điểm đã làm anh giáo nản chí. Nhớ lời cha dặn hôm tiễn con lên đường, anh giáo lại có thêm động lực, “*Truyền thống của ông cha/ Nhớ khắc ghi con nhé/ Đâu cũng là đất mẹ/ Vững bước chân trên đường*” (Dặn con buổi lên đường - tập thơ **Rau tập tàng**); niềm tự hào và lời dặn của người cha cũng gần 30 năm quân ngũ đã giúp anh giáo vượt qua những khó khăn để từng bước vươn lên. Phần lớn công việc anh giáo đều phải cố gắng rất nhiều mới bằng anh em trong đơn vị vì thế ông được anh em yêu mến, cấp trên tín nhiệm; thời gian 20 năm quân ngũ ở Cao Bằng ông được đảm nhiệm nhiều chức vụ từ Tiểu đội trưởng Quân bưu đến Quản trị Trưởng Đại đội Thông tin, Đại đội phó Đại đội Bộ binh, Đại đội trưởng Đại đội Hỏa lực rồi đến Tham mưu trưởng Tiểu đoàn. Đó là thời gian 20 năm ở biên giới

Cao Bằng đến năm 1995, ông được chuyển về tỉnh đội Hà Bắc (từ 1997 là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Ninh). Ở đơn vị mới ông đảm nhiệm các chức vụ: Trợ lý Quân lực, Tuyên huấn, tác chiến rồi Chủ nhiệm Nhà văn hóa Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh và phụ trách Ban Khoa học - Lịch sử quân sự tỉnh. Đến năm 2003, ông được nghỉ hưu với quân hàm Trung tá. Gần 30 năm gắn bó với màu xanh áo lính, ông luôn vững giá trị nhân cách của người quân nhân cách mạng theo lời Bác dạy: *“Tận trung với nước, tận hiếu với dân, sẵn sàng hy sinh, chiến đấu vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Sẵn sàng vượt qua thử thách, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ”*. Ông đã viết những vần thơ để hứa với Người: *“Đất nước Việt Nam, đất nước Bác Hồ/ Đã trọn vẹn hòa bình thống nhất/ Chắc tay súng chúng con không để mất/ Tác đất biên thùi tổ quốc yêu thương”* (Bài thơ **Đài hoa dâng Bác** – viết tháng 5 năm 1980 in trong tập: **Rau tập tàng**).

Về hưu, ông đã dành thời gian để khắc phục hoàn cảnh kinh tế gia đình, bù đắp tình cảm cho gia đình, làng xóm quê hương và cũng không quên một nhiệm vụ không ai bắt buộc, không ai phân công cả, đó là niềm đam mê cống hiến cho sự nghiệp báo chí và văn học nghệ thuật. Ông có sự đam mê ở hai lĩnh vực này từ thuở còn trong quân ngũ, năm 1992 ông đã được kết nạp là hội viên hội VHNT tỉnh Cao Bằng, năm 1993 kết nạp là hội viên Hội Nhà Báo Việt Nam (ở Cao Bằng) vì có thành tích: Huy chương Vàng do ông đặt lời cho bài hát Then **“Hát về Hà Quảng”** tại Hội diễn nghệ thuật Công - Nông - Binh

tỉnh Cao Bằng năm 1985; giải Ba VHNT tỉnh Cao Bằng năm 1992.

Mười năm về hưu, chăm lo cho kinh tế gia đình cũng là thời gian ông dành trọn cho niềm đam mê sáng tác thơ, ảnh nghệ thuật. Tập thơ **“Rau tập tàng”** ra mắt trình làng văn nghệ đã chứng minh sự miệt mài cống hiến, lao động nghệ thuật của ông. Kinh tế gia đình đã khá giả, ổn định hơn, con cái cơ bản trưởng thành, ông lại tiếp tục tham gia cống hiến cho xã hội, làng xóm, quê hương như tham gia Tổ trưởng tổ hưu trí thôn từ năm 2012, Hội phó rồi Thư ký Hội khuyến học thôn từ năm 2015, Ban Mặt trận làng từ năm 2013, hội Phó – thư ký Hội Người cao tuổi từ năm 2016. Tất cả các công việc mà ông đảm nhận đều được ông tổ chức thực hiện có bài bản, nên nếp đúng như tác phong của quân đội, hàng năm đều được cấp trên khen thưởng. Cùng với công tác xã hội vẫn có sự lao động sáng tác văn học nghệ thuật sóng đôi đi cùng. Ông tiếp tục trình làng 3 tập thơ: **“Trăng vàng lại rắc lối đi** - NXB Hội Nhà văn - 2017”, **“Hoài niệm thơ** - NXB Hội Nhà văn 2018”; **“Thêm yêu cây cỏ** - NXB Hội Nhà văn 2021” và tập truyện ngắn **“Gã dở hơi**, NXB Hội Nhà văn 2018”. Rất nhiều tác phẩm thơ, truyện ngắn, tiểu phẩm, câu đối, phóng sự, ký, phê bình văn học, ảnh... đăng trên 87 báo, tạp chí từ Trung ương đến địa phương. *“Dù nghèo, ngọn bút quyết chẳng cong. Chặn gian, khởi thiện một tấm lòng/ Vì dân vì nước, đầu trận tuyền/ Báo chí những vùng lập chiến công”*. Đó là những lời thơ ông viết về “nghề báo” để tâm sự với bạn bè, cũng là lời khẳng định tính thẳng thắn, trung thực trong sự nghiệp

viết văn, viết báo của chính cá nhân ông.

Những công việc không ai bắt buộc chỉ là tự mình bắt mình cầm bút, bắt mình lao động của nhà thơ, cựu chiến binh Nguyễn Thành Hương đã khẳng định sự cống hiến của ông cho xã hội, cho sự nghiệp VHNT, báo chí của cả nước, của tỉnh. Ngoài giải thưởng ông giành được từ những năm ở Cao Bằng, khi về Bắc Ninh đến nay ông đã đoạt được một số giải thưởng như: Giải Ba cuộc thi tìm hiểu về Ngô Gia Tự; giải Ba tác phẩm sáng tác quảng bá tác phẩm về đề tài học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Giải Nhì truyện ngắn về phòng chống tệ nạn xã hội năm 2007 do Công an tỉnh Bắc Ninh phát động; 5 giải Báo chí Ngô Gia Tự... Quan trọng hơn cả là ông vẫn luôn được bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp khâm phục về sự lao động cống hiến cho sự nghiệp báo chí, văn học nghệ thuật. Ông thực sự là một cựu chiến binh đáng để nhiều người học tập và noi theo./.

LƯƠNG THÌN

Về Kinh Bắc với em

Về Kinh Bắc với em
Nơi hạ nguồn con sông Cầu biết hát
Nơi sông Đuống chảy qua
Bãi mía bờ dâu xanh ngắt
Về cùng thương một câu dân ca...

Kinh Bắc ngàn năm vẫn chôn hẹn hò
Đất của những liền chị, liền anh trai tài, gái đảm,
Vọng Nguyệt tơ tầm long lạnh ánh sáng
Đại Bái đúc đồng, âm vang tiếng cồng chiêng...
Bình dị hồn người, hồn đất quê hương
Gốm Phù Lãng khoác áo nâu giản dị
Tre làng Xuân Lai theo người đi bốn bể
Tranh Đông Hồ gà lợn mãi tươi trong...

Làng mộc Phù Khê nét chạm phượng rồng
Đa Hội vững vàng đi lên từ tâm thép...
Giữa bao đổi thay vẫn giữ gìn truyền thống
Để có Bắc Ninh trầm tích tự bao đời...

Về với em đi! Bắc Ninh hát gọi mời!
Thành phố thông minh, nhịp sống đang thay đổi
Cung đường rộng thênh thang tiếp nối
Ánh điện đêm đêm thấp sáng một góc trời...

Những khu công nghiệp văn minh hiện đại ra đời
Thuận Thành, Yên Phong, Tiên Sơn, Quế Võ...
Công nghệ cao xanh mát lòng thành phố
Bắc Ninh đẹp giàu điểm đến của tương lai...

Sẽ không còn xa đâu, chỉ ngày mai
Thành phố 4.0 trên một tầm cao mới
Cả nước gọi tên - Bắc Ninh huyền thoại
Anh và em, ta hát khúc hoan ca...
Về đi anh! Kinh Bắc là nhà...

ĐẾN VỚI BÀI THƠ: "UỐNG RƯỢU LÚC BAN MAI" CỦA NHÀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH CHẾ

VŨ TUẤN ANH

Rượu là chủ đề muôn thuở của thi ca. Những bài thơ về rượu thường mang theo hương tình, hương người, hương say khiến cho lòng người nhẹ nhõm và thư giãn. Con người thường mượn chén rượu để quên hoặc vượt qua cái hiện thực đáng buồn hoặc ngược lại, để mừng công, chúc tụng nhau. Nhưng thái độ với người say và với rượu khác nhau, tùy theo từng nền văn hoá. Ở phương Tây, nói chung nghiện rượu bị coi là một bệnh xã hội, đạo lý lên án. Ở ta và các nước Đông Á, từ những tay nát rượu bê tha, rượu lại được đề cao. Rượu không những là cách tiêu sấu cho các bậc tao nhã mà còn là phương tiện giải thoát "phận người", đạt tới cái lâng lâng, tâm nhập vào vũ trụ. Trong Đường thi, Lý Bạch là ngôi sao "rượu và thơ". Ông rất thích rượu, nhưng không hề bị chê trách là bê tha. Trái lại, trong cuộc đời riêng, đối với gia đình, bè bạn, nhân dân và bản thân, ông luôn tỏ ra chân thành, nhân hậu và bình dị. Rượu giúp ông thể hiện bản sắc thơ ông, mà đời sau đánh giá là "phiêu dạt, hào phóng", vươn tới cái cao xa. Ở ta, Tản Đà cũng có cái "ngông" của Lý Bạch. Ông mượn thơ và rượu để nói lên cái u uất, khát vọng và tình người của mình:

*Trời đất sinh ra rượu với thơ
Không thơ không rượu sống như thừa
Công danh hai chữ mùi men nhạt
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ
Mạch nước sông Đà tuôn róc rách
Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi
Còn mãi xuân còn rượu với thơ*

(Ngày xuân thơ rượu)

Tôi dẫn giải đôi chút dông dài như vậy bởi muốn giới thiệu với bạn đọc cái đẹp và tao nhã của rượu và thơ, thơ và rượu khi đọc được bài thơ "Uống rượu lúc ban mai" của Nhà thơ Nguyễn Đình Chế - Hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh. Bài thơ đầy đủ như sau:

UỐNG RƯỢU LÚC BAN MAI

*Ban mai, nhâm nhi ly rượu
Thầy thuốc khuyên
Uống rượu lúc này hại gan, suy mật
Bại thận, nhọc tâm
Ở ngoài kia sao giọt sương cứ thì thầm
Cho tôi long lanh đôi chút
Có con chim vừa cất lên tiếng hót
Ban mai, ban mai
Ta lại nâng chén hoài
Nghe lòng mình thức dậy*

*Những ảo vọng ngủ trong đêm
 Những ước mơ thức giấc
 Ta vội nghe trái tim mình thổn thức
 Ban mai*

Đọc bài thơ ai cũng hiểu tác giả là người có lý trí, hiểu biết về sức khỏe, về tác hại của rượu:

*“Ban mai, nhâm nhi ly rượu
 Thầy thuốc khuyến
 Uống rượu lúc này hại gan, suy mật
 Bại thận, nhọc tâm”*

Ông viết ngay khổ thơ đầu như vậy để muốn nói rằng ông biết và ông tôn trọng những gì thuộc về khoa học. Uống rượu buổi sáng rất có hại cho sức khỏe, những tưởng khổ tiếp theo ông sẽ nói không uống rượu nữa, đặc biệt không uống vào lúc sáng sớm nữa thế nhưng ông viết:

*Ở ngoài kia sao giọt sương cứ thì thầm
 Cho tôi long lanh đôi chút
 Có con chim vừa cất lên tiếng hót
 Ban mai, ban mai”*

Đọc đến khổ thơ này tôi bỗng nhớ ngay tới câu *“Rượu say say mộng ảo, trà đắng lắng nhân tâm”* một câu mà giới trẻ sử dụng tương đối phổ biến trong viết Status về sống ảo. Theo họ rượu có vị cay nhưng làm say đắm lòng người, làm say giấc mơ không có thực và ru ngủ những giấc mơ ấy. Còn với nhà thơ Nguyễn Đình Chế thì rượu lúc ban mai dường như cũng là để ông quên đi những ảo vọng để hướng tới cái đẹp đích thực và hiện thực, cái mới mẻ của cuộc đời, uống rượu lúc ban mai giúp cho ông nghe được những âm thanh siêu thực đó là tiếng thì thầm của giọt sương và nghe rõ tiếng của con chim gọi ban mai. Thật là hữu ích lắm chứ. Tao nhã lắm chứ. Trong khổ thơ này người đọc để ý kỹ còn nhận thấy bằng lăng một nỗi buồn

sâu thẳm mơ hồ nào đó khó gọi thành tên có thể là sự tiếc nuối, có thể là một cảm thức mong manh trong trẻo và dễ tan vỡ như hạt sương. Và vì thế nhà thơ đã:

*“Ta lại nâng chén hoài
 Nghe lòng mình thức dậy
 Những ảo vọng ngủ trong đêm
 Những ước mơ thức giấc
 Ta vội nghe trái tim mình thổn thức
 Ban mai”.*

Đây chính là thông điệp chốt lại của bài thơ. Nhà thơ không phản bác khoa học, không coi thường sức khỏe, ông cũng không cố sù cho việc uống rượu đến say mềm, ông chỉ nói đến những thời khắc tuyệt diệu của ngày mới đó là ban mai, việc nâng chén phải chăng chỉ là cái cớ cho lòng mình thức dậy, và hiện thực tốt đẹp thức giấc cùng con tim thổn thức thì còn gì đáng mong hơn.

Bạn đọc không nên hiểu tràn trụi về tác dụng của uống rượu vào buổi sáng mà hãy hiểu thông điệp sâu thẳm của nhà thơ gửi gắm là hãy đánh thức ban mai trong con người mình, hãy để cho giấc mơ đêm trở thành khát vọng và hãy thức giục con tim yêu thương nhiệt huyết hơn nữa mỗi ngày mới đến.

Một bài thơ ngắn, chủ đề mà rất nhiều nhà thơ nổi tiếng đã viết và viết thành công nhưng tôi tin nhà thơ Nguyễn Đình Chế cũng đã tạo cho mình một dấu ấn trên thi đàn với bài thơ **Uống rượu lúc ban mai** này với một thông điệp đẹp, khỏe khoắn với cách thể hiện mới rất hình ảnh và dễ thương./.

ĐI QUA MỘT CON ĐƯỜNG

LƯU THỊ PHỤNG

Mỗi lần đi bộ trên con đường mới đẹp đẽ, Thảo lại nghĩ về con đường cũ ngày nào. Con đường đã khắc ghi bao bước chân của hai đứa đi qua. Những âm thanh lao xao trên cung đường cũ kỹ ấy với hương thơm thân thuộc lan xa đã để lại những dấu ấn vời vời trong Thảo về một thời ấu thơ cấp sách tới trường...

Con đường rộng ba mét, đất đỏ, bụi mù. Một cây hoa ngọc lan già vào mùa lại tỏa ngát hương thơm. Những ngày mưa, đường lầy lội, lũ học trò lội bì bõm trong tiếng trống báo thức dạo khúc giục giã gọi tới trường... Tiếng nói cười chí chóc, những củ khoai củ sắn cháy sém chia ngọt sẻ bùi, cái nắng cháy da, những lúc rét cắt ruột... Ôi! Cái thời biết bao những vui buồn bề bộn nhưng nồng nàn ấm áp, như một cuốn phim đăm đìa những kỷ niệm nhớ nhung...

Nhà Thảo và Ngân gần nhau. Lúc đi chăn trâu, Ngân vẫn thường hái phần Thảo khi thì những chùm chòi mòi, lúc những chùm rung rúc tím lịm. Thảo nhắm nháp từng chùm quả bạn đưa, như thấy chùm quả ngọt ngào hơn bởi sự ấm nồng từ ánh mắt Ngân đang chăm chú nhìn sang. Nhà nghèo, nhưng Ngân học giỏi. Ngân thèm đọc từng mẩu báo nhật nhanh từ bất cứ đâu hay trong gánh hàng xén của mẹ. Ngân thường chia sẻ những điều nhật nhanh ấy cùng Thảo. Nó lắng nghe và ngưỡng mộ trước sự hào hứng trong từng lời Ngân kể.

Đến lúc vào cấp ba, Ngân nghỉ học vì bố mắc bệnh hiểm nghèo rồi qua đời. Nhiều lúc Thảo thấy trống trải khi một mình trên con đường quen thuộc ấy. Thảo vẫn sang nhà Ngân chơi, hay ra tận cánh đồng nơi Ngân đang làm lụng, mang cho Ngân những cuốn sách vừa mượn được. Lần nào cũng vậy, Ngân rửa tay sạch sẽ,

lau vào quần cho thật khô mới giờ tay đón quyển sách Thảo đưa trong nụ cười rạng rỡ. Hai đứa ngồi kể cho nhau nghe chuyện thời trẻ trâu, chuyện học hành của Thảo hay chuyện làm đồng một nắng hai sương của Ngân. Những chuyện đơn giản thế mà bao năm qua, Thảo vẫn thấy nó như vừa mới có ở hôm qua...

* *
*

Cho đến khi trở thành cô giáo, Thảo về dạy chính ở ngôi trường hai đứa đã từng học. Thỉnh thoảng, Ngân vẫn rẽ vào con đường thân thuộc ấy, mang cho Thảo những chùm quả như ngày nào. Thảo mừng rỡ đỡ lấy, chọt chạm vào bàn tay đã chai sần của bạn, cổ họng cô bỗng nghẹn lại không nói ra lời. Nhưng khi nhắm nháp những chùm quả bé xíu hoang dã ấy, một luồng hơi ấm đã lan tỏa trong cô.

Chiến tranh chống Mỹ, Ngân đi bộ đội và không trở về nữa. Ngân ra đi mang theo cả điều ấp ủ trong lòng mà hai đứa chưa kịp trao nhau... Nhiều năm sau, trong những bài giảng văn của Thảo, hình ảnh sâu đậm về cánh đồng quê thơm nồng hương lúa, đàn trâu vầy đuôi tung tăng gặm cỏ trên sườn đồi, lũ bạn chăn trâu túm tụm đọc chung cuốn sách nát nhàu, con đường cũ thân quen ngập tràn tiếng nói cười, những chùm quả đại tím lịm bên ánh mắt ngập ngừng mà ám áp vẫn thoáng hiện về. Ngân đã truyền cho Thảo nguồn cảm hứng khi phân tích giá trị Chân Thiện Mỹ trong mỗi bài giảng tới học trò. Những lúc ấy, Thảo như thấy Ngân trở về bên cô, nụ

cười tươi rói, bàn tay thô sần nhưng ấm áp. Thảo bỗng nhớ Ngân da diết... Bao năm nay, với Thảo, Ngân quan trọng biết nhường nào, nỗi nhớ nhung khiến cô luôn muốn lưu giữ những gì ấm áp nhất của một thời tuổi trẻ, trân trọng sự hy sinh lớn lao của anh và bao đồng đội...

Sau này, phải đến lúc Thảo về nghỉ hưu, con đường đất đỏ mới được trải bê tông đẹp đẽ. Nó vẫn chỉ rộng có ba mét, vẫn chỉ là cái ngõ nhỏ dẫn lối đi vào ngôi trường giờ đã khang trang với liên tiếp bao thế hệ học trò trưởng thành. Vẫn còn đó sừng sững cây ngọc lan già đơm hoa và tỏa ngát hương thơm. Nó oai phong như chứng nhân ghi lại những thước phim về một thời với bao bước chân trên con đường thân thuộc. Tản bộ khi bầu trời vừa bùng lên những tia nắng mới, Thảo cứ muốn thước phim ấy quay chậm lại, để cô thêm một lần được trở về với những gì mà mình đã nâng niu...

Đã nửa thế kỷ trôi qua, càng ngày Thảo càng thấm thía giá trị cuộc sống mà những người như Ngân đã trao lại cho mai sau... Chồng Thảo là một thương binh từ thành cổ Quảng Trị trở về. Ngày quen anh, cô đã kể cho anh nghe câu chuyện về Ngân, cả những bài giảng văn mang hồn Ngân trong đấy, nỗi xót xa của những lời chưa kịp trao nhau... Trong một lần như thế, anh đã choàng tay qua vai Thảo rồi ghi chặt, đặt một nụ hôn lên vàng trán của cô với cái nhìn lặng lẽ mà triu mến. Cô đã yêu anh từ ấy./.

TRUNG DU

Trưa hè trên chốt

Nóng sao cái nóng lạ lùng
Hầm hào trên chốt như nung thế này
Mặt chàng chiến sỹ đỏ gay
Gió Tây hầm hập vẫn quay sức người

Lính ta vẫn nở nụ cười
Vinh quang nhiệm vụ một thời ước mơ
Chung tay bảo vệ cơ đồ
Kẻ thù rình rập từng giờ nhăm nhe

Giữ màu hoa phượng, tiếng ve
Mùa thi lắng đọng bạn bè lâm ly
Cũng từ buổi ấy ra đi
Hoàn thành nghĩa vụ hẹn khi trở về

Tâm hồn mang nặng tình quê
Dưới cờ đỏ thắm lời thề còn đây
Giữ từng ngọn cỏ, trời mây
Góp công cho Tổ quốc này vinh quang./.



LÊ ANH PHONG

Những lá cờ trên tàu cá ngư dân

Mảnh gốm Sa Huỳnh trong động Kalanay (*)
Còn lưu dấu cánh buồm xưa vượt biển
Mộ gió Miếu thờ
Nơi Hoàng Sa vạn dặm
Bia đá chưa mòn bao tên tuổi Việt Nam.

Những ngư dân hiền lành trên đảo Lý Sơn
Còn lưu giữ sắc phong bao tiền bói
Danh “lính thú”
Rành rành tên tuổi
Trong đội hình cảm tử “Đội Hoàng Sa”.

Vào cuộc hải hành đánh cá khơi xa
Người Lý Sơn đi theo vết chân tiền bối
Trên nóc thuyền, lá cờ bay phấp phới
Tổ quốc thân thương
là biển rộng trước mũi thuyền.

Mỗi chuyến ra khơi
Hăm hở lẫn nhọc nhằn
Có trấn trở cuộc mưu sinh nặng gánh
Có hào hứng ung dung niềm kiêu hãnh
Được thênh thang trên trời biển Tổ quốc mình.

Những cờ sao trên tàu cá ngư dân
Neo cột mốc chủ quyền ngoài biển cả
Tàu cá đến đâu Giang sơn đến đó
Trước mũi thuyền là Tổ quốc thiêng liêng!

(*) Kalanay: Một hang động thuộc đảo Masbate của Philippines.

VỀ NƠI ĐÓN DÒNG SÔNG ĐUÔNG VÀO ĐẤT *Bắc Ninh*

QUANG THUẬN

Bắt đầu tách dòng sông Cái (sông Hồng) từ ngã ba Dâu (xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), sông Đuông trải dài 68 km, nối sông Hồng với sông Thái Bình. Con sông là tuyến giao thông thủy quan trọng nối cảng biển Hải Phòng với Hà Nội và các tỉnh ở phía bắc Việt Nam. Tự bao đời, dòng sông đã ôm ấp chở che, bồi đắp nên cuộc sống cùng những tầng nền văn hóa, văn hiến mỗi vùng đất nó đi qua. Với chúng tôi, trong những chuyến đi dã dọc theo con sông, luôn gặp bao vẻ đẹp cảnh sắc cùng những câu chuyện lịch sử cũng như đời sống cư dân đôi bờ.

Sông Đuông vào địa phận tỉnh Bắc Ninh ở 2 xã Phù Chân, huyện Tiên Du (bờ bắc), và xã Đình Tổ, thị xã Thuận Thành (bờ nam). Đây đều là những vùng đất, vùng văn hóa mang nhiều dấu ấn, giá trị

đặc sắc, được con người bảo tồn gìn giữ đến ngày nay. Chuyến đi dã của chúng tôi nhằm tới địa bàn xã Đình Tổ, nơi đầu tiên ở bờ Nam được đón dòng sông Đuông vào địa phận tỉnh Bắc Ninh, với mong muốn giới thiệu đến các bạn vẻ đẹp mang chiều sâu lịch sử, văn hóa nơi địa danh này. Chuyến đi có sự tham gia của ông Nguyễn Nho Thuận, nguyên Phó Trưởng phòng VH TT & DL huyện Thuận Thành. Ông Thuận đã nghỉ công tác từ nhiều năm nay, nhưng cũng chẳng dư dả thời gian bởi ông vẫn đi, vẫn nghiên cứu và viết, cộng tác với nhiều báo, tạp chí chuyên ngành lĩnh vực văn hóa. Mấy mươi năm làm công tác văn hóa, chuyên sâu lĩnh vực di sản, nên vốn liếng của ông đủ dày cho các bài nghiên cứu không chỉ về văn hóa vùng đất Thuận Thành quê ông, mà còn cả nhiều vùng miền trong cả nước.

Ông Thuận dẫn chúng tôi đến khu vực xóm Sông của thôn Đình Tổ, xã Đình Tổ - nơi có bến đò nối sang xã Tân Chi bờ Bắc - và là điểm tiếp nguồn sông Đuống vào Bắc Ninh. Theo ông Thuận, chính sông Đuống từ xa xưa - khi vào đây - đã bồi phù sa, lấp dần cửa dòng sông Dâu từng chảy trôi trên vùng Luy Lâu, khiến con sông xưa cổ ấy đã dần mất dấu. Nhưng dấu vết cửa sông xưa vẫn tồn tại ở khu vực sông Đuống này. Chắp nối từ câu chuyện của ông cũng như từ những tìm hiểu về đất Đình Tổ, thấy rõ đây là vùng đất cổ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nền văn hoá Luy Lâu, có truyền thống lịch sử và văn hoá lâu đời, với hệ thống di tích vật chất, giá trị văn hóa tinh thần phong phú. Ngoài chùa Bút Tháp được nhiều người gọi là “quốc bảo thiên tự” đã nổi danh cả nước, được đông đảo bạn bè quốc tế biết tới; thì trên địa bàn các thôn Bút Tháp, Đại Trạch, Đình Tổ, Phú Mỹ của xã còn cả hệ thống di tích lịch sử văn hóa, thuần phong, sinh hoạt lễ nghi tín ngưỡng, và những sản vật hàm chứa bao giá trị văn hóa... được người trong vùng cũng như trong cả nước biết tới. Trong đó, làng Đình Tổ (tên xưa gọi là làng Diềng - nơi có chợ Diềng - nhiều lều quán buôn bán nhộn nhịp), cùng ngôi đình Đình Tổ và những di tích liên quan tới việc thờ phụng Khai khoa Đại Việt - Thái sư Lê Văn Thịnh là địa danh và những công trình tiêu biểu.

Ngay từ buổi sơ khai, nhờ có vị trí địa lý thuận lợi, đất Đình Tổ đã là nơi gặp gỡ tụ cư của cư dân Việt cổ từ miền núi cao tiến xuống, từ ven biển ngược lên trong quá trình khai phá đồng bằng dựng

làng lập xóm. Dấu tích ra đời và tồn tại của miền quê nơi đây trong lịch sử còn để lại khá nhiều những tên gọi của các xứ đồng cổ như: Cút Râu, Đồng Dòng, Nầy Lai, Ngàn Diềng, Ngàn Cù, Ngàn Lồng, Lầy Vạy. Và trong tầng nền phù sa sông Đuống nơi đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện những di chỉ gồm nhiều tầng văn hoá, mà cơ bản là thuộc văn hoá Đông Đậu (tức khoảng 3500 năm cách ngày nay). Căn cứ vào số lượng di tích và tính chất của các di vật, cho phép nhận định rằng Đình Tổ là nơi tập trung dân cư với mật độ cao, ven đô thị lớn. Các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá ở Đình Tổ cũng phát triển và nhộn nhịp trong suốt thời kỳ dài giai đoạn Bắc thuộc. Điều này góp phần khẳng định tính cổ xưa và vị trí của địa bàn Đình Tổ trong hình thành văn minh Việt cổ. Đồng thời, khẳng định tầm ảnh hưởng trực tiếp quan trọng của Đình Tổ tới người dân quanh khu vực Dâu - Luy Lâu; với diễn trường diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng và gắn liền với những cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập cho dân tộc ta.

Về Đình Tổ, đi dọc triền đê sông Đuống, ngắm nhìn làng xóm, bờ bãi bát ngát màu xanh của ngô, lúa và hương đồng gió nội mênh mang, nổi ai hoài câu chuyện về nhân vật lịch sử - danh nhân khoa bảng Lê Văn Thịnh - bỗng tự về chiêm trong suy nghĩ và câu chuyện chúng tôi muốn kể. Bởi theo dân gian truyền lại, Đình Tổ chính là nơi quan Thái sư Lê Văn Thịnh đã trút hơi thở cuối cùng trên hành trình tìm về quê cha đất tổ là Bảo Tháp, thuộc xã Đông Cứu, huyện Gia Bình. Và sau khi nhân dân nơi đây chôn cất ông, đã được triều đình

sắc giao công việc phụng thờ ông là thành hoàng. Theo đó, cái tên làng Đìềng cổ xưa đã được chuyển gọi bằng tên Đìềng Tô.

Ngôi đình Đìềng Tô - công trình tâm linh, cũng là một trong những thiết chế trong sinh hoạt văn hóa của người dân bản địa tự xa xưa - chính là nơi trong tâm thức người làng, thành hoàng Lê Văn Thịnh vẫn hiển linh bảo trợ, phù trì cho cuộc sống con người được bình yên, phát triển. Đình nằm trên mặt bằng rộng rãi, thoáng mát, quay theo hướng Bắc. Bình đồ kiến trúc tổng thể gồm: Nghi môn, sân đình, tòa Đại đình. Tòa đại đình kiến trúc kiểu chữ đình gồm 5 gian 2 dĩ, có kích thước 19,9m x 11,4m, gồm dọc 4 hàng cột và ngang 6 hàng cột; vì theo kiểu con chông trụ giá chiêng. Chiều cao tính từ thượng lương đến nền là 6,2m; phía trước là hệ thống cửa ván ghép, xung quanh có tường xây gạch bao. Phần mái lợp ngói mũi, giữa bờ nóc có trang trí hình nậm rượu. Hai bên bờ nóc có hai con kìm hướng vào trong, trên bờ guột và bờ chẩy không trang trí các con xô. Xung quanh các đầu đao có trang trí hình rồng nhỏ, trên là hình lá và sen cách điệu. Hậu cung được nối với tòa Tiền đường bằng hệ thống kẻ góc. Vì kèo Hậu cung theo kiểu chông rường, gồm hai hàng cột, diện tích Hậu cung dài 8,5m, rộng 7,5m.

Phần chạm khắc trang trí ở đình Đìềng Tô không nhiều, chủ yếu tập trung trên một vài cấu kiện gỗ tại tòa Đại đình, như ở các kẻ, bẩy hiên, các bức cốn, trên cửa cấm... với đề tài chính thống là tứ linh, tứ quý. Tuy nhiên, với một số ít tác phẩm chạm khắc, có thể thấy nghệ thuật trang trí, điêu khắc trong kiến trúc đình Đìềng

Tô khá chất lượng. Trên các bẩy hiên, đặc biệt là chiếc bẩy ở gian giữa đình đều được trang trí rồng rất tỉ mỉ, công phu với thân mình to khỏe lực lưỡng, toàn thân được chạm lớp vẩy đơn và hình mây lượn, mắt to tai thú, phía trên là các tổ nữ đang xòe tay múa rất sinh động. Mô típ trang trí của các bức cốn trong đình Đìềng Tô chủ yếu là rồng ổ, các thiếu nữ đang nhảy múa và hình các con thú lạ. Bức cốn bên phải của đình, làm theo kiểu chông tam khếp kín, kích thước dài 2m, cao 1m, được tạo từ rường cụt chông lên nhau. Là nơi các nghệ sĩ dân gian đặt tổng cộng 17 con rồng với nhiều tư thế và vẻ mặt khác nhau, được chạm khắc công phu tỉ mỉ. Phần rường trên gồm 4 đầu rồng, kiểu thức tương đối giống nhau, mắt to mồm há vừa phải, tóc và râu bay hất ngược lên về phía trên. Phần rường giữa gồm 6 con rồng, mỗi bên 3 con ngăn cách nhau bởi một trụ giữa, kiểu thức khác nhau. Ở giữa là một đầu rồng to đang ngoái cổ nhìn thẳng, hai bên là hai rồng con đang chầu nhau kiểu thức như đang bay. Phía dưới của đầu rồng này là một bàn tay dài và thon thả, hình búp măng, trong lòng bàn tay có một viên ngọc to, tròn như đang tỏa sáng xung quanh. Phía bên đối diện cũng kiểu thức như vậy, nhưng khác nhau về kích thước. Phần dưới cùng giáp với xà hạ được trang trí rồng mặt giáp nhau như đang cười, tóc bay hai phía, ở dưới có một con thú chân trước quỳ gập xuống, chân sau đứng thẳng theo kiểu dáng sống động. Ở giữa của hai bức cốn là một trụ gỗ đỡ phần rường cụt phía trên, được các nghệ nhân xưa khéo tạc và trở thành một tác phẩm hoàn thiện cho cả một bức cốn đó. Phần trụ



gỗ này cũng được chạm thủng hình rồng, bố cục dọc từ trên xuống dưới, các chân của rồng đều được tạc cách điệu thành bàn tay người con gái. Bức cốn bên trái thì lại trang trí hoàn toàn khác với bức cốn bên phải. Đề tài ở đây không phải là rồng mà toàn bộ là hình các con thú và hình mặt nửa người nửa thú trông rất đa dạng và đẹp mắt. Các bức cốn còn lại phía trong cũng được trang trí công phu, tỉ mỉ, mỗi một bức là một đề tài về rồng khác nhau, không bức nào giống bức nào, tạo cho ta cảm giác khi vào đình như đi vào một nhà trưng bày các tác phẩm nghệ thuật chạm khắc gỗ. Mà đặc biệt các tác phẩm nghệ thuật chạm khắc gỗ này đã tồn tại từ cuối thế kỷ XVII đến nay.

Trước kia, đình Đình Tổ có sàn lát

toàn bộ bằng gỗ lim, bức cửa võng chạm khắc rất đẹp, trên gian giữa của đình trang trí hình màn giềng, 4 góc chạm 4 con hạc bay, hai gian bên cạnh treo hai bức hoành phi “Khai quốc Trưng nguyên” và “Tiền triều lương xú”; ở giữa là “tối linh từ”, hai bên cột là bộ câu đối: “*Đông nhạc giáng thần vi lương xú, vi tướng, vi sư, quán cổ nguy khoa truyền lý sử/ Nam thiên hiển thánh, như tường vân, như tinh, như nhật, ức niên linh tính trấn liên đàn*”. Tuy nhiên, qua thời gian, nhiều hiện vật kể trên chỉ là điều được chép trong lý lịch khảo tả di tích và trong tiềm thức của người dân địa phương (bởi các hiện vật đã bị thất lạc hầu hết trong trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp).

Không gian tối linh của đình Đình Tổ là Hậu cung, nơi đến nay còn lưu giữ nhiều các đồ thờ quý như sắc phong, hương án, các đồ thờ bằng gốm... đặc biệt còn một khám thờ mui luyện chạm khắc rất đẹp và tinh vi có kích thước dài 1,2m, rộng 0,86m, cao 1,56m, bên trong đặt tượng Thái sư Lê Văn Thịnh. Đây là pho tượng mới được tạo tác trong thời gian gần đây dựa trên các pho tượng chân dung quan Thái sư tại quê hương Bảo Tháp và Chi Nhị, huyện Gia Bình.

Trong chuyến đi trên đất Đình Tổ, chúng tôi cũng được ông Nguyễn Nho Thuận dẫn thăm những di tích Nghè của làng, đặc biệt là thăm phần mộ của Thái sư Lê Văn Thịnh, nằm cách đình làng không xa. Đây là công trình mới được cư dân địa phương xây dựng lại trong thời gian gần đây, bằng tấm lòng sùng kính, tri ân với bậc danh thần đất Kinh Bắc.

Cho đến hôm nay, cuộc đời Khai khoa Đại Việt Lê Văn Thịnh - với cả những vinh quang và bi thương - vẫn hiển hiện trên trang sử và cả trong những câu chuyện còn lưu trong dân gian. Tích xưa được dân Đình Tổ kể lại: Sau vụ án hồ Dâm Đàm, quan Thái sư Lê Văn Thịnh được Vua tha tội chết và bị đày lên Thao Giang. Ở nơi lam chướng, cô đơn với bao tâm tư giấu kín trong lòng, ông vẫn làm tròn bổn phận. Cho đến ngày đổ bệnh, ông lần tìm về quê hương. Nhưng đến làng Diềng, ông ốm nặng. Ông được một lão nông mời ăn bát cháo thái (khác với cháo hoa, cháo thái được làm từ gạo ngâm, xay lấy bột, nấu bột dẻo quánh, cho lên phen tre phơi, rồi thái nhỏ thành sợi, sau đó lấy nước dùng, như nước luộc gà, nấu sợi cháo chín, trong

suốt, nên gọi là cháo thái). Lão nông lại hỏi ông có thèm ăn thứ gì nữa không? Ông trả lời muốn ăn một khúc cá nướng. Lão nông nướng con cá mè hoa, đem biếu Lê Văn Thịnh. Ông nằm nghỉ và mất tại đó. Dân làng Diềng đưa ông ra một gò nổi bên bờ sông Dâu. Xác ông được mỗi đùn kín, dân làng thấy lạ liền chôn cất và lập đình thờ, tôn ông làm Thành hoàng làng. Cũng từ đó, đình làng Diềng đổi tên thành Đình Tổ - đình thờ vị Tổ của nền khoa bảng nước Nam và làng Diềng rất vinh dự, tự hào được đổi tên thành làng Đình Tổ. Hàng năm, dân làng lấy ngày 12 tháng 8 âm lịch làm ngày lễ hội Làng và tế lễ Ngải. Lễ hội có tục lệ “Nướng cá tế thần” và nấu cháo thái dâng cúng Thành hoàng và ông bà tổ tiên.

Lang thang bờ bãi dọc triền sông Đuống trên đất Đình Tổ, ngắm dòng nước đỏ nặng phù sa vẫn miệt mài xuôi về phía biển, hay cả con đò ngang chở khách qua sông vẫn hiện diện trên nền bức tranh thanh bình... tất cả những hình ảnh thu vào tầm mắt đã cho tôi bao suy ngẫm về cuộc sống bên sông. Cả nghìn năm đã trôi qua, bao dòng nước đã trôi đi, bao giọt nước theo mưa trở về bên sông Đuống? Sẽ còn rất nhiều đổi thay rồi sẽ diễn ra trên mỗi vùng quê như Đình Tổ. Nhưng từ câu chuyện các thế hệ dân làng Đình Tổ luôn hướng về cội nguồn về vang, về truyền thống khoa bảng của cha ông... ta đã thấy sự tiếp nối, khích lệ con người trong suốt chiều dài thời gian; để mỗi con người hôm nay luôn biết phát huy những giá trị truyền thống được ông cha tạo dựng; để trong mọi hoạt động của mình, luôn biết vì quê hương, đất nước không ngừng đổi mới, phát triển./

Qua chợ, hay mua cá của một chị ngồi ngay đầu mau mắn và gọn gàng; có một đợt hầu như lần nào trong lúc đứng đợi mổ rồi chìa cái túi ra đón mấy khúc cá đã tinh tươm, sạch sẽ cũng nghe chị mắt cười, mồm nói xuýt xoa: nhìn em giống tường vi cánh mỏng quá cơ, giống lắm, càng nhìn càng thấy giống. Hỏi

tường vi cánh mỏng là gì? Chị bảo đó là tên một bộ phim với nhân vật chính chị rất ấn tượng. Không xem phim nên không biết mình có điểm gì giống hay là do chị ưu ái thiện cảm mà gán cho nhưng cứ lần bán trong đầu tên loài hoa ấy: Tường vi.

Chợt nhớ ra, nào đâu có xa lạ. Ngày trước, nơi sân trường cấp 1 mình học có

Tường vi

CÁNH MỎNG MÔI MỀM

NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

cả một hàng tường vi, mỗi hè về lại nở hoa xao xuyến. Màu hoa từ tím ngát, qua những trận mưa, cơn gió vô tình của mùa lại nhạt đi một chút và khi sắp sang thu, mong manh sắc gì bột bột, âu lo. Nhìn xuống dưới sân, lá tả những cánh hoa dán chặt, băng khuâng. Hết mùa hoa, trên vòng cao lúc liu những chùm quả bắt mắt nhưng không ăn được, chỉ để ngắm và mơ màng về chuyện cũ.

Chuyện kể rằng:

Có một cô công chúa tóc dài sống lẻ loi trong cung điện trên vùng thượng nguồn. Tường Vi đẹp nổi tiếng khắp nơi, nhưng nàng bao giờ cũng mang một vẻ sâu

muộn. Sở dĩ nàng phải chịu cảnh sống lẻ loi giữa vùng hẻo lánh này chỉ vì lời tiên đoán của một ông lão với Vua cha - rằng nàng sẽ phải chịu nhiều bất hạnh. Vua cha vì sợ và thương con, nên đành đem nàng đi cất giấu nơi đèo heo khuát gió để tránh khỏi hung tà. Thế nhưng tiếng đồn về sắc đẹp của Tường Vi cũng lan nhanh, nhất là những buổi chiều khi giọng hát của nàng vang rộn khắp núi đồi, hoà vào hợp âm của những chú chim véo von. Bao nhiêu người đánh tiếng hỏi vợ, nhưng nhà Vua một mực từ chối, thâm tâm vẫn để ý kiếm tìm một phò mã xứng danh.

Một ngày kia, Tường Vi lâm bệnh. Thầy thuốc hết sức cứu chữa nhưng đành cúi đầu chịu thua. Bỗng đâu vị lão phu ngày nọ đòi diện kiến và phán rằng, bệnh của nàng chỉ có thể chữa được bằng cành lá của một loài hoa trắng, mọc cheo leo trên đỉnh núi, giữa hai vực thẳm và một ngọn thác.

Vua truyền lệnh hễ ai kiếm được đóa hoa đó, sẽ lấy được lấy nàng và truyền ngôi cho. Bao nhiêu chàng trai đua nhau vào rừng tìm kiếm nhưng đều thất vọng, trong khi đó sức khỏe của Tường Vi tắt dần.

Trong lúc mọi người thất vọng, một hôm, người tiều phu trẻ, dáng nghèo nàn, xuống ngựa đem dâng Vua bông hoa màu trắng. Bông hoa đã phục hồi sức khỏe cho nàng. Lễ cưới cử hành chưa được bao lâu thì tai biến xảy đến cho đất nước. Tuân lệnh Vua cha, chàng phò mã trẻ cầm quân, tạm chia tay với vợ, ra sa trường dẹp giặc ngoại xâm.

Tường Vi chờ mãi tin chồng, nhưng những cánh chim bay đi rồi lại trở về không. Đoán điềm chẳng lành đã xảy ra, chiều chiều nàng ra nơi thác núi, lặng lẽ chờ tin. Cho đến một buổi chiều, chim bay về đem tin dữ. Bật khóc và tuyệt vọng, Tường Vi tung mình theo dòng thác, mất tích giữa dòng nước ồ ạt.

Từ chỗ chân nàng đứng, theo những giọt nước mắt rơi xuống, người ta về sau tìm thấy một loài hoa mới, với dáng dấp y

hệt như đóa hoa trắng của người tiều phu trẻ ngày nào. Đóa hoa nở cạnh dòng thác, êm đềm, và dịu dàng, nhưng vẫn kiêu sa và vững vàng giữa nắng, gió và khí trời khắc nghiệt của cao nguyên. Người ta lấy tên nàng đặt tên cho loài hoa ấy.

Chẳng biết sự tích đó nói về màu hoa nào trong số các màu hoa của tường vi? Chỉ biết sắc nào của loài hoa này cũng gọi thương, gọi nhớ.

Một mùa hè kia, bắt gặp một con đường tường vi đẹp đến nao lòng. Sắc hồng nhẹ nhàng mà xui thương nhớ. Những cánh hoa xếp lại từng chùm như e ấp lại muốn bung tỏa, mỏng manh và mặn mà. Hình như hoa thì thầm điều gì trong nắng, trong gió.

Không dám hái dù chỉ một chùm vì sợ sắc hương ấy sẽ tan biến vào hư vô. Chỉ lặng lẽ ngắm nhìn và đoái thương trước dự cảm tan tác. Dẫu biết loài hoa nào cũng nở rồi tàn nhưng sao trước tường vi lại thấy rung rung đến thế!

Là thương nhớ về ấu thơ dưới một mái trường hay se lòng trước câu chuyện tình yêu thương cảm. Hay bởi băng khuâng trước con đường có dấu chân ai, vô tình dẫm lên những cánh hoa còn đang thỏn thức.

Người ơi, xin một phút dừng vô tâm. Nâng niu nhé, tường vi cánh mỏng môi hồng!

DƯƠNG VĂN TIẾN

Nhớ ơn nguồn cội

Chùa Thánh Quang - Mịn Sôi
Có chuông đồng rất cổ
Bà ngoại Nguyễn Văn Cừ
Đã thành tâm cúng tiến!

Tiếng chuông chùa Thánh Quang
Vang vọng miền thánh tích
Mênh mang đất Đông Ngàn
Xôn xao miền Cổ Pháp...

Tiếng chuông chùa ngân vang
Bài thơ thần đuổi giặc
Bản Tuyên ngôn độc lập
Của Việt Nam ngàn năm!

Chuông mời bạn đến thăm
Chuông reo mừng đón khách
Người ơi về Mẫn Xá
Nghe chuông chùa Thánh Quang!

Tiếng chuông thánh thót xôn xang
Nhớ ơn nguồn cội... Nhớ làng Phù Khê...



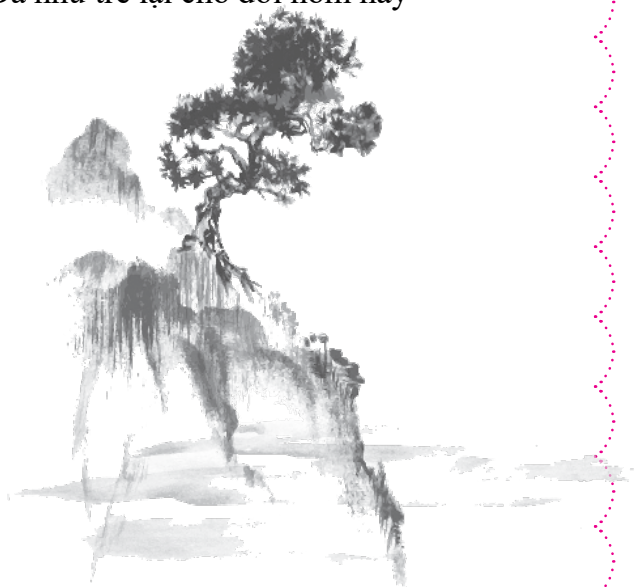
VŨ HOÀNG NAM

Viết ở Văn miếu Bắc Ninh

Con về Văn Miếu người ơi!
Lắng nghe đá hát những lời nghìn năm
Tay nâng một nén hương trầm
Đã nghe đất vọng âm thầm người xưa.

Quê nghèo mắm muối, rau dưa
Mà danh bá tử vinh quy bảng vàng
Dùng dằng già bạn xuân sang
Mà vung nét bút dọc ngang đất trời
Sông Cầu thành mực người ơi!
Vút lên tháp Bút dâng đời áng thơ.

Con về tìm bóng người xưa
Gặp em, gương mặt trẻ thơ rạng ngời
Niềm vui ấm áp dâng Người
Đá như trẻ lại cho đời hôm nay



ĐỖ PHƯƠNG LIỄU

Tháng Bảy

Có phải bên kia là mùa thu
Mưa ngâu hẹn em về đoàn tụ
Ô Thước bắc cầu cho Chức Nữ
Dải Ngân Hà đâu làm khó Ngưu Lang

Tháng Bảy về bỗng thấy xôn xang
Chợt cơn gió, chợt cơn mưa lạ
Ta chênh chao giữa chiều cuối hạ
Tự hỏi lòng đã sắp thu chưa?

NGUYỄN THỊ MIÊN

Hẹn ngày gặp lại

Giờ ly biệt, biết nói gì em nhỉ?
Chỉ có em trong chị! Chị trong em
Xa nhau rồi, nỗi nhớ đầy tim
Tình man mác, nỗi buồn day dứt quá
Muốn nói nhiều cùng em nhưng sao lạ
Gặp em mà trong dạ... cứ nôn nao.

Em yêu quý: Em trai ngoan của chị
Hãy ra đi vì ý chí tuổi trai
Thống nhất rồi... Đến một ngày mai
Em trở lại... chị em vui đoàn tụ./.

ĐOÀN HUY CẢNH

Phía sau câu hát

Khuất ở đằng sau những giai điệu hào hùng
Là màu áo lá rừng của các anh, các chị
Đường Trường Sơn suốt một thời chống Mỹ
Gương mặt nào còn lại đến hôm nay?

Những ca sỹ trẻ kia đang hát mê say
Giai điệu những bài ca truyền thống
Không phải của thời họ đang được sống
Gọi lại những điều ngỡ đã bị lãng quên.

Còn đó những nghĩa trang
Những ngôi mộ không tên
Những liệt sỹ vô danh như người đời vẫn gọi
Tan vào đất rồi các anh đâu thể nói
Chỉ tiếng ca vang vọng mãi hồn người.

Chỉ tiếng ca là mãi còn tươi
Như ngày nào các anh đã hát
Giữa rừng Trường Sơn, giữa biển trời bát ngát
Trái tim rung theo mỗi ca từ.

Sẽ mãi còn xanh những trang thư
Đã được viết từ tuyến đầu Tổ quốc
Cùng những lời ca mà bao người đã thuộc
Chỉ hiện hình khi tiếng hát cất lên./.



CON ĐƯỜNG BẰNG LĂNG

VŨ VIỆT TÂM

Mùa hè đến bắt đầu từ những con đường bằng lăng tím ngát. Có thể trong ký ức của ai đó là phượng hồng, là hoàng lan, ngọc lan... Riêng tôi ký ức nhưng nhớ màu bằng lăng nhạt nhoà tím theo con đường tới trường. Sân trường cũng có bằng lăng, màu tím đan xen màu đỏ của phượng vĩ tạo nên bức tranh rực rỡ đón chào mùa hè.

Đừng nói là bằng lăng chỉ duyên dáng khi hè sang, khi hoa chùm chùm át cả màu xanh của lá. Tôi phát hiện ra điều đó khi cô bạn cùng lớp ý tứ bảo rằng bạn yêu bằng lăng suốt cả bốn mùa, cảm nhận vẻ đẹp dịu dàng của bằng lăng suốt cả bốn mùa.

Mùa đông lạnh lẽo cây ngủ tàng ử dòng nhựa dưới lớp vỏ xù xì, mốc thối. Từng chiếc lá vàng úa rụng rơi về cội, mặc cảnh cây khẳng khiu trong gió rét. Những cành cây chia nhánh nhỏ dần nơi đầu cành, đan xen khắc họa trên nền trời như nét bút ký họa của những họa sĩ tài ba. Vòm cây luôn gọi những suy tưởng về dòng tranh thủy mặc, chỉ đơn sắc giữa đen và trắng mà sống động hài hoà.

Khi xuân sang cảnh mới bắt đầu nảy mầm từ những cành cây khẳng khiu ấy. Bắt đầu là mầm bé xíu, màu nâu nhạt dần dần bung toả lá biếc, lá khi còn non cũng màu nâu ánh tía, nhạt dần nhạt dần chuyển sang sắc xanh mỡ, xanh non... Cả một vòm lá non biêng biếc mà cảm nhận nồn nà mềm mại, mạch nguồn nhựa sống áp ủ suốt mùa đông chảy tràn trên sắc lá, đón nắng dành sức cho mùa hoa...

Ngày ngày đi lại theo con đường bằng lăng ấy tôi không khỏi cảm thán sự chuyển sắc theo mùa. Từng ngày, từng ngày mà biến hoá, hình dáng sắc màu chuyển chuyển như bức tranh biến động không ngừng. Khi tán lá mới đã căng đầy sức sống từng chùm nụ hoa nhu nhú đầu cành, lớn dần lên đan xen chen chúc để đến một ngày kia bất ngờ bung nở, những bông hoa đầu tiên điểm sắc tím như nét bút của người họa sĩ tài hoa bắt đầu cho bức tranh mới... Hứng khởi thăng hoa với từng chùm từng chùm lớn dần lên, toả đầy cảnh lá, như những cây hoa, mùa hè vào độ căng tràn rực rỡ... Tôi thích ngắm từng phân

đoạn thời gian với những thay đổi bất ngờ, để mỗi ngày ngược mắt dõi theo đều ồ lên ngạc nhiên, sung sướng từ trong tâm cảm.

Cô bạn cùng lớp ngày xưa đã truyền cảm hứng ngắm cây cỏ mây trời cho tôi từ những quan sát và nhận xét tinh tế của cô ấy. Có lần cô ấy bảo: Bạn có muốn ngắm vòm cây này không, dưới đám mây trắng bồng bênh mặt trời đang chiếu sáng ngay trên đám mây kia... Tôi hơi ngạc nhiên, cái cây này, ngày nào chẳng thế, mặt trời kia, vầng mây ấy... bao nhiêu ngày vẫn thế có gì khác đâu, chả có gì thú vị ở đây cả. Tôi đã tính bỏ đi thì bạn ấy bảo: Hãy kiên nhẫn một chút đi bạn! Vạn vật đang nói chuyện với bạn mà bạn chẳng biết. Tôi tò mò ngồi xuống chiếc ghế đá, nín lặng nhìn theo hướng tay bạn chỉ. Trong tĩnh lặng mà cảm nhận tiếng gió lào thảo khẽ khàng vượt qua khuôn mặt thiếu nữ của chúng tôi, khẽ tung lọn tóc mai loà xoà. Bạn bảo: Lấy tán lá kia làm cỡ nhé, mặt trời đang từ từ vượt lên, đám mây cũng biến hình di động, mà lạ chưa có vài chiếc lá lác lư qua lại, như bàn tay vẫy... Không phải gió, nếu là gió thì cả tán lá sẽ cùng đung đưa chứ, đây chỉ có vài chiếc lá thôi, trên một chiếc cành con con, như trò chuyện, như vẫy chào chúng tôi...

Suốt quãng thời gian học chung sau này, chúng tôi đã nhiều lần cùng nhau ngắm cây cỏ mây trời bên nhau như thế. Có những buổi trưa muộn đạp xe về nhà, mặt trời đứng bóng xuyên qua vòm lá loang loáng lướt qua từng vệt nắng nhưng nhưng bông hoa liên tục chuyển động thật thích mắt... Rất nhiều năm sau này, tôi vẫn giữ

thói quen điem đăm, lặng lẽ quan sát bốn mùa luân chuyển qua những con đường rợp bóng bằng lăng dịu dàng. Những lúc suy nghĩ rồi bời với hiện thực cuộc sống, tôi dừng lại dưới hàng cây, lắng nghe một chút, tĩnh tại một chút, những nút rồi dần dần được tháo gỡ, suy nghĩ lại sáng suốt cắt đặt từng việc sao cho phù hợp nhất...

Có mùa mưa giông, những cây bằng lăng trong luồng gió xoáy đã đổ ngã sóng xoài trên mặt đất. Tôi thầm tự hỏi: Cây cao lớn và vững chãi thế, sao có thể bật cả gốc rễ thế này... Giông bão qua đi, nhóm công nhân công ty cây xanh đã cưa bớt cành và nâng cây lên trồng lại. Một chiếc giá đỡ vững chãi từ bốn phía đã giữ cây đứng thẳng. Cái cây như tâm điểm ngắm nhìn mỗi ngày tôi đi qua con đường ấy. Một ngày kia bất ngờ thấy những mầm non đã mọc trở lại, ngay trên đoạn cành bị cưa bỏ, một sức sống lại dâng trào, ngút ngát, cây toả tán hồi sinh... Sau này tôi mới biết, loài cây bằng lăng ấy dù bộ rễ không khoẻ để chằng chịt bám chắc trong lòng đất, nhưng lại có sức sống bền bỉ mãnh liệt, dù bị nhổ bật lên rồi, khi được trồng lại với sự trợ giúp của giá đỡ, cây lại hồi sinh để kịp mùa hoa vào mùa hè phía trước.

Cây gợi nhớ về người bạn gái năm xưa dịu dàng và duyên dáng. Đã mấy chục mùa hoa đi qua, chẳng biết bạn còn nhớ sáng đầu hè năm ấy bên nhau cùng lắng nghe tiếng lá cây vẫy gió. Những cánh hoa khô ép trong cuốn vở học trò cũng chẳng biết lưu lạc từ bao giờ. Chỉ còn nỗi nhớ vu vơ rất nhẹ, rất thoảng, trong veo sắc tím mỗi độ hè sang./

"Hạt gạo làng ta"

CỦA TRẦN ĐĂNG KHOA

NGUYỄN KHẮC ĐÀM

Đất nước, dân tộc, mỗi miền quê sục sôi tinh thần chống Mĩ. Trần Đăng Khoa thần đồng thơ đã làm rạng rỡ, lan tỏa hình ảnh con người Việt Nam trong lao động và chiến đấu. Những bài thơ: **Em dâng cô một vòng hoa, Ảnh Bác, Mẹ ốm, Sao không về vàng ơi, Từ góc sân nhà em, Gửi theo các chú bộ đội...** đặc biệt **Hạt gạo làng ta** sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc hôm qua, hôm nay và mãi mãi mai sau:

*Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa*

*Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay.
Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cò
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy. . .*

*Hạt gạo làng ta
Những năm bom Mĩ
Trút trên mái nhà
Những năm cây súng
Theo người đi xa*

*Những năm bom đạn
Vàng như lúa đồng
Bát cơm mùa gặt
Thơm hào giao thông.*

*Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn
Vực mễ miệng gầu
Trưa nào bắt sâu
Lúa cao rát mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành quét đất
Hạt gạo làng ta
Gửi ra tiền tuyến
Gửi về phương xa
Em vui em hát
Hạt vàng làng ta
Em vui em hát
Hạt gạo làng ta.*

HẠT GẠO LÀNG TA

Gương mặt đất nước, quê hương, con người như hòa quyện, đọng lại trong hương vị của **Hạt gạo làng ta**. Ta thấy gì ở hạt gạo khi nhà thơ truyền cảm hứng? Hương vị, sự vất vả, cuộc sống lao động và chiến đấu, vai trò của dân tộc ta với bè bạn gần xa. Thấm trong hạt gạo có hương đồng cỏ nội, phù sa của những dòng sông bồi đắp. Ai biết ca dao ru cây lúa đồng làng mới hiểu hết lời của mẹ, mới thấu nỗi cực nhọc của người nông dân chân lấm tay bùn trong mưa sa, bão lụt, hạn hán làm ra hạt gạo nuôi sống và nâng đỡ ta trưởng thành. Bấy nhiêu cũng đủ rồi, nhưng nào chỉ bấy nhiêu:

*Hạt gạo làng ta
 Những năm bom Mĩ
 Trút trên mái nhà
 Những năm cây súng
 Theo người đi xa
 Những năm bom đạn
 Vàng như lúa đồng
 Bát cơm mùa gặt
 Thơm hào giao thông...*

Đồng bào miền Bắc gánh trên vai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội,

chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ đồng thời chi viện sức người sức của cho miền Nam thực hiện thống nhất nước nhà, làm tròn nhiệm vụ Quốc tế. Hạt gạo phải sẻ làm ba. Thơ như kẻ mà giàu hình ảnh làm rung động lòng người. Càng đọc, càng nghĩ, càng thấy hình ảnh vượt lên cả trí tưởng tượng "*Bom đạn vàng như lúa đồng/ Bát cơm mùa gặt thơm hào giao thông*". Bom đạn và lúa đồng, bát cơm mùa gặt và hào giao thông hoàn toàn khác nhau về bản chất, được đặt trong bình diện không chỉ để so sánh, tưởng tượng, nhà thơ khẳng định sự sống vượt lên, bất chấp cả cái chết. Tư thế gương mặt của con người Việt Nam sừng sững, tỏa sáng vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Sự sống không bao giờ chán nản. Ở tuổi Trần Đăng Khoa lúc ấy đã có cảm nhận để viết thành thơ dễ mấy ai có được. Hiện thực cuộc đời là một chuyện, ai cũng thấy, cũng biết nhưng mượn ngôn ngữ diễn thành lời, làm rung động hàng triệu triệu trái tim, chỉ có Trần Đăng Khoa mới làm được. Bài thơ cũng như tên tuổi Trần Đăng Khoa sống mãi./.

KỈ NIỆM KHÓ QUÊN

KIM OANH

“Trời còn làm mưa, mưa rơi mênh mang”. Giọng ca thánh thót của ca sĩ Khánh Ly thuở nào đang vang lên trên chiếc xe chở theo đoàn Văn nghệ sĩ chúng tôi tiến về miền đất Quảng Ninh, nơi đó có đảo Ngọc Vũng, có lời hẹn ước trở lại của chúng tôi đã tròn một năm.

Những ngày qua trời đổ mưa liên tiếp, nhưng không làm thay đổi được kế hoạch đi thực tế sáng tác của Chi hội Âm nhạc chúng tôi bởi sự đồng tâm nhất trí của tất cả các thành viên trong đoàn. Trời vừa rạng sáng, theo kế hoạch đã định, toàn thể các thành viên đã tập trung đầy đủ tại điểm tập kết. Xe lăn bánh, sau một hồi thăm hỏi rôm rả, lái xe bắt đầu cho chúng tôi thưởng thức nhạc phẩm **Tuổi đá buồn** của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, những câu hát du dương, trầm bổng vang lên làm cho tâm hồn mỗi người dường như lắng lại. Sau đó là những lời thủ thỉ, trò chuyện, chia sẻ về chuyên môn sáng tác, biểu diễn của các nhạc sĩ, ca sĩ. Rồi không khí lại rộn lên bởi những câu chuyện hài hước làm cho hành trình như ngắn lại. Chẳng bao lâu, chúng tôi đã đến bến tàu. Chiếc tàu cao tốc vun vút lao trên biển nhanh chóng đưa chúng tôi cập

bến đảo Ngọc Vũng. Lãnh đạo Tiểu đoàn đã phân công chuẩn bị sẵn chiếc xe 29 chỗ đón đoàn để đưa tới nhà nghỉ.

Đúng 2h30 chiều, đoàn chúng tôi cùng tiến về Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vừa bước chân vào cổng ai nấy đều cảm nhận được sự thành kính, trang nghiêm của nơi này. Cây đa Bác Hồ trồng từ năm 1962 trong lần ra thăm đảo giờ đây thật xum xuê, tươi tốt, tỏa bóng mát bao trùm hầu hết phía sân trước Nhà tưởng niệm. Đoàn chúng tôi dâng lên Người những nén hương thơm với tấm lòng thành kính. Bước vào trong Nhà tưởng niệm, Tượng Bác đang đứng ngời ngời hiện lên trước mắt chúng tôi, những hình ảnh, bút tích về Bác được trưng bày, lưu giữ rất cẩn thận. Mỗi chúng tôi đều trào dâng niềm xúc động về Người. NSƯT Xuân Mùi cẩn thận mang theo giấy bút tỉ mỉ ghi chép những mốc son đáng nhớ về nơi này. Rồi nhà tưởng niệm Bác, chúng tôi về phòng và rủ nhau ra biển để thưởng thức không khí trong lành của biển khơi, (rất may hình như ông trời cũng chiều chúng tôi nên từ lúc lên đảo thì mưa đã tạnh). Từng tốp chúng tôi đi theo con đường thẳng tắp về



Đoàn VNS Bắc Ninh chụp ảnh tại Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Quan Lạn

phía biển, hai bên là hai hàng phi lao xanh tốt. Biển cả đã hiện ra trước mắt chúng tôi dưới bầu trời xanh trong như một bức tranh thiên nhiên tuyệt hảo nhất mà trước giờ tôi chưa từng thấy. Từng đợt sóng ào ạt xô bờ, mới nhìn thôi đã đủ thấy niềm thích thú trong mắt mỗi người nổi khát khao được đến với biển. Chúng tôi đắm mình vào những cơn sóng trắng, vui vẻ, đùa giỡn... Cảm xúc lúc này đây đúng như câu mọi người thường hay nói: “Cho tôi xin một vé trở về tuổi thơ”. Sau một hồi thưởng thức sự mặn mòi, sôi động của biển khơi, chúng tôi về phòng nghỉ chuẩn bị ăn tối và chương trình biểu diễn giao lưu văn nghệ với bà con nơi đây. Địa điểm biểu diễn là

Nhà văn hóa của đảo, trời vẫn chưa tối mà nơi này điện đã được thắp sáng, các diễn viên không chuyên địa phương đã tập kết đầy đủ cùng với trang phục biểu diễn đủ sắc màu. Người già, trẻ nhỏ đã có mặt rất đông trong khán phòng, nét mặt ai cũng hồ hởi, háo hức để chuẩn bị đón xem chương trình giao lưu đầy ý nghĩa giữa các nghệ sĩ Chi hội Âm nhạc đến từ miền Quan họ với nhân dân địa phương. Đúng 8h tối chương trình bắt đầu diễn ra. Trong điều kiện đảo nhỏ còn nghèo nàn, thiếu thốn nhưng khi thưởng thức tiết mục văn nghệ địa phương, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về sự dàn dựng công phu, hoành tráng (theo đồng chí Ngô Quốc Vượng - Bí thư Đảng ủy kiêm

Chủ tịch xã đảo bật mí: Những tiết mục tập thể này do chính đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy xã đảo dàn dựng). Xen với các tiết mục địa phương biểu diễn là các tiết mục của đoàn chúng tôi. Mở đầu là bài hát **Cây đa Bác trồng trên đảo tiền tiêu** do Nhạc sĩ Nguyễn Trung mới viết về nơi này sau chuyến ra đảo năm 2022. Ca khúc này đã được ca sĩ Quang Hưng thể hiện và vừa được trao giải Nhì về quảng bá tác phẩm học tập và làm theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức. Sau đó là câu ca Quan họ cổ Giữa tối hôm rằm được thể hiện qua giọng ca trong vắt, ngọt lịm và phong cách biểu diễn duyên dáng của NSUT Minh Hằng. Một điều thật bất ngờ là trên đường ngồi xe ra đảo, Trưởng đoàn - Nhạc sĩ Nguyễn Trung đã nhanh chóng sáng tác ra bài hát **Gửi trọn lời ca theo điệu Gió đưa cây cải về Giời** (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), anh đã bí mật gửi nhóm ca sĩ chúng tôi cùng nhau hát mấy lượt để tặng bà con bài hát này. Chính vì vậy mà chúng tôi phải chép ra để lên sân khấu biểu diễn. Với giai điệu da diết, lời ca tha thiết nói về tình cảm người Quan họ với đảo nhỏ nơi đây đã để lại cho bà con một niềm vui, sự xúc động. Tiết mục được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh, tiếng vỗ tay kéo dài không dứt. Tiếp theo là phần giới thiệu ngắn gọn nhưng rất đầy đủ về trang phục Quan họ của NSUT Xuân Mùi (nguyên Phó Giám đốc nhà hát DCQH BN) với hình mẫu là Nghệ sĩ Kim Oanh làm cả hội trường im lặng như muốn nghe nói thật rõ về một bộ trang phục vừa đẹp, vừa nền nã mà cũng không kém phần kiêu sa. Đặc biệt là phần biểu diễn song ca

của nhạc sĩ Nguyễn Trung và ca sĩ Quang Thắng với bài **Cây đàn ghi ta của Đại đội ba** do chính nghệ sĩ Bá Đạt (một tay đàn đã từng đoạt giải cao trong cuộc thi Guitar Quốc tế) đệm. Khó có thể tin rằng một nhạc sĩ chuyên viết nhạc với những ca khúc nổi tiếng, đi sâu vào lòng người, tuổi đã ngoài 70 mà lại có thể biến thành một ca sĩ rất chuyên nghiệp trên sân khấu với chất giọng trẻ trung và phong cách rất hồn nhiên, tự tin. Tiếp theo là giọng ca của ca sĩ Tiến Thạch, Phương Anh với những làn điệu Quan họ cổ ngọt ngào đắm thắm. Cuối chương trình văn nghệ, phần trao quà tặng diễn ra thật ý nghĩa. Đoàn Văn nghệ sĩ Bắc Ninh đã chuẩn bị hai cây đàn Guitar để tặng bộ đội và nhân dân xã đảo. Đáp lại tình cảm của đoàn VNS Bắc Ninh, Lãnh đạo xã đảo chuẩn bị một bức tranh lớn với hình ảnh Bác Hồ ngày đến thăm bộ đội và nhân dân nơi này.

Kết thúc đêm diễn, lời ca già bạn của chúng tôi vang lên tha thiết làm cả hội trường xúc động. Câu ca **Đến hẹn lại lên** còn vang vọng mãi trong đêm chia tay tràn đầy tình nghĩa giữa các nhạc sĩ, nghệ sĩ với người dân vùng đảo nhỏ kiên cường. Thật cảm động khi rời đảo, trên đường về chúng tôi được biết nhạc sĩ Trọng Tĩnh, nhạc sĩ Đỗ Anh Quân, nhạc sĩ Xuân Doãn đã có ngay những ca khúc viết về biển đảo Ngọc Vũng. Riêng nhạc sĩ Vũ Viết Đắc có tác phẩm mới nên cao hứng cất tiếng hát vang ngay trên mảnh đất này trước khi tàu rời bến về đất liền. Thật là một chuyến đi thực tế sáng tác để lại nhiều kỉ niệm khó quên trong mỗi chúng tôi./.

Tôi với hắn cùng làm Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã, cùng là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh còn tham gia nhiều Câu lạc bộ văn nghệ trong vùng nên cũng hay đi họp hành giao lưu với nhau. Hôm nay chúng tôi qua

sông giao lưu cùng câu lạc bộ thơ xã Đào Viên, chỉ một lúc chờ đò mà tôi ngưỡng mộ hắn thật nhiều.

Hắn chỉ: ngày trước nhà hắn có thửa ruộng ở chỗ này, hắn khoái được sục chân lên phù sa rất mát, được ngắm sông sao mà

Chuyện tình bên bên sông

VŨ THẾ THỰC



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

đẹp, những con đò, những bè mảng ngược xuôi mỗi cái đều có cái hấp dẫn riêng không chán mắt lại còn được bố hấn kể bao nhiêu chuyện hay. Mỗi năm một mùa nước lên rồi nước rút để lại cho bãi một lớp phù sa quý giá. Mùa nước bắt đầu từ tháng tư với những cơn mưa nguồn nước đầu về gọi là nước “chở mã”, nước chở mã không nhiều nhưng ngàu lên sắc đỏ phù sa khi nước rút màu phù sa đậu trên cây cỏ thành ngân cũng là lúc cánh lái đò dâng lễ cầu Thủy thần cho một năm bình an, đường xuống bến không bị vỡ. Cao điểm mùa mưa gồm ba tháng Sáu, Bảy và Tám. Người ta nói “Thủy hỏa đạo tặc”, sự biến đổi của dòng chảy là tai họa khôn lường, đang bình yên bất ngờ tạo một con xoáy nuốt chửng cả con thuyền hay bè gỗ trong chớp mắt nên nghề sông nước người ta rất tín, thờ cúng thủy thần rất cẩn thận kéo một đêm có khi bay veo cánh bãi cũng có khi nổi lên một bãi bồi mới giữa sông làm thay đổi số phận đôi bờ. Cái thú vị của sông là bồi lở, nước miệt mài lấy của bờ bên này bồi đắp cho bên kia. Bố hấn kể rằng ngày bố hấn còn bé bãi làng hấn bồi rộng mênh mông thì bờ bên kia bị lở tới tận chân tre làng. Bên ấy hết đất con gái làng ấy sang bên này lấy chồng, đến khi làng hấn bị lở, con gái làng hấn lại sang bên kia lấy chồng nên hai làng gần bó mật thiết. Sông Đuống là con của mẹ sông Hồng mùa nước thì ghê gớm lắm, cánh bãi ngập hết, mặt sông trải rộng hơn hai km mét từ đê bên này sang đê bên kia mênh mông một vùng nước xiết. Nhìn con đê mong manh làng ven sông luôn đập rình tai họa. Hấn chỉ vào cái bia gần bến giải thích:

- Năm 1988, ông Ba Còm làng hấn chết, ông ấy có ba nhà thông gia bên sông, cả thông gia hàng cháu nữa gần mười. Họ thuê hai thuyền sang viếng chả may một chiếc bị vào vòng xoáy bỏ mạng sáu người cả lái là bảy, mất cả xác luôn. Đến khi nước rút, con đê từ làng hấn xuống bãi bị vỡ một đoạn dài chừng 30 mét, bãi hờ đã lâu có mọc um tùm người dân xô xuống bãi cắt cỏ, họ phải đi đò qua đoạn đê vỡ, lúc ấy đã cạn nhưng nước chảy dòn rất xiết đến khi về ai cũng gánh cỏ nặng, đò quá tải bị lật chết bảy người, cùng lúc lại bến đò có mấy xác chết dạt vào, phải lập nghĩa trang ngay bãi sông. Mùa mưa năm 1990 nước cuốn phăng cả nghĩa trang đi thì năm sau 1991 đóng cửa thủy điện Hòa Bình, từ ấy nước nguồn chất chiu dành cho thủy điện, nay đã ba mươi hai năm, lòng sông nhỏ bé hiền hòa, nước chỉ đục lờ chứ không mênh mông đục ngầu hung dữ như trước, mùa mưa nước về chỉ xấp xỉ bằng vỡ - mặt sông - không vào tới bãi. Đã không có đất phù sa thì mùa đông nắng hanh gió Bắc thổi cuốn phăng lớp bột bụi phù sa đi tro cát trắng bãi dần sa mạc hóa người ta phải cho đun đốt gạch để hạ chiều cao đất bãi. Những người đun gạch gần khu bến đò xây một ngôi mộ tập thể để khi họ đốt lò khói hương mong được hương linh trợ giúp. Từ khi có cầu Hồ và cầu Bình Than thì đò vắng khách, lác đác có người hai làng lại qua hay lưa thưa một số đi làm công ty gần còn đi cầu hết vì đi cầu không sợ bị rui ro đò chết máy, mất thời gian đợi chờ lại không an toàn, còn hấn thì hấn kiêu gì hấn cũng thích đi đò vì lý do riêng.

Hắn kể:

- Tháng 11 năm nay, trường cấp III Thừa kỷ niệm 70 năm thành lập trường (1953-2023). Nghe tin hắn rất háo hức vì ba năm trường huyện là thời gian đẹp nhất cuộc đời hắn. Đường từ nhà hắn đến trường dài 13 cây số, đi tắt cũng phải 11 cây, đường đất, đường sỏi khó đi vậy mà các thư sinh làng hắn vẫn cuốc bộ đều đều còn đèo củi gạo đèn sách ở trọ ba năm trời. Hắn may mắn có cái xe đạp xong ngày học hai buổi đi về bốn lần sức hắn không chịu được nên vẫn phải ở trọ, trưa thứ bảy về chiều chủ nhật lại đi nhân tiện đèo củi gạo đỡ cho mấy bạn trong làng.

Hắn nhớ 1971, tháng 7 vỡ đê Nhất Trai, tháng Chín khai giảng nhưng phải kéo sang tháng Mười các cánh đồng vẫn còn mênh mông nước nhưng vì năm học mới đã chậm một tháng nên vẫn bắt đầu. Đường đến trường đoạn cao thì lầy lội, chỗ trũng phải bơi, nhìn đội quân đầu đội quần áo củi gạo dầm mình qua chỗ lội y đoàn quân ra trận trong phim truyền hình, huyện Gia Lương thời ấy là vùng chiêm trũng của tỉnh Hà Bắc. Dân Gia Lương ai cũng bơi lội giỏi. Đi học thời ấy khó khăn nhưng học hết cấp hai đã có cơ thành “người nhà nước” hết cấp ba thì ăn chắc cái nghề giáo viên, y tá hay cán bộ giao thông thủy lợi ở địa phương, người đỗ vào cấp III hiếm lắm, làng hắn lớn nhất xã mà số vào học cấp ba chỉ đếm trên đầu ngón tay mà thế hệ hắn vừa học vừa sẵn sàng nhập ngũ lại thêm những kỷ niệm không phai. Hắn hỏi tôi ông biết không, khi khai giảng trường như ốc đảo, thầy cô phải mua mấy cái thuyền

tôn để đi vệ sinh và lên lớp. Học sinh mấy xã vùng lụt đi học bằng thuyền, thuyền đậu sân trường như làng chài, như chợ nổi tiếc là không có máy ảnh hay điện thoại như bây giờ, nếu chụp, lưu được mạng mang thi chắc ăn giải. Lớp trưởng hắn nhà trên quả núi thuộc dãy núi Thiên Thai, khi nước đã rút đã nhiều, lớp trưởng mời mấy đứa trợ gần nhau về quê bạn ấy chơi đêm. Bạn ấy nhờ hai thuyền có cả người chèo ra bờ đê đón, bốn người một thuyền. Thuyền trôi đi êm êm trong đêm trăng, đỉnh Thiên Thai có hai cái bốt nom y cái đầu rồng, các khúc uốn éo kéo dài trong đó có quê bạn tôi là một trong câu chuyện 99 khúc trong hệ vòng cung Đông Triều, cảnh sắc nên thơ mấy đứa con gái thích quá quên cả an toàn nghiêng người khoả tay chào nước làm thuyền chòng chành. Hắn bảo bạn Minh Tuyết:

- Có muốn làm bạn với thủy quái không mà tắng thế?

- Tiên cảnh thế này mà không tắng thì phí, mà có giỏi nhảy xuống thi bơi với tao? Ngõ tao có cái ao bự, trẻ con cả ngõ tắm trường, đứa nào bơi cũng giỏi, khoai thi đứa nào thế nào tao biết hết, cái An cái Huệ, thằng Tân thằng Bình giờ thi hoa hậu chắc có thưởng.

- Này ca dao mách “mặt làm sao ngao làm vậy” đúng không?

- Nhầm. Xét mặt thì tao là hoa hậu, còn xét ngao thì cái Hoa đen mới nhất.

Nghe hai đứa nói tếu mà khiếp nhưng cả bọn im im có vẻ thích thú.

Cái Tuyết đáo để thế không ngờ sau đi bộ đội sang Lào làm chuyên gia thông

tin báo vụ bị hy sinh đến nay hài cốt vẫn chưa quy tập được. Lớp trưởng cũng đi bộ đội, về phục viên đi học sư phạm, hôm con trai được phong hàm Trung tá, hai vợ chồng đi mời bạn học liên hoan thì bị tai nạn qua đời đúng 20 Tết. Năm nay trường kỷ niệm không biết lớp về được bao nhiêu. Ông Hiến Bí thư Chi đoàn đứng ra triệu tập, mình rất náo nức vì hy vọng gặp một người, người đó không chỉ chiếm vị trí quan trọng trong hồn cốt hấn mà còn là bùa hộ mệnh che chắn cho hấn thoát khỏi tử thần, ban tặng cho hấn bao niềm yêu thương cảm xúc mà mấy chục năm nay rất đổi Liêu Trai... Chuyện là hấn trọ học ngay cổng bệnh viện, nhà rộng có hai mẹ con, chồng chị đang tại ngũ, thằng Lương mới 4 tuổi nhưng xinh xắn hóm hỉnh, liền nhà là gia đình cả hai vợ chồng đều làm trong bệnh viện. Giếng nước hai nhà liền nhau chỉ cách ngăn bởi những tấm cốt, tuy không nhìn thấy nhau nhưng qua giọng nói bên kia ai ra giếng bên này đều biết. Cô gái nhà bên hay hát, mỗi khi vo gạo rửa rau cô đều ty ty hát một giai điệu quen: “*Cả nước đang tung bừng mừng chiến công lẫy lừng miền Bắc*”; “*Trên sông gấm khi swong tan, tin vui khắp quê hương tôi...*” giọng hát mạnh nhưng tình cảm thiết ta giàu cảm xúc. Hôm chị chủ đi Đại hội xã viên, chị nhờ hấn đi nhà trẻ đón cháu Lương giúp chị. Đón nó về, hấn dẫn nó ra giếng tắm. Có con chuồn chuồn ớt đậu trên chàng rào, chệch sang nhà Hương mà hấn không sao với tới, đang loay hoay thì tiếng hát đi ra, hấn bạo dạn:

- Đằng ấy ơi, có thấy con chuồn ở bên hàng rào không? Cháu mình nó thích?

Không trả lời nhưng mình biết nàng đang nín thở rón rén. Nàng gọi: “Cò ơi sang cô cho”.

Tôi mặc đồ cho nó, bảo nó sang, nhớ là phải nói chú cháu cảm ơn cô.

Thằng bé hóm thật, nhận rồi cảm ơn còn nói nguyên văn lời hấn dặn. Nhưng nó chỉ nhận được cái xoa đầu và đánh tay xui về khiến hấn bên này đang dòng tai nghe không thấy cô bé nói gì thì buồn chùng hững.

Sáng hôm sau hấn dắt xe ra cổng, cô bé ôm túi sách chờ bảo hôm nay xe bố cô đi họp cho đi nhờ. Quá bất ngờ, tim hấn đập mạnh, người hấn nóng ran, hấn thích. Trên đường đi cô bé hỏi bạn tên gì? Học Trung văn khá không, tớ sợ nhất củ su hào lằng lủng chèo? Hấn bảo tớ tên Thành tớ lại thích su hào treo lủng lẳng. Cô bé bảo tớ tên Hương. Hương khen Thành vui tính thế rồi thụi nhẹ vào lưng, nàng nói: “Giúp mình học Trung văn nhé.”

Chiều, chị chủ chưa làm về, hấn nấu cơm sớm để đi đón cháu. Cơm vừa sôi thì ngoài cổng có tiếng hát đi vào: “*Cả nước đang tung bừng...*” tim hấn rộn ràng, hấn nhìn qua lỗ mắt cáo thấy cô bé nhà bên cầm cái đèn sang xin lửa. Cô bé chủ động bảo: “Chả biết bà khốt để hộp diêm ở đâu mà tìm chả thấy cho mình lửa tí xin”. Hấn với cái đóm trong ống đũa, tay run quá, cái đóm cứ nhảy nhót mãi không cháy hấn ngượng quá phải cố trấn tĩnh, cầm cả hai tay mới châm được thì cái đóm cũng vừa cháy hết phải lấy cái đóm khác, hấn nhìn mặt Hương đáng yêu quá mà hấn không biết nói thế nào. Hương chủ động: “Sao

mà run thế? Ngày đầu chưa quen đường cày đầu thẳng ngay”. Nói rồi hi hí cười thật dã man, tiếng cười như sợi tơ xoáy vào tâm can hẳn không đau mà rất ngọt, bỗng sáng suốt phọt ra, hẳn bảo run là sợ bị thui vào sườn. Hương lại hy hí cười, cô bảo: Nom bạn cũng thiện cảm đấy, chắc học hành cũng khá, mình học không tốt mình sẽ làm phiền nhiều đấy, cho mình mượn bài tập tiếng Trung? Hẳn chạy đi lấy, trao tay rồi Hương về miệng nói: Xi xe - Cảm ơn. Hôm sau Hương mang sang trả rồi về ngay, Thành thấy trong sách có tờ giấy gấp tư vẽ đôi con chim tung bay. Nàng có anh trai đang học bên Trung Quốc, quê nàng ở làng Đào Viên tức vườn đào bên kia sông, ở quê còn ông bà nội, hẳn từng nghe sự tích vườn đào hay lắm, bên hẳn là Lệ Chi Viên tức là vườn vải, sự tích vườn vải cũng rất lầy lừng và chua xót. Rồi bà Hương ốm, thứ bảy hàng tuần cô nhờ hẳn lái về bến đò, chiều chủ nhật lại ra đón đi bệnh viện. Khi chờ đò Hương thường ngả nón bắt hẳn ngồi, hẳn bảo ngồi gãy nón không ngồi, Hương bảo gãy mới thích, nàng còn xòe quạt giấy che đầu cho hai người, bắt hẳn ăn bánh khảo hay kẹo lạc, đò tới Hương xuống đò, nàng đứng mũi nhìn hẳn, hẳn cũng đứng nhìn nàng đợi khi nàng lên đê giờ nón chào hẳn mới về. Hẳn chẳng biết tình yêu thế nào nhưng mà hình như hẳn chớm yêu vì hẳn thấy trong hẳn xuất hiện một cái gì không nói được mà vô cùng dịu dàng thương mến đẹp đẽ mến thương? Đường không tốt, bụng đói nhưng hẳn thấy chả vấn đề gì, chiếc xe Phụng Hoàng xích hộp lấp lóa trong nắng đưa hai

đưa xuyên qua những đường cây, soi bóng xuống dòng sông Đồng Khởi, xuyên qua những cánh đồng vật thì xanh tươi nơi thì lúa chín, qua những ruộng ải đến trường... Hồi ấy sống tem phiếu, nhà Hương là gia đình cán bộ được bao cấp còn nhà hẳn trần nông dân chả có chế độ gì xa phòng chả có giặt. Vài ngày Hương lại bắt hẳn đưa áo lót áo sơ mi cho vào túi bóng ném qua rào cho Hương giặt hộ. Giặt xong lại ném qua rào trả. Có lần nhà Hương có giỗ, Hương ném cho cả khoanh giò đĩa xôi và thịt gà. Hẳn sung sướng âm thầm, không biết đây là cái gì mà sao tươi đẹp đến thế.

- Thế bây giờ người ấy thế nào?

- Giờ thì mình chỉ còn biết hát: “*Đôi bạn ngày xưa học chung một khối...*” Năm 1972 chiến tranh ác liệt loang cả nước, miền Nam là 81 ngày đêm bảo vệ thành cổ đó là chiến dịch ác liệt nhất trong lịch sử, khu thành cổ rộng ba ha mà chịu tới 7 triệu tấn bom, người hy sinh trận đầu đến khi kết thúc tính ra hy sinh đến chục ngàn lần, hy sinh hàng vạn mà không có hài cốt nào ở đây. Còn miền Bắc thì Mỹ tuyên bố cho Hà Nội về thời đồ đá nên thi tốt nghiệp xong mình có giấy gọi đi bộ đội ngay. Hôm chia tay lớp mình có năm bạn và Hương, bọn mình thức suốt đêm viết lưu niệm, đọc thơ hát hò, trò chuyện rất vui vẻ. Diệu Thúy hiền lành ít nói mà làm câu thơ rất cảm động: “*Phận làm trai ong cứ bay đi/ Nơi tuyến lửa là mắt còn sinh tử/ Tầm ở nhà đợi chờ và hứa/ Ăn dâu xanh nhả sợi tơ vàng..*”. Nguyễn Đức Thăng người xú nhất lớp hát như đọc mà thấm lắm... “*Anh lên xe trời đổ cơn mưa, cái gạt nước xưa*

đi nổi nhớ"... Hương vốn dí dỏm mà hôm nay im quá nhìn biết nàng rất buồn, đến khuya trăng đã tà Hương mới hát: "*Cành tre đưa trước gió, là gió la đà em chẳng thấy anh...*". Hát xong đọc câu thơ ứng tác: "*Ai mang buồn đến/ Nếu xúc động vì tình lưu luyến/ Em sẵn sàng để nước mắt rơi/ Mặc lệ rơi anh ơi/ Hãy để đầm lên má/ Hãy để đầm lên môi/ Cho tình ta thấm muối nếm cuộc đời/ Đang vui sống bỗng đành ly biệt*". Thằng còi vui quá nhảy lên ôm chặt Hương khen Hương lãng mạn và nghệ sỹ. Hương khóc và hắn cũng khóc. Mẹ hắn mang cho rá ngô rang và ít quả hồng bì Hương mang sang ban chiều bảo các cháu ăn tạm cả bọn ăn ngô thức tới sáng, mỗi người ăn bát bún cua rồi đèo nhau đi huyện đội tập trung. Đi qua phố Thừa, rẽ vào hiệu ảnh chụp một kiểu, tất mội mạc chân què Hương qua hiệu sách mua cuốn sổ tay nhỏ bằng nửa bàn tay khá dày giấy ca rô tặng. Cô chỉ kịp viết: "Bạn thích đọc Tam Quốc chắc sẽ thành tướng? Mong bạn bình an và tiến bộ. Thừa ngày 8/6/1972". Tới huyện đội phải qua cổng trường huyện. Bọn hắn dừng lại ngắm ngôi trường bao thân thương triu mến, hàng cây phượng đang rộ hoa tươi như màu cờ đỏ in bóng xuống hồ Thừa đẹp lung linh trong thế giới pha lê lỏng huyền ảo lạ lùng. Đợt hắn ra quân là đợt vét, cả huyện có mười ba người, người đi thì ít mà người đưa rất đông, đến giờ hắn phải vào tập trung nhận quân tư trang, ba lô, bàn chải díp đánh răng, một bộ quần áo dài, hai bộ đồ lót, giày dép mũ, sao bát đĩa... mặc xong gấp vội tư trang thường phục để

gửi về rồi vội ra trình người đưa tiễn. Các bạn hắn reo lên sung sướng, ai cũng khen khỏe quá đẹp quá, chúc nhau mọi điều tốt đẹp. Nước mắt Hương tuôn chảy, cán bộ ra giục mọi người vào, hắn đưa tay qua ô cửa bắt tay bè bạn thật chặt. Lần đầu tiên Hắn và Hương mới xiết tay nhau.

Sau đó là những bức tình thư, hắn giàu tình cảm, bạn nữ nào viết cũng rất cầu kỳ công phu đầy cảm xúc lá ngấn nhất cũng ba tờ, dài bảy tờ, những ngày tháng chiến trường những tình thư bè bạn của hắn thành báu vật cho cả tiểu đội, thực tình tiểu đội hắn có mười ba người thì hai người có gia đình, số còn lại ít học không bạn gái chả có một bức tình thư. Còn Hương? Bố mẹ em đều làm trong ngành, Hương thi Đại học y không đỗ, đi học cao đẳng kỹ thuật y Hà Bắc, tuy không hứa không thề chưa có một câu anh em nào chỉ mình với bạn hay tớ bạn bạn nhưng tự trong tâm tưởng hai đứa đã là của nhau rồi, mẹ hắn viết thư cạy coi Hương như dâu của mẹ rồi, mỗi khi về thăm nhà là Hương lại sang sông thăm mẹ, quà trà vò, khăn và thuốc, gánh đầy vại nước mới về. Còn hắn đã có bước may, chiến trường Lào không ác liệt như miền Nam, Lào lại hòa bình trong hòa hợp bạn bè vẫn viết thư thăm nhau nhưng thưa dần. Những ngày tháng gian nan trong quân ngũ, những mùa nắng cháy da mùa mưa thối đất, hắn viết nhật ký, làm thơ, cuốn sổ tay luôn bên ngực trái. Hôm ấy hắn ra suối câu cá bỗng nghe có tiếng xoẹt như tiếng đứt dây chun. Lúc sau anh Bằng kêu lên: Phi! Bên sông có phi! Anh lia loạt AK, tên phi bận quần áo đen ôm súng Cabin chạy

mất. Bằng nhìn hấn túi ngực bị thủng, cuốn sổ tay bị xuyên một phần ba. Hú vía. Hấn cảm ơn tình yêu đã cứu sống đời hấn, và hấn viết, viết như là nhu cầu sống, sau hấn có bài đăng báo và cả thơ đăng báo Quân đội nhân dân. Cuối năm 1974, đơn vị hấn rút về nước đóng bên bờ sông Lam chuẩn bị vào Nam chiến đấu thì miền Nam toàn thắng. Hấn được về phép mười lăm ngày. Vừa hạ ba lô lên trăng kỷ, hấn ôm mẹ, hai mẹ con khóc, mẹ hấn lo cho hấn già đi quá nhiều nhưng cụ vui vì luôn nhận thư và nay đất nước đã thanh bình con trai yêu dấu lại lành lặn trở về, bà cụ cứ đứng ngây ra sung sướng. Hấn mở ba lô: Đây quà cho mẹ, con đi tắm đây, mấy ngày trên tàu xe bẩn quá. Tắm xong hấn dắt xe đi, mẹ hấn hỏi: “Đi đâu?” “Con sang bên báo tin cho hai bác”. “Không con ơi, em Hương nó lấy chồng rồi, hôm nó sang mời nó khóc, nó bảo mẹ ơi số con không được làm dâu mẹ, nó bảo nó không muốn báo tin cho con biết sợ con đột ngột”. Hấn choáng váng, mong đến ngày thống nhất nay thống nhất thật rồi sao lại có sự thế này? Con nghẹn trào lên cổ, hấn vội quay đi nếu không hấn đã khóc. Mẹ hấn thịt gà nấu cơm, hấn một mình ra bên sông.

Hết phép hấn buồn bã trở về đơn vị, thủ trưởng trao cho hấn ba lá thư của Hương:

- Anh yêu dấu - lần đầu tiên mới xuất hiện cụm từ này. Em ngàn lần xin lỗi anh, giờ em xa anh rồi, chồng em là bác sỹ quê Quảng Ninh, em đi học lớp bồi dưỡng chuyên ngành ở Hà Nội, anh ấy là giảng viên, rồi một lần em đi nhờ xe về Bắc Ninh, dự tính đến Bắc Ninh em xuống

nhờ đi về, vừa tới Bắc Ninh thì mưa, mưa không chỉ xối xả mà mưa dai cho tới tối, bọn em vào trú ở bến xe, mua tạm cặp bánh dày ăn thì đêm đã khuya định thuê nhà trọ nhưng hết chỗ, chúng em lang thang vào khu chợ ăn mì đêm rồi định mệnh đến thật mơ hồ cuồng điên và bạo liệt không còn ngăn cách nào nữa. Em khóc, biết là tiếng sét đêm mưa đã chia cách đôi ta, rồi em có bầu và theo anh ấy về Quảng Ninh công tác. Xin phép anh cho em đi lấy chồng, em yêu anh nhưng có người yêu em. Suốt đời em tâm niệm anh, suốt đời em tâm niệm mẹ. Từ nay nếu về quê em không sang bên nhà ta nữa mà em chỉ ra bến đò nhìn sang, em chấp hai tay mong anh và mẹ tha thứ...

Bàng hoàng hết nổi, vừa mừng vừa thương, dù sao cuộc đời lính chiến cũng chẳng muốn hò hẹn làm gì, người ta cũng biết tư duy chứ, trăm người đi còn mấy người về mà nhất tâm chờ đợi? Tiếc là mình ra đi không bật vô âm tín mà vẫn có tin đều đều, đúng tới ngày đoàn tụ thì mất em, nhưng cũng phải mừng cho em, đời mình giờ trắng tay có gì mà mơ ước một nữ sinh y khoa? Em cứ yên tâm với hạnh phúc của mình, anh hứa sẽ không làm phiền, không oán trách, nhớ nhau ta gửi vào giấc mơ, anh gọi bên sông là bến bờ hạnh phúc.

Tháng 8 năm 2017 mẹ hấn qua đời.

Những đoàn người tới viếng đều quen thân nhưng bất ngờ có điện hoa của công ty Hường Thanh tận Quảng Ninh. Người mang lễ viếng yêu cầu gia tang ký vào phiếu vận đơn gồm vòng hoa và 20 triệu đồng. Người nhà không dám ký vì sợ nhầm, vì anh em con cháu trong nhà không

ai công tác hay quan hệ gì ở Quảng Ninh, tiền viếng nhón thế hẳn là mẹ của xếp nhón không phải nhà mình. Nhưng người chuyển hoa khăng định là không nhầm. Mồ yên mà đẹp cho mẹ xong, hẳn mới đến bên bàn thờ thắp hương cho mẹ rồi mở sổ theo dõi. Mới bóc phong bì ghi sổ được mấy đoàn mắt hẳn đã hoa lên, đầu nhức buốt, hẳn lên giường nằm nghỉ và thiu thiu. Hẳn thấy em về, đang thắp hương trước di ảnh mẹ, em bảo Hường Thanh là Thành Hương chứ ai mà anh nghi vấn. Hẳn tỉnh giấc kể hết cho vợ hẳn nghe. Đêm ấy, vợ hẳn ôm chặt hẳn: “Em cảm ơn chị ấy, em cũng tiếc cho chị ấy, em thật hạnh phúc. Chị ấy cũng sung sướng hạnh phúc giàu có hơn chúng ta thế là cùng hạnh phúc!”

Từ khi nhận được giấy mời dự kỷ niệm 70 năm hội trường, hẳn luôn rộn ràng nghĩ đến ngày gặp mặt và đặt ra khá nhiều giả thiết. Nếu em không về thì sao - Buồn muốn khóc? Nếu em về thì sẽ thế nào - Thì lao vào nhau? Em trẻ trung hay em già úa, béo hay gầy - Tùy thôi không quan trọng? Em mặc đồ gì, cô gái thanh mảnh xưa sẽ mặc áo dài dân tộc sẽ rất đẹp. Hẳn em phải là nhân vật quan trọng của lớp em, em giàu có, con bác sỹ kia mà quanh đây thiếu gì người cùng học trường y với em hồi ấy, họ sẽ liên hệ và báo cho em biết?

Rồi hẳn nhớ lại, khi hẳn nằm vống, nằm hang, chờ hết mùa mưa, qua mùa chiến dịch hay qua một trận ốm hay khi tét đến xuân về hẳn đều mơ đẹp và lần nào em cũng linh cảm những giấc mơ tương đồng. Hôm nay hẳn lại mơ ngày hội trường đông vui chưa từng thấy mặc dù trường xưa bạn

cũ đã thay đổi hoàn toàn, xe người về dự bạt ngàn, ai cũng sang trọng lịch lãm hồ hởi, thầy cô cũ không thấy ai ngoài thầy Khanh dạy văn người Quảng Bình. Thầy Khanh không chủ nhiệm lớp nào nhưng thầy cảm tình nhất lớp hẳn. Nay gia đình thầy định cư ở bên Gia Lâm. Thầy là tâm điểm của học sinh khối hẳn nên hẳn đã tìm được nàng, nàng không mặc áo dài mà đầm tây hoa hồng tha thướt, khoác tay ông chồng cao ráo sang trọng. Bốn mắt đắm đắm nhìn nhau mà nét mặt lạnh lùng, nàng ngác tay chồng, chỉ các ngón tay kia vẫy vẫy, hẳn hiểu, chỉ cần hai người nhìn thấy nhau, thấy nhau mạnh khỏe xinh tươi là đủ. Xung quanh vợ chồng Hương là lũ bạn quen cùng lớp đang riu rít bên thầy nên không ai trong nhóm ấy để ý đến cái nhìn đắm đuối của người Quan họ, yêu nhau đứng ở đằng xa... Hẳn nhanh ý và tôn trọng cũng dùng các ngón tay đáp lễ rồi đánh mắt đi về chỗ khác lòng trĩu buồn.

Giữa đông vui ồn ào náo nhiệt mà hẳn thấy trống trải cô đơn, hẳn thầm nhủ: “Thằng cha phong độ, dính cái mũi héch là nói phét phải biết mà ích kỷ thì thôi rồi y như thằng Lạng lớp hẳn, chỉ làm trường công an xã lấy vợ tập hai trẻ đẹp mà cứ vênh vênh”. Hẳn nhớ lại bài thơ Ước gì mà hẳn đã viết tặng nàng: “*Ước gì môi chẳng lạ môi/ Hương nhu tóc ấy thơm tôi tóc này/ Gói mền là gói đầu tay/ Bên kia trần trọc, bên đây bồi hồi...*”.

Hẳn tỉnh thức, ngơ ngác buồn. Hẳn lại lầm lũi ra thăm bên bờ hạnh phúc!

YÊU SAO NÉT VẼ ĐÔNG HỒ

PHẠM THUẬN THÀNH



Làng tranh Đông Hồ cuối năm tắt bật cho những chuyến hàng đi xa. Nhà nào cũng ngút ngàn hàng. Ô tô rầm rập ra vào. Khác hẳn thời của những con đò chở hàng khua nước bến sông. Nhưng hàng bây giờ không còn là những kiện tranh điệp ám lòng dân tộc. Hàng dành cho việc tâm linh.

Vậy mà ở một góc làng Đông Hồ vẫn có người ngày nói ngày mãi mê với nét vẽ ngày xưa. Đó là bà Nguyễn Thị Oanh, người vừa mới được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân làng nghề Việt Nam”.

Bà Nguyễn Thị Oanh sinh năm Canh Tý (1960), nay ngoài năm mươi tuổi mà có ngót năm mươi năm gắn bó với nghề tranh dân gian Đông Hồ. Thời nhỏ cô bé Oanh học theo nét vẽ của mẹ, rồi trở thành lao động phụ của Tổ sản xuất tranh của làng. Những bộ tranh ăn khách bấy giờ như: *Tứ bình, Tứ quý, Tổ nữ, Thạch Sanh, Kiều, Anh hùng dân tộc*... được in nét chính, sau đó thợ tranh dùng bút lông vẽ vờn màu hoàn chỉnh. Cách sản xuất kết hợp in tranh với vẽ thủ công. Chỉ những bộ tranh vuông đề tài cổ mới in màu trên nền điệp.

Cũng những bộ tranh này nếu phóng to thì lại phải vẽ thủ công. Lớn lên một chút cô tổ nữ Oanh trở thành lao động chính của Tổ tranh. Rồi trở thành con dâu của nghệ nhân Nguyễn Hữu Sam, người phụ trách Tổ tranh. Những tháng cuối năm, thợ tranh Đông Hồ cất tranh đi bán khắp các chợ làng trong vùng. Tranh Đông Hồ làm mới làm đẹp cho mỗi nhà dịp Tết đến xuân về. Người làng tranh có thêm thu nhập. Góc hàng tranh lâu dần trở thành nét văn hóa của chợ quê. Cô Oanh gói buộc hàng từ tối hôm trước, đợi đến “Nửa đêm giờ tý canh ba” lai hàng xe đạp đi chợ xa. Đường xấu, chặng đường đến chợ mấy lần ngã dúi dụi. Có lần bó tranh rơi vào vũng nước ổ gà ướt nhoè nhoét phai cả màu.

Thời thịnh đạt tranh Đông Hồ xuất sang thị trường Đông Âu là chính. Đến năm 1990 thị trường Đông Âu đóng băng, nghề tranh đình đốn, Tổ sản xuất tranh không trụ nổi phải giải tán. Đồ nghề mấy lần chuyển chỗ, khi đóng nhờ ở Khu trại chăn nuôi, khi tạm nhờ khuôn viên đình làng, nay chuyển hẳn về nhà. Nhìn cảnh làng nghề mai một, Nghệ nhân Trần Nhật

Tân có bài viết đáng nhớ “Thương nhớ một làng tranh”. Rồi mây nghệ nhân tâm huyết bảo nhau làm tranh tại nhà, quyết giữ nghề truyền thống đặc sắc của làng. Năm 1992 nghệ nhân Nguyễn Hữu Sam bắt đầu tổ chức làm tranh tại nhà. Cô Oanh trở thành lao động chính. Đến năm 1996 nghề tranh có cơ hội phục hồi vì có thị trường mới ở Nhật, Mĩ và Tây Âu. Tranh điệp Đông Hồ trở thành sản phẩm văn hóa đặc trưng của Việt Nam. Danh tiếng tranh của gia đình cô Oanh được nhiều người biết đến. Bảo tàng Dân tộc học đã dành hẳn một khu vực để trình diễn sản xuất tranh dân gian Đông Hồ do gia đình cô Oanh đảm nhận. Cô Oanh còn được phục vụ Hội nghị APEC - 14, được bà Hilari Clinton đến hỏi thăm và tham quan tranh. Tranh gia đình cô còn được tham gia nhiều Liên hoan, Lễ hội lớn trong nước như “Không gian di sản văn hóa Việt Nam-Asean”, “Liên hoan du lịch làng nghề truyền thống Hà Nội”, “Liên hoan văn hóa các dân tộc Bắc Giang”, “Festival Bắc Ninh”... và đã được nhiều lần vinh danh:

Tham dự Hội chợ Du lịch Đồng Bằng Sông Hồng tại thành phố Hải Phòng năm 2013 được UBND thành phố Hải Phòng cấp “Chứng nhận tranh Dân gian Đông Hồ là sản phẩm được yêu thích nhất”.

Tham dự Festival Di sản Quảng Nam lần thứ V năm 2013 được UBND tỉnh Quảng Nam tặng Bằng khen.

Được Trưởng ban Tổ chức Không gian Di sản văn hóa Việt Nam - ASEAN tặng thưởng Giấy khen.

Được Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh tặng Giấy khen.

Tham dự Triển lãm ngành giấy tại Hà Nội được cấp Bằng chứng nhận: “Đã có thành tích trong triển lãm giấy Việt năm 2013”.

Tham dự triển lãm sản phẩm làng nghề truyền thống tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh, chào mừng Chương trình Festival Bắc Ninh 2014, được Trưởng ban tổ chức triển lãm tặng “giải Vàng” cho tác phẩm **“Chùa Bút Tháp”**.

Với những cống hiến bảo tồn và phát triển Tranh dân gian Đông Hồ, bà Nguyễn Thị Oanh đã được Bộ trưởng Bộ VH - TT - DL tặng thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Bên cạnh sản xuất tranh truyền thống, hiện nay bà Oanh còn sáng tác thêm nhiều mẫu tranh mới đề tài phong cảnh. Trên cơ sở kinh nghiệm vẽ tranh truyền thống, bà Oanh tự tìm loại màu đen chất liệu tự nhiên là dùng than rom ngâm hồ để vẽ tranh thủy mặc. Màu đen chất liệu tự nhiên này có độ trầm, âm, ám ảnh. Bà thích vẽ phong cảnh di tích lịch sử văn hóa quê hương để quảng bá rộng rãi như các tranh **“Chùa Dâu”, “Chùa Bút Tháp”, “Thủy đình đền Đô”, “Đình Tranh Đông Hồ”, “Hội làng”**...

Bên chiếc bàn mộc để vẽ tranh trong ngôi nhà cổ chứa đầy mẫu tranh bà Oanh tâm sự, làng nghề tranh đã tồn tại mấy trăm năm, đã trở thành nét đặc trưng văn hóa Việt nên sẽ truyền nghề cho con cháu để dòng tranh mãi mãi lấp lánh màu dân tộc trong thời đại giao lưu văn hóa toàn cầu hiện nay. Tâm sự này thật xứng đáng với nghề làm tranh Đông Hồ đang được đề nghị là “Di sản văn hóa nhân loại”./.

Đêm quê ÊM ĐỀM

NGUYỄN VĂN CHIẾN

Buổi tối mất điện, giữa không gian bao trùm một màu đen tuyền. May quá, đúng khoảng thời gian tôi vừa mới tươm tất xong chuyện cơm nước. Tôi lấy một manh chiếu nhỏ bước lên sân thượng hóng chút gió ít ỏi chờ điện có. Rồi xa thiết bị công nghệ, đài báo, sách vở vô tình tôi có thời gian sống chậm lại giữa ồn ào phố thị. Lúc vẫn vợ nhìn lên bầu trời thành phố mờ ảo không dung tôi nhớ tới những đêm quê nhà êm đềm, bình yên da diết.

Quê tôi là một vùng quê nông thôn yên bình. Phải đi xa tới chục cây số mới có thể thấy được tiếng những chiếc xe tải cỡ lớn hay khói bụi công nghiệp. Tạo hóa cũng ban tặng cho quê tôi có đầy đủ núi đồi, đồng ruộng hay sông suối. Buổi tối mùa hè những chú chim cuốc vẫn thường kêu ra rả ở ngoài bụi rậm. Dàn ve đồng loạt râm ran trên cây nhãn, cây xoài. Thuở chưa có điện, chập tối tôi thuộc lòng hai chiếc đèn dầu. Một chiếc để trong gian nhà chính, chiếc còn lại thì để trong bếp cho mẹ thuận tiện thổi cơm. Công việc đồng áng chiếm

hết khoảng thời gian của mẹ, thế nên mãi tới chập tối mẹ mới có thể vào bếp để quán xuyến việc cơm nước cho cả nhà. Nhà chỉ mình mẹ là người phụ nữ xinh đẹp nhất, hai đứa con trai vụng về chưa giúp được gì nhiều thành ra cơm nước một tay mẹ lo. Xong xuôi, tôi phụ anh trai mang cái chõng ra giữa sân, mang theo chiếc đèn dầu ở trong bếp và cả nhà bắt đầu quân quần bên mâm cơm. Mâm cơm dưới ánh đèn dầu leo lét, đôi khi có ánh trăng mờ tỏ cũng đủ để cho cả nhà thấy mặt nhau và ngồi ăn một cách ngon lành.

Ăn cơm xong, nếu trong năm học thì hai anh em học bài còn không được nghỉ hè đến tận ba tháng hè dài đằng đẵng. Trẻ con ở quê ngày ấy không như bây giờ nhà nào yên lặng ở nhà nấy mà cùng nhau í ới rông rã ra sân kho để chơi. Sân kho là cái sân chung của làng để mọi người sinh hoạt, tụ họp mỗi khi có cuộc họp hay tổ chức ngày hội của làng. Tuy nó không quá rộng thênh thang nhưng lại là một địa điểm vô cùng thích thú của bọn trẻ con chúng tôi. Phần vì sân kho được xây dựng trên nền đất cao ráo nên thoáng mát, đón được nhiều gió

nhất có thể. Lũ trẻ con chơi không biết bao nhiêu là trò chơi dân gian từ nhảy dây, trốn tìm, rồng rắn lên mây... Chơi đến thấm mệt rồi mới trở về nhà. Vào mùa gặt sân kho được chất đống đầy những rom rạ. Rom rạ đầu mùa mang một mùi hương đặc biệt, thơm ngan ngát chất chứa cả hương đồng quê, hương bùn và lấp lánh hương mồ hôi người nông dân tảo tần.

Đêm ở quê những hôm gió lớn, trẻ con còn mang cả điều lên mảnh đồi trống sau nhà để thả. Thả điều ban đêm có cái thú vị riêng mà chỉ người trong cuộc mới có thể cảm nhận được. Để “định vị” được con điều của mình bay ở đâu, mỗi đứa gắn phía con điều một chiếc sáo tự chế nhỏ để khi cầm thả có thể nghe được tiếng vi vút, âm thanh du dương. Có nhiều sự cố cũng dở khóc dở cười khi những chú điều đụng độ vào nhau rồi thi nhau lao xuống

đất. Chủ nhân thì “đau khổ” còn bạn bè đứng ở ngoài cười khúc khích.

Đêm ở quê có lẽ đáng nhớ nhất vẫn là những hôm bên sân nhà trăng thanh gió mát, hàng xóm láng giềng có nồi khoai, sắn luộc, có nồi chè đậu đen ngọt mát hay rổ hoa quả từ cây nhà lá vườn mời mọi người cùng ăn. Cuộc sống nông thôn vất vả nhưng thật sự những khoảnh khắc như này quả là khoảnh khắc đáng quý và nhớ nhất của đời người, của những người sinh ra và lớn lên từ quê.

Đêm quê với tôi luôn là kí ức êm đềm, như thả cỏ mượt trong chiều xuân dịu dàng đầy nắng và gió, như một giấc mơ cổ tích mà lúc nào tôi cũng muốn được trở về. Và có một điều lạ kì thay, mỗi khi mệt mỏi tâm thức tôi lại tìm về kí ức đêm quê để an trú những phút giây bình yên trong lòng./.



Những người lính năm xưa

Hành khúc - Sôi nổi.

Nhạc và lời : Xuân Doãn

Những người lính chúng tôi năm xưa. Ra chiến trường đánh giặc.
Tuổi hai mươi phơi phới mùa xuân. Dù bao gian nan không ngại. Dù
có hy sinh chẳng sờn cùng một lòng thẳng hướng tiền phương. Nơi quê
nhà hẹn hò và mong đợi. Đó là hậu phương đó là tình
thương cho chúng tôi sức mạnh diệu kỳ. Đường
đi đây đêm ngày đạn rớt bom rơi. Bao
đây Chiến trường xa mấy mươi năm. Khúc quân
người chẳng tiếc máu xương. Cho đất nước mình tự do Độc
hành vẫn nhớ không quên. Cho đất nước mình ngàn năm tươi
lập Những người Cựu chiến binh mái đầu đã bạc. Vẫn nhớ về một
đẹp Những người Cựu chiến binh mái đầu đã bạc. Vẫn nhớ về một
thủa ngày xưa Gió...
...thủa ngày xưa.

BIẾT ƠN MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Sầu lắng - Tha thiết

Nhạc và lời: Dương Đức Tuấn



Năm tháng xa rồi, còn đọng trong trái tim, Mẹ lau nước mắt nỗi đau người
Bao nỗi mong chờ, trở về thăm quê hương, người Mẹ yêu dấu hiển dâng trọn



dẫn theo tháng ngày, ruộng lúa bờ tre nặng ân tình, hai tiếng non sông Mẹ hằng trông.
đời gương sáng ngời, cuộc sống bình yên đời cao đẹp, đất nước hôm nay Mẹ mừng vui.



Ngày xưa ấy những tháng năm dài mẹ trần trở, ngày xưa ấy các anh đã đi



xa, vì đất nước bình yên, Mẹ sống trong gian nan, tràn tình đời tình người cao



cả, cả một đời vất vả mẹ nặng mang. Vì đất nước từng ngày Mẹ dần



ngươi vết thương lòng; Mẹ yêu ơi Mẹ là một bài ca, để chúng con hát vang, Mẹ là cả bầu



trời nồng nàn. Dù mai đây đáng xiêu Mẹ xa rồi, Tổ quốc



còn huyền thoại Mẹ bao la, Mẹ là vàng dương rọi soi đường con bước, nguyện làm người Việt



Nam tựa như cánh chim bằng, biển trời không biết mỏi; giành trọn một bài ca biết ơn



người, Mẹ là Mẹ Việt Nam sáng mãi trong ta Mẹ Việt Nam anh hùng./.

Chỉ vì cái tắm...

Thấy ông con trai có vẻ lười biếng, suốt ngày nằm ườn, chẳng chịu lấy vợ, ông bố khuyên nhủ:

- Con đã gần 40 rồi đấy, lấy vợ đi kẻo sau này ăn cơm xong, muốn xia răng cũng không có người lấy tắm cho đâu!

40 năm sau, chàng trai ngày ấy, nay đã thành ông già 80 tuổi, nằm ôm đầu bông nhét chặt hai hai lỗ tai.

- Xung quanh, lũ cháu mở nhạc ầm ĩ, nhảy nhót nô đùa đá bóng ở phòng ngoài. Ông thảm than thở:

- Ôi! Chỉ vì một cái tắm mà thân ta khôn khổ thế này đây!

Xóa đói giảm nghèo

Tình anh còn hộ đói không?

- Dạ, hết.

- Còn hộ nghèo không?

- Dạ, cũng hết luôn!

- Ủa, làm cách nào mà nhanh vậy?

- Dạ thưa, em... đẩy họ sang tỉnh

khác.



Bỏ thư vào thùng

Cô con gái rón rén định ra khỏi nhà lúc gần đi ngủ thì bị ông bố chặn lại:

- Muộn thế này còn định đi đâu nữa?

- Con định chạy ù ra thùng thư để bỏ

hai lá thư thôi ạ!

- Thế thì nhanh lên một chút, thùng thư đó đã huyết sáo hai lần rồi đấy!

Sưu tầm (ĐẶNG HÙNG)

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Đỗ Hà Linh, Kim Oanh, Trí Thường, Lương Thìn, Đàm Thế Du, Nguyễn Cát Chuyên, Phan Thị An Ngọc, Phạm Thuận Thành, Lê Thị Chung, Đặng Phương Linh, Kim Oanh, Đỗ Hà Linh, Nguyễn Hương Giang, Nhất Mạt Hương, Lê Khanh, Vũ Thế Thuộc, Đỗ Hữu Bằng, Vũ Ngọc Hòa, Trần Thiết, Nguyễn Trọng Liễu, Nguyễn Đình Chế Phan Trụ, Phạm Đình Thái, Nguyễn Cát Chuyên, Duy Đắc, Nguyễn Trung, Nguyễn Đức Quế, Nho Thuận, Mai Kháng, Vũ Thế Thuộc, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Văn Hồi, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Hải Anh, Hoàng Ngọc Bính, Nguyễn Đình Tự...

* **Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trụ (Thanh Hóa), Ngô Văn Hiếu, Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu, Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huế), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Viết (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Trần Thái Học (Bến Tre), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 9 năm 2023: Kỷ niệm 78 năm cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9; Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Hướng tới chào mừng Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ (2023 - 2028)... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/8/2023.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT